GIỚI THIỆU

Trong tập này gồm kinh *Kim Cang* và phẩm *Phổ Môn,* cả hai nội dung này đều chuyển tải tư tưởng kinh điển thuộc hệ Bắc tông.

- Nội dung kinh *Kim Cang* là đại ý tiêu biểu của tư tưởng hệ *Bát-nhã,* nhằm xiển dương tinh thần Vô trụ bất cứ đối tượng nào (sáu trần) để đoạn tận chấp thủ ngã (và pháp), thành tựu Chánh tri kiến Vô lậu, Vô ngã, tức viên mãn Trí tuệ Bát-nhã, hội nhập quả vị Phật-đà. Đấy là con đường thực hiện hạnh nguyện Bồ-tát qua nội dung Lục độ với tiêu chí Vô trụ để chuyển hóa Lục độ thành Lục độ Ba-la-mật, viên mãn tự độ, độ tha, tức viên thành Đại Từ bi, Đại Trí tuệ, đạt quả vị giải thoát cuối cùng - Phật-đà.

- Nội dung phẩm *Phổ Môn* thuộc tư tưởng kinh *Pháp Hoa*. *Pháp Hoa* được mệnh danh là *Kinh Vua* - Kinh đứng đầu và dung nhiếp hết thảy các kinh. Được quy ước như thế, bởi lẽ tư tưởng *Pháp Hoa*

khẳng định: *Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật (Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật Tánh)*; đồng thời, độc tôn ở địa vị Phật thừa (Nhất thừa) - thừa sau cùng để Ngộ-Nhập quả Phật, qua bảo chứng của thuật ngữ *Hội tam quy nhất* (Hành giả của ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát đều phải tu Phật thừa này để viên mãn quả Phật).

Xét phẩm *Phổ Môn,* nằm trong 14 phẩm sau của kinh *Pháp Hoa,* thuộc phần Bản môn[1], phần giới thiệu những pháp hành Ngộ-Nhập Tri kiến Phật (Ngộ-Nhập quả vị Phật-đà). *Phổ Môn* là một pháp hành để Ngộ-Nhập Tri kiến Phật ấy. Theo *Phổ Môn,* hành giả muốn Ngộ-Nhập phải thực hiện Lục Độ - thực hiện với tiêu chí Vô ngã (Biểu tưởng là Bồ-tát Quán Thế Âm) để chuyển hóa Lục độ thành Lục độ Ba-la-mật, nhằm tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Khi viên mãn hai đức tánh tự giác, giác tha chính là thời điểm hành giả đã Ngộ-Nhập Tri kiến Phật vậy.

1- Theo tông Thiên Thai phân chia, 14 phẩm đầu Kinh *Pháp Hoa* thuộc phần Tích môn, 14 phẩm sau là phần Bản môn

Tư tưởng *Kim Cang* và *Phổ Môn* xem ra có sự tương đồng nhiều hơn dị biệt. Đấy là đều cùng thực hiện pháp hành Lục độ với tinh thần *Tam luân không tịch*[2] (thành tựu Lục độ Ba-la-mật) hay tinh thần Vô trụ, Vô ngã để hoàn thiện hai đức tánh Từ bi, Trí tuệ; tự giác, giác tha, thành tựu Trí tuệ Bát-nhã Ngộ-Nhập Tri kiến Phật (Ngộ-Nhập quả vị Phật-đà).

Do ý nghĩa vừa trình bày, bút giả mạo muội in hai Kinh này vào chung một tập, tạo thuận duyên để quý độc giả đối chiếu khi nghiên cứu hay tu tập.

Thật ra, hai Kinh này đã được dịch-giải khá lâu, giờ đây hội đủ nhân duyên bút giả bổ cứu để xuất bản. Dù rằng đối tượng nghe pháp và ứng dụng pháp hành của hai Kinh, chủ yếu là hàng Bồ-tát đích thực và hàng Thanh Văn có căn khí Bồ-tát. Tuy nhiên, pháp Phật được giảng tựa như một cơn mưa lớn, mọi loài thảo mộc đều được lợi ích. Cũng vậy, dù đang là phàm phu lại ra đời trong thời mạt pháp, nhưng bất cứ ai chân

---

2- *Tam luân không tịch:* Đấy là năng thí, sở thí, vật thí đều thanh tịnh. Còn gọi là *Tam luân thanh tịnh.*

thành thật học, thật tu một trong hai Kinh này vẫn đón nhận được kết quả thiết thực trong việc chế ngự vọng tâm, tà tâm của mình, nhằm phát triển chân tâm, chánh tâm, là nhân tố căn bản để giữ trọn lý tưởng theo giáo nghĩa Tam quy hầu đi đúng theo dấu chân chư Tổ, chư Phật năm xưa.

Trân trọng kính giới thiệu đến quý độc giả, quý Thiện hữu tri thức đồng học, đồng tu.

Kính

Chùa Hồng Đức, Mùa Phật Đản PL.2556

TK. Thích Giác Quả

LỜI TỰA

Kim Cang Bát-nhã là một trong 720 quyển của tạng *Bát-nhã*. Đã từ lâu, giới nghiên cứu về *Bát-nhã* đã thẩm định *Kim Cang là tiêu biểu cho hệ tư tưởng Bát-nhã - Tư tưởng Tánh Không. Tánh Không* (Tánh Vô ngã) là tánh Thật tại của tất cả các pháp, hội nhập *Tánh Không* là thời điểm thành Phật.

Căn nguyên che đường bít lối đi vào *Thật tại Tánh Không* là ý tưởng về *Tôi* (Ngã-chủ thể) và *Của tôi* (Pháp-đối tượng). *Kim Cang* giới thiệu pháp hành *Vô trụ, Ly tướng* đến với hành giả để đoạn tận căn nguyên đó. Ý tưởng *Tôi*, *Của tôi* chính là Vô minh (si), biểu thị hiện trạng Vô minh ấy là lòng tham dục (tham ái). Sự hiện hữu của con người (Chánh báo) và thế giới (Y báo) chính là hệ quả trực tiếp và gián tiếp (biệt nghiệp và cộng nghiệp) của lòng tham dục đó.

Chúng đương cơ của thời pháp *Kim Cang* là hàng

có đủ tư cách Bồ-tát và Bồ-tát đích thực, những vị đã nhuần nhuyễn Định - Tuệ, chỉ còn tồn đọng nhỏ nhiệm một chút sương mù ý tưởng *Tôi* và *Của tôi* (năng đắc - sở đắc). Với pháp hành *Vô trụ*, *Ly tướng*, hàng Bồ-tát sẽ đoạn tận Vô minh vi tế ấy để bước lên quả vị Phật-đà, với hàng phàm phu, pháp tu của *Kim Cang* sẽ giúp hành giả dễ dàng hộ trì Lục căn, ra khỏi kiếp sống lang thang, quờ quạng trong đêm đen ngũ dục thế gian, để chính thức đi vào tu tập. Diệu dụng của *Kim Cang* thật bất khả tư nghị, hãy thật tâm hạ thủ sẽ có hệ quả tốt đẹp tức khắc.

Được duyên lành giảng dạy kinh *Kim Cang* cho các trường Phật học tại Huế, để có tài liệu cho Tăng Ni sinh tham khảo tu học, bút giả cố gắng dịch-giải bản *Kim Cang* Hán văn do Ngài Cưu-ma-la-thập dịch. Bản dịch-giải này có hai chương. Chương I trình bày *Nhận thức khái quát* (kinh *Kim Cang*), gồm bốn mục: *Lịch sử thành lập*, *Lý do thành lập, Tên Kinh và ý nghĩa, Nội dung căn bản kinh Kim Cang*. Chương II trình bày *Nội dung tư tưởng* (kinh *Kim Cang*), gồm 32 đoạn, mỗi

đoạn có ba mục *Âm, Nghĩa* và *Ý kiến*.

Sau cùng, khi dịch-giải bản Kinh này, chắc chắn còn nhiều thiếu sót, rất mong chư vị Tôn Đức và các bậc Thiện tri thức hoan hỷ bổ khuyết, để lần tái bản được hoàn thiện hơn. Đồng thời, qua sự dịch-giải này có được bao nhiêu Phước đức, bút giả nguyện hồi hướng đến Tứ chúng và tất cả chúng sanh, mong hết thảy chư vị tinh tấn chế ngự và đoạn tận ý tưởng *Tôi* và *Của tôi* để trong tương lai gần hoặc xa, viễn ly hoàn toàn chấp thủ *Ngã-Pháp,* nhằm chứng ngộ viên mãn *Trí tuệ Bát-nhã,* an trú thật tại *Vô trụ, Vô ngã,* thành tựu quả vị tối hậu *Phật-đà.*

PL. 2540, Hồng Đức ngày 19-9-1997

TK. Thích Giác Quả

MỤC LỤC

Đoạn thứ 11: *Vô vi thắng Phước*: Vô vi là Phước đức tối thắng ....

Đoạn thứ 12: *Tôn trọng chánh giáo*: Tôn trọng giáo điển chân chánh (*Kim Cang*) ....

Đoạn thứ 13: *Như Pháp thọ trì*: Thọ trì đúng Pháp ....

Đoạn thứ 14: *Ly tướng tịch diệt*: Ly tướng là tịch diệt.

Đoạn thứ 15: *Trì Kinh công đức*: Công đức trì Kinh (*Kim Cang*)...

Đoạn thứ 16: *Năng tịnh Nghiệp chướng*: Làm sạch Nghiệp chướng ....

Đoạn thứ 17: *Cứu cánh Vô ngã*: Vô ngã là cứu cánh (Niết-bàn)...

Đoạn thứ 18: *Nhất thể đồng quán*: Cái nhìn nhất thể (thật thể)..

Đoạn thứ 19: *Pháp giới thông hóa*: Pháp giới thông suốt...

Đoạn thứ 31: *Tri kiến bất sanh*: Tà tri kiến không sanh khởi (Tứ kiến) ....

Đoạn thứ 32: *Ứng hóa phi chân*: Ứng hóa không phải chân thật ....

CHƯƠNG I
NHẬN THỨC KHÁI QUÁT

I. Lịch sử thành lập:

- Theo kết quả nghiên cứu của các học giả, các nhà Phật học, tư tưởng Đại thừa xuất hiện vào khoảng giữa thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ III Tây lịch.

- Theo giáo sư *Stcherbatski*, tư tưởng Duyên khởi *Tánh Không* xuất hiện vào thế kỷ thứ II Tây lịch và kinh *Kim Cang* thuộc hệ thống tư tưởng này.

- Theo tiến sĩ *Edward Conze*, kinh *Kim Cang* được trước tác vào thế kỷ thứ II, thứ III Tây lịch.

* Địa điểm phát triển tư tưởng Đại thừa, có hai thuyết bất đồng:

1. *Thuyết thứ nhất:* Tư tưởng Đại thừa phát triển ở Bắc Ấn.

2. *Thuyết thứ hai:* Lại xác định tại Nam Ấn.

- Tuy nhiên, nếu căn cứ địa phương có nhiều

trung tâm nghiên cứu Đại thừa, thì có thể kết luận: *Đại thừa được phát triển ở Bắc Ấn và Bắc Trung Ấn.*

* Đến nay, các nhà nghiên cứu Phật giáo đều nhất trí cho rằng: *Tư tưởng Bát-nhã là thừa tiếp tư tưởng của Đại Chúng bộ*. Đó là tư tưởng khẳng định các pháp hiện hữu là kết quả được hình thành bởi các yếu tố hay các duyên (Duyên khởi), các hiện hữu ấy là Vô thường, hư huyễn không thật. Các kinh này xuất hiện ở thời kỳ bộ phái hay thời kỳ phát triển vào khoảng thế kỷ thứ I, thế kỷ thứ II Tây lịch.

II. Lý do thành lập:

Sự thành lập *Kim Cang* là để đáp ứng bối cảnh lịch sử đương thời, gồm 2 lý do:

1. *Lý do đối nội*: Bởi do các trường phái *A-tỳ-đàm* triển khai giáo lý đưa đến hai tư tưởng cực đoan đối chọi nhau, phủ nhận nhau:

- *Nhất Thiết Hữu bộ* cho rằng: *"Nhất thiết pháp giai Hữu"*, với cách ngôn: *"Tam thế thật Hữu, pháp thể hằng Hữu"*.

- Các trường phái A-tỳ-đàm thuộc *Đại Chúng*

bộ chủ trương cực đoan không kém: “*Nhất thiết pháp giai Không*”. Phái này bằng phương tiện phân tích, lý luận sắc bén đã đưa giáo nghĩa mình đến chỗ *ngoan Không*.

Theo quan điểm này thì Niết-bàn là một trạng thái chết. Tại đó, xác thân hóa thành tro bụi, còn ý thức, Trí tuệ chẳng lưu lại một dấu vết gì *(khôi thân đoạn trí)*.

2. ***Lý do đối ngoại***: Do bởi giáo đoàn Bà-la-môn phục hưng mạnh mẽ, và sáng tác nhiều triết thuyết mới bén nhọn, mang chiều hướng đả kích, tranh chấp với giáo nghĩa Phật giáo.

Do vậy, *Bát-nhã* xuất hiện là tiếng nói thoát hai vướng mắc cực đoan ấy, hầu quy kết các tư tưởng bộ phái về một mối, cùng lúc đánh đổ các nạn vấn của ngoại đạo.

* Qua các dữ kiện lịch sử vừa nêu trên đã nói lên rằng, kinh điển Đại thừa không do chính đức Phật thuyết mà do các Tổ sư trước tác về sau. Như vậy, ai là tác giả của các kinh Đại thừa, hay kinh *Kim Cang*? Các kinh Đại Thừa ấy là chính thống hay phi truyền

thống? Nghi vấn này có thể đưa ra hai lập luận để giải thích như sau:

a. Mọi kinh Đại thừa đều được mở đầu: *"Như thị ngã văn..."*; thế là thâm ý cho rằng, đây là kinh do Tôn giả A-nan trùng tuyên lại những lời đức Phật đã dạy. Như vậy không thể nạn vấn ai là tác giả.

b. Theo lịch sử thì không thể khẳng định kinh *Kim Cang* là do đức Phật thuyết, vậy tại sao Kinh lại ghi *"Như thị ngã văn"*? Đây chính là điểm gút mắc của vấn đề. - Chúng ta không thể phủ nhận sự thật của lịch sử; đồng thời cũng không thể phủ nhận nội dung Kinh là không phù hợp với truyền thống. Bối cảnh này chúng ta có thể giải thích rằng:

➢ Nội dung trình bày trong Kinh đã phù hợp với truyền thống, phù hợp với ý Phật, nên dù ai trước tác vẫn được xem là Phật thuyết.

➢ Nội dung diễn bày trong Kinh là diễn bày ý Phật. Vì thế, chư Tổ không dám nhận mình là tác giả.

➢ Nội dung Kinh không khác với giáo lý truyền thống thì nói Kinh do Phật thuyết sẽ tạo niềm tin sâu xa cho người học hỏi, tu tập.

Do các điểm trên, tưởng chúng ta không đáng thắc mắc: *Ai là tác giả kinh Kim Cang hay các bộ kinh Đại thừa?*

Đến đây, một nghi vấn nữa có thể đặt ra: Tại sao phải trước tác thêm các kinh Đại thừa*;* kinh *Kim Cang.v.v.,* khi nội dung Kinh đã phù hợp với lời đức Phật dạy? Phải chăng kinh *Kim Cang* có những giáo lý đặc thù không tìm thấy ở giáo lý truyền thống?

Trả lời câu hỏi này, chính là giới thiệu tổng quát về nội dung, chủ trương, quan điểm của kinh *Kim Cang* nói riêng hay các kinh điển Đại thừa nói chung.

Nếu cho rằng, kinh *Kim Cang* cao thâm hơn giáo lý truyền thống thì không thể đúng; bởi lẽ *Chân lý thì chỉ có một nên chỗ cao thâm của giáo lý cũng chỉ có một mà thôi*. Còn nếu cho rằng kinh *Kim Cang* có một số điểm đặc thù không thấy ở giáo lý truyền thống thì không ổn; vì ở *Nikàya* hay *A-hàm* vốn có đủ *Tứ Đế* vi diệu, *Duyên khởi* cao thâm và có cả *hạnh Bồ-tát* như ở kinh *Kim Cang*. Nếu cần nói lên điểm đặc thù của kinh *Kim Cang* (hay các kinh Đại thừa) thì chỉ có một điểm

duy nhất, đó là triển khai rộng rãi những giáo lý vốn có ở truyền thống.

Nói cách khác, đó chỉ là sự diễn đạt giáo lý cũ với một hình thức mới, và phổ biến rộng rãi vào xã hội với tinh thần nhập thế tích cực hơn; đưa giải thoát vào cuộc đời chứ không chỉ giới hạn ở các Tinh xá, Tu viện hay các cánh rừng u tịch.

Qua trên, chúng ta có thể kết luận: *Đại thừa có nghĩa là phát triển chiều rộng chứ không phải phát triển chiều sâu* vậy.

III. Tên Kinh và Ý nghĩa:

● **Tên Kinh:** Tên Kinh chữ Phạn là *Vajraprajñà-pàramità Sutra*, hoặc *Vajracchedika Prajñàpàramità Sutra* hay gọn hơn là *Prajñàpàramità Sutra.*

Tại Trung Hoa, trước sau có sáu dịch giả, vị dịch đầu tiên là Pháp sư Cưu-ma-la-thập *(Kumarajiva)* vào đầu thế kỷ thứ V Tây lịch. Tiếp nối là ngài Bồ-đề-lưu-chi *(Bodhiruci)*, ngài Chân Đế *(Ba-la-mật-đa-Paramàtha)* vào thế kỷ thứ VI Tây lịch. Cả ba vị này đều dịch tên Kinh là *Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật* kinh.

Vào thế kỷ thứ VII Tây lịch cũng có hai vị, đó là ngài Đạt-ma-cấp-đa *(Dharmagupta)* dịch là *Kim Cang năng đoạn Bát-nhã Ba-la-mật* kinh; ngài Huyền Trang lại dịch *Năng đoạn Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật* kinh. Vị dịch cuối cùng là ngài Nghĩa Tịnh vào thế kỷ thứ VIII Tây lịch, lấy tên là *Phật thuyết năng đoạn Bát-nhã Ba-la-mật* kinh.

Tại Trung Hoa cũng như Việt Nam thường gọi tắt Kinh này là kinh *Kim Cang*. Lẽ ra, cần phải gọi kinh *Năng đoạn Kim Cang* mới biểu đạt đủ ý nghĩa của *Bát-nhã Ba-la-mật*.

● **Ý nghĩa tên Kinh:** Trung Hoa dịch từ *Vajra* là *Kim Cang*, đó là một thứ kim loại quý báu, bền cứng và sắc bén, có thể chặt đứt mọi thứ kim loại khác; từ *Prajñā* dịch là *Trí tuệ* hay *Không trí*. Nhưng dù dịch từ gì đi nữa cũng không thể lột hết ý nghĩa hàm ẩn của từ *Prajñā*. Vì thế, cuối cùng văn học Phật giáo Trung Quốc phải dùng từ ngữ phiên âm là *Bát-nhã* để chỉ loại Trí tuệ đặc thù này, và để tránh gây sự ngộ nhận sai lạc đáng tiếc. Về từ *Pāramitā* dịch là *Đáo bỉ ngạn,* tức thế

giới giải thoát hay Niết-bàn.

Theo trên, nghĩa tên Kinh tạm dịch là *Trí tuệ siêu việt như gươm báu chặt đứt tất cả phiền não*.

Qua đây, tên Kinh đã gói trọn nội dung căn bản của Kinh, đó là trình bày về Trí tuệ siêu việt; thứ Trí tuệ như một thứ gươm báu chặt đứt tất cả chấp thủ, vô minh, chặt đứt tất cả phiền não khổ đau của chúng sanh.

IV. Nội dung căn bản kinh *Kim Cang:*

Qua nhiều thế hệ phân tích, thẩm định, các nước thuộc hệ thống Bắc truyền đã chọn kinh *Kim Cang* và *Bát-nhã tâm* kinh làm tiêu biểu cho toàn bộ văn học Bát-nhã. *Kinh Kim Cang được xem là Kinh tóm lược tất cả các điểm chủ yếu của tạng Bát-nhã, và Tâm kinh được xem là cốt lõi của tạng Bát-nhã đó.*

Tựu trung, nội dung kinh *Kim Cang* là trình bày về Trí tuệ siêu việt hay *Trí tuệ Bát-nhã*, Trí đó chính là *Trí Như Lai* hay *Tri kiến Phật*. Nói gọn, là trình bày về *Tánh Không* của pháp giới (Thật tại như thật của pháp giới). Để thể nhập *Tánh Không* đó, Kinh giới thiệu với

hành giả, việc tiên quyết là phải đi vào nguyên tắc *Phát tâm Đại thừa và tâm Đại bi* (tâm Bồ-đề). Nguyên tắc này được thực hiện bằng con đường *Lục độ* và được soi chiếu bởi ánh sáng của *Vô tướng hay Vô trụ*. Tức hành *Lục độ* với tinh thần lìa *tất cả tướng của nhơn-pháp* (chủ-khách) hay *ngã-ngã sở* mà Kinh nêu tiêu biểu bốn tướng *ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả*. Tóm lại, trong Kinh hơn nửa phần đầu trình bày về nguyên tắc và các phương pháp đoạn trừ chấp thủ *tướng ngã*, phần còn lại là trình bày những cách đoạn trừ chấp thủ *tướng pháp*.

-*Tánh Không* thì nằm ngoài mọi khái niệm, mọi tướng trạng do khái niệm dệt thành. Đi vào *Tánh Không* phải do công phu tu tập và được ánh sáng *Bát-nhã* soi chiếu. Đó là ý nghĩa mà *Tâm kinh* bảo: "*Hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai Không*". (Khi Thiền định thâm sâu về Trí tuệ Bát-nhã, thì thấy rõ năm uẩn là Vô ngã). Do thế, mọi tư duy của ngã đều bó tay bất lực, chúng đều là những hý luận, vọng tưởng đảo điên.

Tuy vậy, để giới thiệu *Tánh Không* cho những người muốn tu tập, hẳn nhiên phải dùng đến phương tiện ngôn ngữ để diễn bày, gọi là *Văn tự Bát-nhã*. Ngôn ngữ vốn là một trong các pháp vốn do Duyên sinh, nên biến hoại, Vô thường; ấy thế, diễn tả về *Tánh Không* phải được dùng một thứ ngôn ngữ đặc biệt, ngôn ngữ của hệ thống *Bát-nhã* - *Ngôn ngữ phủ định*. Phủ định triệt để mọi tướng trạng để khẳng định *Tánh Không* nằm ngoài vòng chấp thủ tướng ngã. Do phương tiện của ngôn từ sẽ đưa hành giả thực hành cụ thể thực hành với pháp *Quán Bát-nhã* (Vô tướng hay Vô trụ). Nhờ đây, khi Thiền quán thâm sâu, hành giả sẽ tự mình thấy được *cái Không* của đương thể bị quán (*đương thể tức Không*). Thấy được *cái Không* ấy là *Quán chiếu Bát-nhã*. Từ nơi quán chiếu đó mà bắt gặp được thật tướng các pháp - *Thật tướng Bát-nhã*. Quán chiếu chẳng lìa thật tướng (năng-sở bất dị), *Dụng*, *Thể* tương tức tương nhập, chỉ là *Bát-nhã* (Tánh Không) mà thôi.

Tóm lại, kinh *Kim Cang* là Kinh đúc kết tư

tưởng tạng *Bát-nhã*, nên nội dung gồm có các điểm chủ yếu sau:

* Nói lên *Tánh Không của tất cả các pháp* (Chân Không), đó là *Tánh Vô ngã* hay *Tánh Duyên khởi* và phủ nhận triệt để hết thảy *Tánh ngã*.

* Nói lên *Tánh Không,* tánh đó là tánh *Thật tại như thật* của *thế giới đang là này*, với cái nhìn của Trí tuệ ly tướng (Diệu Hữu).

Chính vì Thật tại nằm ngay ở *thế giới đang là* này, nên kinh *Kim Cang* giới thiệu *Lục Ba-la-mật* để Bồ-tát hành Phật sự độ sanh mà vẫn an trú trong tướng thật (Thật tại tánh Không) ấy.

* Nơi đây, có một điểm mà chúng ta cần phải ghi nhận, trước khi trực tiếp đi vào Kinh văn.

Thời kinh *Kim Cang* được giảng cho 1.250 vị Tỳ-kheo, mà Tôn giả Tu-bồ-đề *(Subhuti)* là đại biểu, vì Ngài đã chứng được *Tánh Không* sâu xa (Giải Không đệ nhất).

Do thế, chúng ta cần hiểu những vấn đề mà Tôn giả thưa thỉnh chính là các vấn đề của thính chúng; đức Phật đáp lời Tôn giả chính là đáp lời cho thính chúng.

Những vướng mắc, những diễn biến tâm lý của Tôn giả chính là các vướng mắc, diễn biến của thính chúng; mỗi lần đức Phật gỡ những gút vướng mắc cho Tôn giả, chính là mỗi lần đức Phật mở bày *Thật tại như thật.* Vướng mắc thì có thô, có tế, nhưng *Thật tại như thật* trước sau chỉ có một, có hiểu như thế chúng ta mới nhận ra tính liên tục và tính nhất quán của thời kinh *Kim Cang*.

Qua một số nhận xét tổng quát trên, bây giờ chúng ta có thể trực tiếp đi vào Chánh văn (Hán văn) tuần tự theo ba mươi hai đoạn mà Thái tử Chiêu Minh đời nhà Lương (thuộc thời đại Nam-Bắc triều, vào thế kỷ thứ VI Tây lịch) đã phương tiện phân chia.

CHƯƠNG II
NỘI DUNG TƯ TƯỞNG
Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật.

Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập.

Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Giác Quả.

ĐOẠN THỨ NHẤT

I. Âm: Pháp hội nhân do.

Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Xá-vệ quốc, Kỳ thọ Cấp-cô-độc viên, dữ Đại Tỳ-kheo chúng, thiên nhị bách ngũ thập nhơn câu. Nhĩ thời, Thế Tôn thực thời, trước y trì bát, nhập Xá-vệ đại thành khất thực. Ư kỳ thành trung, thứ đệ khất dĩ, hoàn chí bổn xứ. Phạn thực ngật, thu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa.

II. Nghĩa: *Nguyên nhân pháp hội.*

Đây là những điều tôi được nghe: Khi đức Phật

ở tại Tinh xá Kỳ thọ Cấp-cô-độc thuộc thành Xá-vệ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo gồm 1.250 vị. Hôm ấy, đến giờ khất thực của Thế Tôn, Ngài đắp y, mang bát, đi vào thành Xá-vệ khất thực. Ngài theo phép *thứ đệ khất thực*. Khất thực xong, Ngài trở về Tinh xá thọ trai. Thọ trai xong, Ngài cất y bát, rửa chân và trải tọa cụ tọa thiền.

III. Ý kiến:

1. Qua hình ảnh sinh hoạt bình dị, tự nhiên trong mỗi ngày của đức Phật, nói lên rằng: Đức Phật vì chúng sanh mà ở lại cõi sanh tử, nên phải ăn uống như một con người, nhưng một con người xuất trần gương mẫu, và cũng chính tất cả những sinh hoạt đó là bài thuyết Pháp vô ngôn, biểu thị *Thật tại như thật* (Vô trú Niết-bàn hay Chân không Diệu hữu) mà đức Phật thường hộ niệm và giao phó cho các vị Bồ-tát.

2. Tham chiếu bản dịch của ngài Nghĩa Tịnh và Edward Conze thì có thêm chúng Bồ-tát dự pháp hội *Kim Cang* này. Do thế, đứng trên tổng thể thì có hai cách nhìn sai khác:

a. Chúng đương cơ là các vị Thanh Văn (1.250 vị).

b. Chúng đương cơ là các vị Bồ-tát (Thanh Văn có tư cách Bồ-tát và Bồ-tát đích thực).

3. Hình ảnh khất thực của đức Phật là hạnh nguyện truyền thống của chư Phật (quá khứ, hiện tại, vị lai) và cũng là hạnh nguyện tu tập của chúng Tỳ-kheo. Chính ý nghĩa này, khất thực hoàn toàn không phải là pháp dành riêng cho một Tông phái nào, và vấn đề Đại thừa và Tiểu thừa không có mặt tại đây.

ĐOẠN THỨ HAI

I. Âm: Thiện Hiện khải thỉnh.

Thời Trưởng lão Tu-bồ-đề tại Đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn: Hy hữu Thế Tôn! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư Bồ-tát! Thế Tôn, thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục

kỳ tâm? Phật ngôn: Thiện tai, thiện tai! Tu-bồ-đề, như nhữ sở thuyết: Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư Bồ-tát, nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết. Thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề tâm, ưng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm. Duy nhiên, Thế Tôn, nguyện nhạo dục văn.

II. Nghĩa*: Thiện Hiện thưa hỏi.*

Lúc ấy, từ chỗ ngồi của mình trong Đại chúng, Trưởng lão Tu-bồ-đề đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ chân bên phải xuống, chấp tay cung kính bạch đức Phật rằng: *Thế Tôn, Ngài thật là tuyệt diệu!* Thế Tôn thường khéo hộ niệm và khéo giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ-tát. Bạch Thế Tôn! Những thiện nam và thiện nữ muốn phát tâm *Vô thượng Chánh-đẳng Chánh-giác* thì nên trú tâm vào đâu? Nên điều phục tâm như thế nào? – Đức Phật bảo: Hay thay! Đúng thay! Này Tu-bồ-đề, như lời Thầy nói, Như Lai thường khéo hộ niệm và khéo giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ-tát. Vậy Thầy hãy lắng nghe

cho kỹ, Như Lai sẽ vì Thầy mà trả lời. Những thiện nam, thiện nữ nào phát tâm *Vô thượng Chánh-đẳng Chánh-giác* thì họ nên trú tâm và điều phục tâm như thế này. Xin vâng, bạch Thế Tôn, chúng con rất vui mừng được nghe lời chỉ dạy.

III. Ý kiến:

1.*Thật tại như thật* đã được đức Phật thuyết Pháp bằng ngôn ngữ im lặng một cách sống động và đích thực, nhưng thính chúng không thể bắt gặp được. Chính vì thế, khi mở lời, Tôn giả Tu-bồ-đề đã tán thán đức Phật trước khi thỉnh Ngài chỉ dạy *Thật tại* đó bằng ngôn ngữ, bằng khái niệm của con người, để hộ niệm và giao phó sự nghiệp cho các vị có tư cách Bồ-tát.

2. Bài thuyết pháp im lặng đó được diễn đạt cụ thể nhất là qua hành động khất thực của đức Phật - hành động của *Đại bi* và *Đại trí:*

- Đắp y, trì bát là *Trì giới Ba-la-mật.*
- Thực hành khất thực là *Bố thí Ba-la-mật.*
- Theo phép *thứ đệ khất thực* là *Nhẫn nhục Ba-la-mật.*

- Đều đặn thực hành khất thực là *Tinh tấn Ba-la-mật.*
- Chú tâm trong khi thực hành khất thực là *Thiền định Ba-la-mật.*
- Và khất thực với tinh thần Vô tướng, Vô trụ là *Trí tuệ Ba-la-mật.*

Phân tích để dễ hiểu là thế, nhưng thật sự, Trí tuệ Ba-la-mật (Trí tuệ Bát-nhã) luôn có mặt ở cả năm độ mới thành tựu Lục độ Ba-la-mật.

- Sở dĩ, thính chúng không nhận ra được *Thật tại như thật* do bởi vướng mắc tướng ngã. Vì thế, Tôn giả Tu-bồ-đề mới đặt ra hai vấn đề thỉnh cầu đức Phật giải đáp, ấy là *Làm sao trụ tâm vào Thật tại đó và làm sao điều phục tâm khi tâm đang vướng mắc tướng ngã?* Hai câu hỏi này và hai câu đáp của đức Phật là tổng thể nội dung của kinh *Kim Cang* vậy.

- Đức Phật hộ niệm và giao phó sự nghiệp bằng ngôn ngữ *Vô ngôn* cho các vị Bồ-tát đích thực, và hộ niệm giao phó sự nghiệp bằng ngôn ngữ *con người* cho các vị Thanh Văn có tư cách Bồ-tát, đây là vấn đề tất

nhiên trong việc hoá độ tuỳ duyên của đức Phật. Tại đây, không thể đặt nghi vấn đức Phật bất bình đẳng trong sự giáo hoá.

ĐOẠN THỨ BA

I. Âm: Đại thừa chánh tông.

Phật cáo Tu-bồ-đề: Chư Bồ-tát Ma-ha-tát, ưng như thị hàng phục kỳ tâm. Sở hữu nhất thiết chúng sanh chi loại, nhược noãn sanh, nhược thai sanh, nhược thấp sanh, nhược hoá sanh, nhược hữu sắc, nhược vô sắc, nhược hữu tưởng, nhược vô tưởng, nhược phi hữu tưởng phi vô tưởng, ngã giai linh nhập Vô dư Niết-bàn nhi diệt độ chi. Như thị diệt độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh, thật vô chúng sanh đắc diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề, nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ-tát.

II. Nghĩa: *Chánh tông của Đại thừa.*

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: Các vị Đại Bồ-tát nên điều phục tâm họ như sau: Có tất cả bao nhiêu loại chúng sanh, hoặc từ trứng sanh, hoặc từ thai sanh, hoặc sanh từ chỗ ẩm ướt, hoặc sanh từ biến hoá, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tri giác, hoặc không có tri giác, hoặc chẳng phải có tri giác chẳng phải không có tri giác; họ phải đưa tất cả vào *Vô dư Niết-bàn* để được giải thoát tuyệt đối. Tuy vậy, dù giải thoát cho vô lượng vô số chúng sanh như thế, nhưng kỳ thật không thấy có một chúng sanh nào được giải thoát cả. Tại sao vậy? - Này Tu-bồ-đề, bởi lẽ, nếu một vị Bồ-tát mà còn vướng mắc tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải một vị Bồ-tát đích thực.

III. Ý kiến:

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi câu *Trụ tâm vào đâu?* trước, và câu *Làm sao điều phục tâm?* sau; nhưng khi trả lời, đức Phật lại giải quyết câu hỏi thứ hai trước. Tại sao?

- Trên sự thật tâm lý, khi tâm được điều phục

chính là thời điểm tâm an trú; nói cách khác, khi tâm đã an trú chính là thời điểm điều phục tâm đã được thành tựu. Do ý nghĩa ấy, thay bằng dạy phương pháp trụ tâm, đức Phật lại dạy phương pháp điều phục tâm trước.

Đức Phật dạy, muốn điều phục tâm thì phải phát *tâm Đại bi* cứu độ hết thảy chúng sanh, đưa họ vào *Đại Niết-bàn* (Vô dư Niết-bàn) và trong khi cứu độ phải tỉnh thức để không thấy mình là người cứu độ, chúng sanh là kẻ được cứu độ (Trí tuệ Bát-nhã). Nếu cứu độ mà còn thấy mình, thấy chúng sanh, tức đang vướng mắc tướng ngã, và như thế không thể cứu độ chúng sanh được.

Đây là nguyên tắc cơ bản vừa là tiên quyết để trở thành một vị Bồ-tát đích thật, và đây cũng là tiếng chuông đầu tiên khai mở tinh thần *Vô tướng* hay *Vô trụ* của kinh *Kim Cang*. Tinh thần *Vô trụ* chính là tánh thật của Trí tuệ *Bát-nhã*, thứ Trí tuệ chứng thật *Tánh Không* các pháp vậy.

ĐOẠN THỨ TƯ

I. Âm: Diệu hạnh Vô trụ.

Phục thứ Tu-bồ-đề, Bồ-tát ư pháp ưng Vô sở trụ hành ư Bố thí, sở vị bất trụ sắc Bố thí, bất trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp Bố thí. Tu-bồ-đề, Bồ-tát ưng như thị Bố thí, bất trụ ư tướng. Hà dĩ cố? Nhược Bồ-tát bất trụ tướng Bố thí, kỳ Phước đức bất khả tư lượng.Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Đông phương hư không khả tư lượng phủ? Phất dã, Thế Tôn! Tu-bồ-đề, Nam-Tây-Bắc phương tứ duy thượng-hạ hư không, khả tư lượng phủ? Phất dã, Thế Tôn! Tu-bồ-đề, Bồ-tát Vô trụ tướng Bố thí, Phước đức diệc phục như thị bất khả tư lượng. Tu-bồ-đề, Bồ-tát đản ưng như sở giáo trụ.

II. Nghĩa*: Hạnh vi diệu: Vô-trụ.*

Hơn nữa, này Tu-bồ-đề! Các vị Bồ-tát đối với các pháp không nên trú vào bất cứ cái gì để thực hiện Bố thí; nghĩa là không dựa vào *sắc* để Bố thí, cũng không dựa vào *thanh, hương, vị, xúc, pháp* để Bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên Bố thí với tinh thần *Không trú*

vào các tướng như thế. Tại sao vậy? Bởi lẽ Bồ-tát Bố thí với tinh thần *Không trú* vào các tướng thì Phước đức sẽ không thể suy lường được. Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Không gian ở phương Đông có thể suy lường được không? – Bạch Thế Tôn, không thể được. Cũng thế, này Tu-bồ-đề! Không gian ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bốn góc, phương trên và phương dưới có thể suy lường được không? – Bạch Thế Tôn, không thể được! – Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát Bố thí mà *Không trú* vào các tướng thì Phước đức cũng rộng lớn như không gian, không thể suy lường được. Này Tu-bồ-đề! Các vị Bồ-tát nên trú tâm theo lời chỉ dẫn vừa nêu trên (*trụ ư Vô sở trụ*).

III. Ý kiến:

Đến đây, một số Tỳ-kheo chưa ngộ được *Tánh Không* của các pháp, nên băn khoăn làm sao thực hành hạnh nguyện Bố thí (Lục độ), đó là hạnh căn bản của Bồ-tát. Các vị nghĩ rằng, Bố thí thì phải có người thí, kẻ nhận và vật thí, nhưng đức Phật lại dạy, tất cả các pháp là *Vô tướng* thì nương vào đâu để Bố thí? Hiểu

rõ tâm lý đó, đức Phật dạy tiếp để gỡ vướng mắc cho thính chúng.

- Tâm lý vướng mắc là do tâm lý chấp thủ; vì thế, đức Phật dạy Bồ-tát hành Bố thí cần phải có tinh thần *Vô trụ* đối với tất cả các pháp mà cụ thể là *Không trú* vào các tướng của Lục trần.

- Để khuyến khích thính chúng an tâm thực hiện, đức Phật dạy tiếp: *"Nếu Bố thí với tinh thần Vô trụ như thế, thì sẽ có Phước đức vô lượng, không thể suy lường được*". Ý nghĩa Phước đức vô lượng có hai khía cạnh:

a. Cái gì có tướng thì cái đó có hạn lượng, còn *Vô tướng* thì không có hạn lượng.

b. Trong các Phước đức thì Phước đức giải thoát là tối thắng, tinh thần Vô trụ hay Vô tướng là tinh thần giải thoát tối thượng đó. Do thật nghĩa ấy, nên đức Phật dạy: *"Bố thí với tinh thần Vô tướng thì Phước đức là vô lượng, không thể suy lường được"*.

- Hạnh nguyện căn bản của Bồ-tát để đạt quả Phật là hành Lục độ. Hành Lục độ là để hoàn tất hai tánh như thật của tâm Bồ-đề là Đại bi và Đại trí. Bố thí là

lợi tha để hoàn tất tâm Đại bi, Bố thí với tinh thần Vô trụ là tự lợi để hoàn tất Đại trí (Trí tuệ Bát-nhã). Đây là con đường mà đức Phật (*Kim Cang*) giới thiệu để một vị Bồ-tát hoàn thành mục đích tối hậu của mình.

- Điểm cần lưu ý rằng, trọng tâm hành Lục độ để đạt cứu cánh (Ba-la-mật hay quả Phật) là *tâm tác động* trên hành động chứ hoàn toàn không phải là sự kiện hành động. Nếu hành Lục độ với tâm vướng mắc các tướng (Lục trần) tức rơi vào tham ái, vô minh, rơi vào Nhân quả hữu lậu.

Do vậy, để đạt cứu cánh, Bồ-tát phải dụng tâm rời tất cả chấp thủ tướng ngã. Như thế, ý nghĩa hành Lục độ Ba-la-mật chính là hành cái tâm *tỉnh giác* rời tất cả mọi chấp thủ.

Đến đây, đức Phật dạy thính chúng nên trú tâm như lời Ngài vừa chỉ dạy. Đó là trú tâm bằng cách không trú vào bất cứ cái gì cả, cũng tức là trú vào *tâm Bồ-đề* hay trú vào *Tánh Không* của tất cả các pháp.

Từ đây cho đến đoạn 31, những lời chỉ dạy của đức Phật chỉ là và toàn là nói lên tinh thần trú tâm như thế. Nghĩa là nói lên *tinh thần Vô trụ* và *Vô sở trụ*.

ĐOẠN THỨ NĂM

I. Âm: Như lý thật kiến.

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Khả dĩ thân tướng kiến Như Lai phủ? Phất dã, Thế Tôn! Bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết thân tướng tức phi thân tướng. Phật cáo Tu-bồ-đề: Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai.

II. Nghĩa: *Thấy đúng như lý (Thật tại).*

Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có thể thấy Như Lai qua đặc tướng của Ngài không? – Bạch Thế Tôn, không thể được! Không thể căn cứ vào đặc tướng mà cho là thấy Như Lai. Vì sao? – Do vì, cái mà Như Lai nói là đặc tướng vốn không phải đặc tướng. – Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: *"Bất cứ cái nào có tướng thì cái đó hư vọng* (giả dối)*. Vì vậy, nếu thấy đặc tướng chẳng phải đặc tướng tức thấy Như Lai."*

III. Ý kiến:

- Thời điểm này, một số thính chúng vẫn chưa ngộ được *Tánh Không* của các pháp (Thật tướng Vô tướng), nên vẫn băn khoăn rằng, nếu hành Lục độ với tinh thần *Vô tướng* thì làm sao chứng được quả Phật, ấy là sự thành tựu của ba mươi hai đặc tướng? Thấy rõ tâm trạng đó, đức Phật đặt thẳng vấn đề để gỡ vướng mắc cho thính chúng. Đức Phật dạy rằng, *không thể thấy các đặc tướng như thế mà cho là thấy Như Lai. Bởi các đặc tướng ấy là pháp hữu vi, là pháp sinh diệt; mà Như Lai là Pháp vô vi, là Pháp bất sinh diệt. Do thế, không nên lầm lẫn giữa sắc thân Như Lai và Thật tướng Như Lai.*

- Sau khi phủ nhận Như Lai không phải là các đặc tướng đó, sợ rằng thính chúng sẽ rơi vào *chấp không*; nên đức Phật dạy tiếp rằng, *mặc dầu, sắc thân ấy là hư huyễn, nhưng không hẳn lìa sắc thân mà thấy được Như Lai. Nếu thấy sắc thân không phải sắc thân thì thấy Như Lai đích thực.* Nói rõ hơn, nếu thấy *Tánh Không* của sắc thân ấy (các pháp) tức thấy Thật tướng Như Lai.

ĐOẠN THỨ SÁU

I. Âm: Chánh tín hy hữu.

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh, đắc văn như thị ngôn thuyết, chương cú, sanh thật tín phủ? Phật cáo Tu-bồ-đề: Mạc tác thị thuyết. Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế, hữu trì Giới tu Phước giả, ư thử chương cú năng sanh tín tâm, dĩ thử vi thật; đương tri thị nhơn bất ư nhất Phật, nhị Phật, tam, tứ, ngũ Phật nhi chủng thiện căn, dĩ ư vô lượng thiên vạn Phật sở, chủng chư thiện căn. Văn thị chương cú, nãi chí nhất niệm sanh tịnh tín giả, Tu-bồ-đề, Như Lai tất tri tất kiến; thị chư chúng sanh đắc như thị vô lượng Phước đức. Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng diệc vô phi pháp tướng. Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh, nhược tâm thủ tướng tắc vi trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Nhược thủ pháp tướng tức trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Hà dĩ cố? Nhược thủ phi pháp tướng tức trước

ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Thị cố bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thường thuyết: "Nhữ đẳng Tỳ-kheo tri Ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả, Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp".

II. Nghĩa: *Hiếm có đức tin chân chánh.*

Trưởng lão Tu-bồ-đề bạch đức Phật rằng: *Bạch đức Thế Tôn, trong tương lai nếu có ai được nghe kinh Kim Cang này có thể khởi đức tin đúng chân lý không?*

- Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: Thầy đừng nói như thế! Sau khi đức Như Lai nhập Niết-bàn, vào thời gian 500 năm sau, sẽ có những người giữ Giới, làm Phước, tu Tuệ; những người đó khi nghe được kinh *Kim Cang* này sẽ phát khởi đức tin đúng với chân lý. Trưởng lão nên hiểu rằng, những người đó không phải chỉ gieo căn lành ở một đức Phật, hai đức Phật, ba, bốn, năm đức Phật, mà thật sự đã gieo căn lành ở vô lượng ngàn vạn đức Phật. Những người như thế mà được nghe kinh *Kim Cang* này, dù chỉ một ý niệm thanh tịnh; này Tu-bồ-đề! Như Lai cũng biết rõ, thấy rõ họ và họ có được

vô lượng Phước đức. Tại sao vậy? – Vì những người đó không còn vướng mắc những khái niệm về ngã, về nhơn, về chúng sanh, về thọ giả, về pháp và về phi pháp. Vì sao? Vì những người đó nếu còn có ý tưởng *ngã* tức còn vướng kẹt vào các tướng ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả. Nếu còn ý tưởng *pháp* là còn vướng kẹt các tướng ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả. Nếu còn ý tưởng *phi pháp* vẫn còn vướng kẹt các tướng ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả. Vì thế, không nên chấp thủ *Pháp*, lại càng không nên chấp thủ *phi pháp*. Vì thật nghĩa đó, nên Như Lai thường dạy các Tỳ-kheo hãy nhận thức rằng: *Pháp Như Lai nói tương tự như chiếc bè, Pháp còn phải bỏ huống là phi pháp.*

III. Ý kiến:

- Thính chúng lại tư duy rằng, giáo pháp thâm diệu như thế thì 500 năm sau, nếu ai nghe được cũng khó hiểu và tin đúng như thật. Hiểu rõ vướng mắc đó, đức Phật xác nhận rằng, trong thời kỳ ấy vẫn có những người có đủ Giới đức, Trí tuệ hiểu nghĩa-lý *Kim Cang*

này. Bởi những người đó đã từng hành trì ly thủ hết thảy tướng đến vô số lần; nói cách khác, những người đó đã vô lượng lần an trú trong *Thật tại Vô tướng*.

- Đức Phật biết rõ và thấy rõ những người đó là biểu thị ý nghĩa *chỉ có Trí Phật hay Trí tuệ Bát-nhã mới biết và thấy Thật tại Vô tướng mà thôi*. Ngôn ngữ diễn đạt trong các kinh điển Bắc truyền nói chung và ngôn ngữ của *Kim Cang* nói riêng, là thứ ngôn ngữ biểu tượng; ấy thế, chúng ta cần hiểu theo khuynh hướng đó mới hiểu được ý của Kinh.

- Trực nhập *Thật tại Vô tướng* phải là tinh thần lìa mọi chấp thủ về ngã, về pháp và về phi pháp.

1. *Chấp thủ ngã:* Chính là bản năng của Mạt-na thức, đây là kiến chấp sai lầm và căn bản của con người (chúng sanh). Chấp thủ ngã tựu trung có bốn khía cạnh:

● ***Ngã:*** Quan niệm tự thân có một thật thể độc lập, một *cái tôi* tự chủ (tự ngã).

● ***Nhơn:*** Quan niệm tự thân có một linh hồn thường hằng tái sanh từ kiếp này qua kiếp khác. (người

thì mãi tái sanh làm người, chim thì mãi tái sanh làm chim .v.v…).

● ***Chúng sanh:*** Quan niệm tự thân là một sinh thể hay một hữu tình thường hằng và biệt lập với các chủng loại hữu tình khác, đồng thời biệt lập với các loại vô tình.

● ***Thọ giả:*** Quan niệm tự thân là một sinh mạng có đời sống liên tục từ khi ở trong bào thai cho đến khi chết.

2. *Chấp thủ pháp:* Quan niệm các pháp là thật có (*nhất thiết pháp giai Hữu*). Tại đây, *pháp* mà *Kim Cang* muốn nói chính là các pháp hữu vi thuộc hiện tượng giới.

3. *Chấp thủ phi pháp:* Quan niệm các pháp không thật có (*nhất thiết pháp giai Không*). Tại đây, từ *phi pháp* có hai nghĩa:

● Phi pháp đối lập với pháp (ngoan không)

● Phi Pháp là từ mà đức Phật tạm dùng để chỉ *Thật tại như thật* Vô tướng (*Tánh Không* hay *Chân thật Không*).

Bồ-tát không những phải lìa chấp có (pháp),

chấp không (phi pháp) mà còn cần phải lìa ngay cả chấp thủ *Thật tại như thật* nữa (phi Pháp) mới là một Bồ-tát đích thực.

Pháp và *phi pháp* là hai đối tượng chấp thủ của ngã. Tuy vậy hai chấp thủ này cũng chỉ là và chính là phản diện của chấp thủ ngã mà thôi. Phản diện này có hai nghĩa:

a. Do chấp thủ tự thân có một tự ngã nên chấp thủ các pháp có riêng tự ngã của chúng.

b. Chấp thủ ngã đối lập cũng chính là ý nghĩa chấp thủ ngã.

Qua ý nghĩa trình bày trên, *Kim Cang* đã giới thiệu với thính chúng phương pháp, trực nhập *Thật tại Vô tướng,* đó là phải lìa hẳn chấp thủ ba khái niệm ngã, pháp và phi pháp. Tựu trung, chỉ có một điểm duy nhất là đoạn trừ một thứ khái niệm, đó là *khái niệm tự ngã* mà thôi (đoạn trừ Mạt-na thức). Thế là, trọng tâm điều phục tâm là rời bỏ khái niệm chấp thủ tự ngã. Khi chấp thủ hoàn toàn vắng bóng chính là thời điểm tâm an trú (trú Thật tại Vô tướng hay trú Tánh Không). Đây là ý

nghĩa mà *Tâm kinh* dạy: "…*Hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai Không, độ nhất thiết khổ ách*…". (Khi thực hành thâm sâu Trí tuệ giác ngộ, thấy rõ 5 uẩn (các pháp) đều rỗng Không (không có tự ngã), nên giải thoát toàn diện mọi khổ đau).

- Để giúp thính chúng đoạn trừ tận cùng khái niệm chấp thủ, đức Phật dạy thính chúng cần phải xem giáo pháp Ngài dạy như là *chiếc bè*. Do thế, để đạt cứu cánh giải thoát thì giáo pháp này cần được vất bỏ huống gì là phi giáo pháp.

Theo ý nghĩa này, từ *Pháp* và *phi pháp* ở cuối phần 6 này cần được hiểu: *Pháp* là giáo pháp, là thiện pháp; và *phi pháp* là tà pháp, bất thiện pháp.

Đức Phật dạy, cần xem Phật pháp như chiếc bè, đây là một ví dụ rất sinh động. Chiếc bè là phương tiện qua sông, dòng sông là tham ái, là chấp thủ, là vô minh; bờ bên này là sanh tử, bờ bên kia là Niết-bàn; lên chiếc bè là để qua sông nên cần phải chèo chống, chứ không phải lên bè để thưởng ngoạn… Khi đến bờ bên kia, điều sau cùng phải làm để lên

bờ, đó là phải từ bỏ chiếc bè. Đây chính là tinh thần *Trung đạo Bát-nhã* vậy.

Qua ví dụ chiếc bè cho chúng ta một chân nghĩa: *Phật Pháp là để hành trì nhằm chứng được các quả vị giải thoát, triệt để không phải để nói hay để trang điểm cho bất kỳ một tướng ngã nào, một chấp kiến nào….*

ĐOẠN THỨ BẢY

I. Âm: Vô đắc vô thuyết.

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề da? Như Lai hữu sở thuyết Pháp da? Tu-bồ-đề ngôn: Như Ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định Pháp, danh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề, diệc vô hữu định Pháp Như Lai khả thuyết. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết Pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi Pháp, phi phi Pháp. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết Hiền Thánh giai dĩ Vô vi Pháp nhi hữu sai biệt.

II. Nghĩa: *Không có Pháp chứng đắc.*

Không có Pháp tuyên thuyết.

Trưởng lão Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Phải chăng Như Lai có đắc Pháp Vô thượng Chánh-đẳng Chánh-giác? Phải chăng Như Lai có Pháp để tuyên thuyết? - Tu-bồ-đề bạch Phật: Theo con hiểu lời Thế Tôn dạy, chẳng có Pháp gì riêng biệt gọi là Vô thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, và chẳng có một Pháp gì riêng biệt được Thế Tôn tuyên thuyết. Vì sao vậy? - Vì rằng, Pháp được Thế Tôn chỉ dạy thì không thể nắm bắt được, cũng không thể diễn tả được. Đó chẳng phải là *Pháp* và cũng chẳng phải *phi Pháp*. Tại sao vậy? -Bởi vì tất cả các bậc Hiền Thánh đều do tu tập Pháp Vô vi ấy mà có (quả) sai khác.

III. Ý kiến:

- Các phần trên, mặc dù đức Phật đã nhiều lần chỉ dạy các pháp là Vô tướng, nhưng một số thính chúng vẫn còn vướng mắc rằng, *nếu các pháp Vô tướng, tại sao lại có sự kiện đức Phật chứng đắc Pháp và có Pháp để đức Phật tuyên thuyết?* Thấy rõ sự băn khoăn

đó, đức Phật đặt thẳng vấn đề với Tôn giả Tu-bồ-đề để giải tỏa cho thính chúng.

- Theo hai câu hỏi mà đức Phật đã nêu, từ *Pháp* có hai nghĩa:

a. Pháp đức Phật chứng đắc;

b. Pháp đức Phật tuyên thuyết.

Đây cũng là hai nghĩa mà thính chúng đang tư duy và vướng mắc.

- Hội lãnh thâm ý của đức Phật, Trưởng lão Tu-bồ-đề thay đức Phật giải nghi cho thính chúng. Trưởng lão dạy rằng, *Pháp* mà Thế Tôn chứng đắc và tuyên thuyết chính là *Thật tại Vô tướng* (Pháp Vô lậu hay Pháp Vô vi), nên không thể là đối tượng của ngã để nắm bắt hay diễn đạt. Chính lẽ đó, *Thật tại Vô tướng* không phải là *Pháp*; đồng thời cũng không phải *phi Pháp*. Tức là không phải *một khẳng định* hay *một phủ định* của khái niệm bởi chấp thủ tướng ngã. Đây là *Thật tại như thật*, thật có, nằm ngoài chấp thủ tướng ngã; và, cũng do chứng nhập *Thật tại như thật* ấy hoặc cạn hay sâu mà có quả sai khác trong sự giải thoát.

ĐOẠN THỨ TÁM

I. Âm: Y Pháp xuất sanh.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Nhược nhơn mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, dĩ dụng Bố thí, thị nhơn sở đắc Phước đức, ninh vi đa phủ?

Tu-bồ-đề ngôn: Thậm đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Thị Phước đức tức phi Phước đức tánh, thị cố Như Lai thuyết Phước đức đa.

- Nhược phục hữu nhơn, ư thử Kinh trung, thọ trì nãi chí tứ cú kệ đẳng, vị tha nhơn thuyết, kỳ Phước thắng bỉ. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề, nhất thiết chư Phật cập chư Phật A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề Pháp, giai tùng thử Kinh xuất. Tu-bồ-đề, sở vị Phật Pháp giả tức phi Phật Pháp.

II. Nghĩa: *Sanh khởi từ Pháp.*

- Trưởng lão Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Nếu có người đem bảy thứ châu báu chất đầy cả thế giới tam thiên đại thiên để Bố thí, người đó có Phước đức nhiều không?

Tu-bồ-đề bạch đức Phật: Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao vậy? -Bởi Phước đức đó, tự tánh chẳng phải Phước đức, vì vậy Như Lai mới dạy là Phước đức nhiều.

- Này Trưởng lão, nếu có người thọ trì Kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu, rồi đem thuyết giảng cho người khác nghe, thì Phước đức người này hơn hẳn Phước đức người trên. Vì sao vậy? Này Tu-bồ-đề! Tất cả chư Phật và Pháp Vô thượng Chánh-đẳng Chánh-giác của chư Phật đều xuất phát từ Kinh này. Này Tu-bồ-đề! Cái gọi là *Pháp* Phật tức cái đó chẳng phải là *Pháp* Phật.

III. Ý kiến:

- Các phần trên, đức Phật đã nhiều lần dạy thẳng rằng, *Thật tướng* các pháp là *Vô tướng*, nhưng vẫn còn một số thính chúng chưa lãnh ngộ được. Do thế, đến đây đức Phật chỉ dạy theo tiến trình từ pháp hữu vi để ngộ nhập dần vào Pháp Vô vi. Đức Phật dạy rằng, đứng trên góc độ hữu vi, thiện nam thiện nữ nào đem bảy thứ châu báu nhiều như thế để Bố thí, thì người ấy

sẽ có Phước đức rất nhiều. Trên sự thật Phước đức vốn *Vô tướng*, *Vô tánh* (không có tự ngã), nhưng thuận theo cách nhìn chấp ngã của thính chúng, đức Phật mới bảo *Phước đức nhiều* là vậy.

Dựa trên tâm lý đó, đức Phật khuyến khích thính chúng, nếu ai hiểu rõ và thực hành, diễn giảng cho người khác về lý - nghĩa kinh *Kim Cang* này, dù chỉ một bài kệ bốn câu, thì Phước đức người này hơn xa người Bố thí trên. Đây là một trong những phương tiện giáo hóa thiện xảo của đức Phật; đồng thời, nhờ đó mà thính chúng an tâm thọ trì *Kim Cang*. Khi hiểu lý - nghĩa *Kim Cang* thì tự thực hành và diễn giảng cho tha nhân, chính đó là những yếu tố nuôi dưỡng và phát triển *Trí tuệ Bát-nhã* cho tự thân và tha nhân. Sự tăng trưởng *Trí tuệ Bát-nhã* có nghĩa là sự huỷ diệt dần các lậu hoặc và cũng có nghĩa là ngộ nhập dần vào *Thật tại Vô tướng*. Vào thời điểm *Trí tuệ Bát-nhã* thành tựu chính là thời điểm chứng đắc *Thật tại Vô tướng*, cũng có nghĩa là thời điểm thành tựu quả Phật. Đây là nghĩa mà đức Phật dạy *Quả vị Phật-đà và Pháp của chư*

Phật đều được xuất phát từ kinh Kim Cang này vậy.

Sau khi dẫn dắt thính chúng bằng phương tiện ngôn ngữ như thế, đến điểm cuối, đức Phật lại một lần nữa nhấn mạnh: *"Cái được gọi là quả Phật và giáo lý Phật thuyết, vốn không phải là Pháp Phật"*. Đây là tinh thần phủ nhận triệt để mọi chấp thủ tướng ngã của *Kim Cang*, để khẳng định *Thật tại Vô tướng* thật có, nằm ngoài vòng mọi chấp thủ.

- Qua đoạn Kinh này, chúng ta lại bắt gặp tinh thần đề cao Pháp thí. Đây là tinh thần nhất quán trong giáo lý Phật giáo (cả Nam tạng lẫn Bắc tạng). Pháp thí là nhân tố giúp tha nhân có Chánh kiến để tự soi chiếu sự nghiệp tu tập của mình hầu đạt cứu cánh giác ngộ. Đây là lợi ích siêu việt, tối thượng, không có đối tượng so sánh.

- Theo nghĩa của đoạn Kinh này, Bố thí tài sản là thuộc pháp hữu vi, hữu lậu. Đây chỉ là sự diễn đạt thích ứng với tâm lý để đưa thính chúng tiến dần vào mục đích tối hậu. Trên sự thật, Bố thí tài sản có thể là Pháp Vô vi, Vô lậu, nếu thực hành với *tinh thần Vô tướng,*

Vô trụ (đạt Ba-la-mật) như đoạn thứ 4 ở trên đã đề cập.

- *Tứ cú kệ:* Có hai ý kiến giải thích sai khác:

1. Đó là hai bài kệ ở đoạn thứ 26 và đoạn thứ 32 *("Nhược dĩ sắc kiến ngã..."* và, *"Nhất thiết hữu vi pháp...")*.

2. Đó là một đơn vị (đoạn văn) theo cách tính xưa của kinh sách Phật giáo Ấn Độ. Một đơn vị gồm ba mươi hai chữ chia làm 4 câu, mỗi câu có 8 chữ. Theo ý kiến này *Tứ cú kệ* là muốn chỉ bất cứ một đoạn văn nào trong Kinh, miễn là nói lên được lý-nghĩa chủ yếu của *Kim Cang*.

Qua ngôn ngữ diễn đạt của *Kim Cang*, chúng ta nên hiểu *Tứ cú kệ* theo ý kiến thứ hai xem ra ổn hơn. Hơn nữa, thật ra ý kiến thứ nhất cũng đã được thâu nhiếp trong ý kiến thứ hai rồi.

ĐOẠN THỨ CHÍN

I. Âm: Nhất tướng: Vô tướng.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Tu-đà-hoàn năng tác thị niệm: Ngã đắc Tu-đà-hoàn quả phủ? Tu-bồ-

đề ngôn: Phất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Tu-đà-hoàn danh vi Nhập lưu nhi vô Sở nhập, bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu-đà-hoàn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Tư-đà-hàm năng tác thị niệm: Ngã đắc Tư-đà-hàm quả phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Phất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Tư-đà-hàm danh Nhất vãng lai nhi thật vô Vãng lai, thị danh Tư-đà-hàm.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? A-na-hàm năng tác thị niệm: Ngã đắc A-na-hàm quả phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Phất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? A-na-hàm danh vi Bất lai nhi thật vô Bất lai, thị cố danh A-na-hàm.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? A-la-hán năng tác thị niệm: Ngã đắc A-la-hán đạo phủ? Tu-bồ-ngôn: Phất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Thật vô hữu Pháp danh A-la-hán. Thế Tôn! Nhược A-la-hán tác thị niệm: Ngã đắc A-la-hán đạo, tức vi trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Thế Tôn! Phật thuyết Ngã đắc Vô tránh tam-muội, nhơn trung tối vi đệ nhất, thị đệ nhất ly dục A-la-hán. Thế Tôn! Ngã bất tác thị

niệm: Ngã thị ly dục A-la-hán. Thế Tôn! Ngã nhược tác thị niệm: Ngã đắc A-la-hán đạo, Thế Tôn tắc bất thuyết Tu-bồ-đề thị nhạo A-lan-na hạnh giả. Dĩ Tu-bồ-đề thật vô sở hành, nhi danh Tu-bồ-đề thị nhạo A-lan-na hạnh.

II. Nghĩa: *Một tướng: Vô tướng.*

- Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Vị Tu-đà-hoàn có thể nghĩ rằng, mình chứng quả Tu-đà-hoàn hay không? - Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn, quả thật không. Vì sao vậy? Vì Tu-đà-hoàn có nghĩa là *Vào dòng*, nhưng thật sự không có ai vào và chỗ để vào; cụ thể không vào dòng sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Do thế, mới gọi là Tu-đà-hoàn.

- Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Vị Tư-đà-hàm có thể nghĩ rằng, mình chứng quả Tư-đà-hàm hay không? - Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn, quả thật không! Vì sao vậy? Vì Tư-đà-hàm có nghĩa là *Một lần trở lại*, nhưng thật sự không có ai trở lại và chỗ để trở lại. Do thế mới gọi là Tư-đà-hàm.

Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Vị A-na-hàm có

thể nghĩ rằng, mình chứng quả A-na-hàm hay không? - Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn, quả thật không! Vì sao vậy? Vì A-na-hàm có nghĩa là *Không trở lại*, nhưng thật sự không có ai không trở lại và chỗ để không trở lại. Do thế, mới gọi là A-na-hàm.

- Này Tu-bồ-đề, Thầy nghĩ sao? Vị A-la-hán có thể nghĩ rằng, mình chứng quả A-la-hán hay không? - Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn, quả thật không! Vì sao vậy? - Vì *Thật sự không có Pháp nào được gọi là A-la-hán* cả. Do thế, mới gọi là A-la-hán. Bạch Thế Tôn! Nếu vị A-la-hán nào khởi niệm rằng, mình chứng quả A-la-hán thì vị đó còn chấp vào tướng ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả. Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thường dạy rằng trong những người chứng *Tam-muội Vô tránh* (Định không tranh cãi), con là người đứng đầu, con là vị A-la-hán ly dục bậc nhất. Bạch Thế Tôn! Dù vậy, con không nghĩ mình là vị A-la-hán ly dục bậc nhất. Bạch Thế Tôn! Nếu con nghĩ mình chứng quả A-la-hán thì Thế Tôn đã không nói rằng Tu-bồ-đề là người thích thú hạnh A-lan-na (*Vô tránh Tam-muội*). Vì con thật sự

không tạo nghiệp gì cả nên Thế Tôn mới nói Tu-bồ-đề thích thú hạnh A-lan-na.

III. Ý kiến:

- Ở đoạn thứ 7 và thứ 8, đức Phật đã diễn bày ý nghĩa *Pháp chứng ngộ* và *Pháp được thuyết* của chư Phật là *Vô tướng*, nhưng một số thính chúng vẫn chưa giác ngộ, nên nghi vấn rằng nếu các Pháp Vô tướng thì tại sao có sự kiện đức Phật đắc Pháp và giảng Pháp Tứ Đế, nhờ đó mà có Bốn Thánh quả? Để giúp thính chúng ra khỏi chấp thủ này, nên đức Phật tiếp giảng đoạn thứ 9 này.

- Nội dung chứng ngộ Bốn quả vị từ Tu-đà-hoàn đến A-la-hán, mặc dù có sự cao, thấp, thô, tế sai khác; nhưng xét chung, cảnh giới chứng đắc là *Thật tướng Vô tướng*. Do thế, tâm lý Bốn bậc Thánh này không khởi tướng chấp thủ ngã, pháp (năng đắc, sở đắc). Nói cách khác, tất cả các vị Thánh này đều thấy *Thật tướng Vô tướng* của các pháp vậy.

- Trưởng lão Tu-bồ-đề trưng dẫn sự chứng đắc A-la-hán của mình với ý nghĩa minh xác sự kiện: *Một*

vị A-la-hán thì không bao giờ chấp thủ (nghĩ mình chứng đắc A-la-hán). Điều này không có nghĩa các vị A-la-hán không biết mình đang ở đâu trên lộ trình giải thoát. Thật sự, các Ngài hiểu rất rõ mình đang ở đâu, hiểu rõ mình không còn Nhân sanh tử .v.v, hiểu với Trí tuệ hoàn toàn vắng bóng chấp thủ (Chánh kiến Vô lậu hay Tri kiến giải thoát).

ĐOẠN THỨ MƯỜI

I. Âm: Trang nghiêm Tịnh độ.

Phật cáo Tu-bồ-đề: Ư ý vân hà? Như Lai tích tại Nhiên Đăng Phật sở, ư Pháp hữu sở đắc phủ?

- Phất dã, Thế Tôn! Như Lai tại Nhiên Đăng Phật sở, ư Pháp thật vô sở đắc.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Bồ-tát trang nghiêm Phật độ phủ? – Phất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.

- Thị cố, Tu-bồ-đề, chư Bồ-tát Ma-ha-tát, ưng như thị sanh thanh tịnh tâm, bất ưng trụ sắc sanh

tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Tu-bồ-đề, thí như hữu nhơn, thân như Tu-di sơn vương, ư ý vân hà? Thị thân vi đại phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Thậm đại, Thế Tôn!

- Hà dĩ cố? Phật thuyết phi thân, thị danh Đại thân.

II. Nghĩa: *Trang nghiêm Tịnh độ (cõi Phật).*

Đức Phật hỏi Trưởng lão Tu-bồ-đề: Thầy nghĩ sao? Xưa kia khi tu học với đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai có chứng Pháp gì phải không?

- Bạch Thế Tôn, quả thật không. Khi tu học với đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai không chứng đắc Pháp gì cả.

- Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Các vị Bồ-tát có trang nghiêm cõi Phật hay không? - Bạch Thế Tôn, quả thật không. Vì sao vậy? Vì trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm cõi Phật, nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

- Do thế, này Tu-bồ-đề! Các vị Đại Bồ-tát nên

khởi tâm thanh tịnh như thế này: *Không dựa vào sắc để khởi tâm, cũng không dựa vào thanh, hương, vị, xúc hay pháp để khởi tâm, chỉ nên không dựa vào chỗ nào cả để khởi tâm.* - Này Tu-bồ-đề! Giả sử có người thân thể to lớn như núi chúa Tu-di, Thầy nghĩ sao? Thân ấy lớn không? - Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn, thật rất lớn! - Tại sao vậy? Vì cái mà Thế Tôn gọi là Thân lớn chẳng phải Thân lớn, nên mới gọi là Thân lớn đích thực.

III. Ý kiến:

- Đến đây, một số thính chúng lại thắc mắc rằng, theo đức Phật vừa dạy, trong sự chứng ngộ không có hiện tượng *năng đắc và sở đắc*, thì tại sao trong quá khứ có hiện tượng đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ngài sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni? Một lần nữa đức Phật lại nêu lên nghi vấn của thính chúng để Tôn giả Tu-bồ-đề giải đáp. Tôn giả xác minh, trong sự kiện thọ ký ấy, thật sự không có *người đắc Pháp* và *Pháp được đắc* (vô sở đắc). Bởi lẽ, bấy giờ Bồ-tát Thiện Tuệ (tiền thân đức Phật) đã chứng ngộ *Thật tướng Vô tướng*, nên

mọi chấp thủ hoàn toàn vắng mặt. Tại đây, ý nghĩa thọ ký chỉ là một xác minh sự chứng nhập *Thật tướng Vô tướng* giữa hai bậc giác ngộ; vì thế, hoàn toàn không có sự *trao Pháp* và *nhận Pháp*.

- Một số thính chúng lại tư duy rằng, theo đức Phật dạy, quả Phật là địa vị *vô sở đắc*, thì tại sao đức Phật lại dạy Bồ-tát phải thực hành *Lục Ba-la-mật* (trang nghiêm cõi Phật) để chứng nhập cõi Phật? -Thấu suốt băn khoăn ấy, đức Phật dạy tiếp rằng, hành *Lục Ba-la-mật* (Giới-Định-Tuệ) là hành cái tâm tỉnh giác ra khỏi mọi chấp thủ tướng ngã, tức không trú tâm vào bất cứ cái gì (vô sở trụ) để thực hành (sanh tâm). Nếu khởi tâm đúng như thế mới chứng nhập cõi Phật.

- Theo Edward Conze, thân ở đây là Pháp thân (trong nguyên bản bị thiếu). Trên cơ sở này, chúng ta nên hiểu đoạn Kinh này như sau: *Đến đây, một số thính chúng lại nghĩ rằng, chứng nhập cõi Phật đồng nghĩa với thành tựu Pháp thân, là một Thân thể vĩ đại*. Hiểu rõ vướng mắc đó đức Phật dạy rằng, Thân lớn (Đại thân) mà Thế Tôn bảo, chẳng phải là cái thân vật lý, cái

thân Duyên sinh, cái thân được dựng lên bởi khái niệm tướng ngã; trái lại, cái thân được thành tựu bởi Tri kiến như thật: *Thật tướng của các pháp*. Chính cái thân này mới đích thực là Đại thân (Pháp thân).

ĐOẠN THỨ MƯỜI MỘT

I. Âm: Vô vi thắng Phước.

Tu-bồ-đề, như Hằng hà trung sở hữu sa số, như thị sa đẳng Hằng hà. Ư ý vân hà? Thị chư Hằng hà sa, ninh vi đa phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Thậm đa, Thế Tôn! Đản chư Hằng hà, thượng đa vô số, hà huống kỳ sa.

Tu-bồ-đề! Ngã kim thật ngôn cáo nhữ, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, dĩ thất bảo mãn nhĩ sở Hằng sa số tam thiên đại thiên thế giới, dĩ dụng Bố thí, đắc Phước đa phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Thậm đa, Thế Tôn! Phật cáo Tu-bồ-đề: Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn ư thử Kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhơn thuyết, nhi thử Phước đức thắng tiền Phước đức.

II. Nghĩa: *Vô vi là Phước đức tối thắng.*

- Này Trưởng lão Tu-bồ-đề! Giả sử sông Hằng có bao nhiêu hạt cát là có bấy nhiêu sông Hằng; vậy Thầy nghĩ sao, số cát trong tất cả sông Hằng ấy có nhiều hay không? – Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn, quả rất nhiều. Sự thật, số lượng những sông Hằng đã là vô số, huống chi số lượng hạt cát trong những sông Hằng ấy.

- Này Tu-bồ-đề! Bây giờ Như Lai hỏi thật Thầy, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào đem bảy thứ châu báu đầy cả thế giới tam thiên đại thiên, nhiều như số cát của tất cả các sông Hằng trên mà Bố thí, thì được Phước đức nhiều không? – Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn, quả rất nhiều. Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: *Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào thọ trì Kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu và đem thuyết giảng cho người khác, thì Phước đức của người này hơn hẳn Phước đức của người trên.*

III. Ý kiến:

- Vấn đề chứng nhập *Thật tướng Vô tướng* hay chứng nhập *Thật tại Tánh Không* của các pháp

(chứng quả Phật), hoàn toàn không phải khả năng của tư duy hay kiến thức, mà phải là năng lực tu tập đoạn trừ tham ái, chấp thủ. Do thế, đức Phật lại một lần nữa (lần thứ 3) tán thán Phước đức của người thọ trì, diễn giảng lý-nghĩa *Kim Cang* này, để khuyến khích thính chúng hãy rời mọi suy tư mà đi vào thực hành thiết thực.

- Thọ trì, diễn giảng lý-nghĩa *Kim Cang* chính là thực hành *Lục độ* với tinh thần *Vô tướng* hay thực hành với sự tỉnh thức của *Trí tuệ Bát-nhã*. Phải thế và chính thế, mới gọi là Lục độ Ba-la-mật. Tại đây, cần hiểu đức Phật tán thán Phước đức thọ trì, diễn giảng kinh *Kim Cang* là tán thán *Trí tuệ Bát-nhã*. Nếu hành *Lục độ vạn hạnh* mà thiếu vắng *Trí tuệ Bát-nhã* thì không thể trực nhập *Thật tướng Vô tướng* được.

- Tại đây, một lần nữa đức Phật lại đề cao Pháp thí, Bố thí Pháp là tối thắng trong các Bố thí. Đặc biệt nơi đây, đức Phật dạy, Tài thí vẫn đạt được Phước đức vô lượng (thậm đa) hay đạt Ba-la-mật, nếu người hành thí ly chấp thủ mọi tướng ngã.

ĐOẠN THỨ MƯỜI HAI

I. Âm: Tôn trọng chánh giáo.

Phục thứ Tu-bồ-đề! Tùy thuyết thị Kinh nãi chí tứ cú kệ đẳng, đương tri thử xứ, nhất thiết thế gian Thiên, Nhơn, A-tu-la giai ưng cúng dường như Phật tháp miếu, hà huống hữu nhơn tận năng thọ trì, độc tụng. Tu-bồ-đề! Đương tri thị nhơn thành tựu tối thượng đệ nhất hy hữu chi Pháp. Nhược thị Kinh điển sở tại chi xứ tức vi hữu Phật, nhược tôn trọng đệ tử.

II. Nghĩa: *Tôn trọng giáo điển chân chánh (Kim Cang).*

Này nữa, Tu-bồ-đề! Bất cứ nơi nào thuyết giảng Kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu, thì phải hiểu rằng tại chỗ ấy, tất cả hàng Trời, Người, A-tu-la trong thế giới, đều nên hiến cúng như hiến cúng chùa tháp đức Phật, huống gì là người nhiệt thành thọ trì, độc tụng. Này Tu-bồ-đề! Thầy nên biết rằng người ấy đã thành tựu được cái Pháp tối thượng, hy hữu bậc nhất; và, nơi nào có Kinh này thì nơi đó có mặt đức Phật hay các vị Đại đệ tử của Ngài.

III. Ý kiến:

- Tiếp tục khích lệ thính chúng thực hành kinh *Kim Cang*, đức Phật dạy nơi nào có kinh *Kim Cang* hay có người thọ trì, diễn giảng kinh *Kim Cang*, dù một bài kệ bốn câu, thì nơi đó được xem là chùa tháp thờ đức Phật hoặc có mặt các Đại đệ tử của Ngài, nơi mà hàng Trời, Người, A-tu-la quy hướng tôn kính cúng dường.

- Lưu ý một lần nữa, ngôn ngữ kinh điển Bắc tông nói chung và ngôn ngữ *Kim Cang* nói riêng là thứ ngôn ngữ biểu tượng. Do thế, nơi đây chúng ta phải hiểu rằng: *Sự có mặt người thọ trì diễn giảng Kim Cang hay sự có mặt kinh Kim Cang được xem là sự có mặt của chùa tháp thờ Phật hay sự có mặt của đức Phật hoặc Đại đệ tử của Ngài.* Ý nghĩa nơi đây không hẳn đơn thuần tôn thờ, lễ bái, cúng dường đức Phật, Đại đệ tử hoặc chùa tháp trên hình thức, mà thiết thực là tự học hỏi, hành trì diễn giảng *Kim Cang*. Đồng thời, sự có mặt người thọ trì diễn giảng *Kim Cang* hay có mặt kinh *Kim Cang* là ý nghĩa sự có mặt của *Trí tuệ*

Bát-nhã hay *Thật tại như thật*. Do nghĩa này và chính nghĩa này mới mệnh danh là sự có mặt của đức Phật hay Đại đệ tử của Ngài.

ĐOẠN THỨ MƯỜI BA

I. Âm: Như Pháp thọ trì.

Nhĩ thời, Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Đương hà danh thử Kinh, ngã đẳng vân hà phụng trì? Phật cáo Tu-bồ-đề: Thị Kinh danh vi Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, dĩ thị danh tự nhữ đương phụng trì. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Phật thuyết Bát-nhã Ba-la-mật, tức phi Bát-nhã Ba-la-mật, thị danh Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu sở thuyết Pháp phủ? Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai vô sở thuyết.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu vi trần, thị vi đa phủ? – Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thậm đa, Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề! Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần, thị danh vi trần. Như Lai thuyết thế giới,

phi thế giới, thị danh thế giới. Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ? Phất dã, Thế Tôn! Bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết tam thập nhị tướng, tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng.

- Tu-bồ-đề, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn dĩ Hằng hà sa đẳng thân mạng Bố thí, nhược phục hữu nhơn, ư thử Kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhơn thuyết, kỳ Phước thậm đa.

II. Nghĩa: *Thọ trì đúng Pháp.*

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch đức Phật: Bạch Thế Tôn! Nên gọi Kinh này tên gì và chúng con thọ trì Kinh này như thế nào? Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: Kinh này tên là *Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật* các Thầy hãy căn cứ vào danh hiệu đó mà phụng trì. Vì sao vậy, Tu-bồ-đề? Cái mà Như Lai nói là *Bát-nhã Ba-la-mật vốn không phải Bát-nhã Ba-la-mật, cho nên mới nói là Bát-nhã Ba-la-mật*. - Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ thế nào, có cái Pháp để Như Lai thuyết giảng phải không? - Tu-bồ-đề bạch

Phật: Bạch Thế Tôn! Không có Pháp nào để Như Lai thuyết giảng cả.

Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ thế nào, số lượng vi trần trong thế giới tam thiên đại thiên có nhiều không? - Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Quả rất nhiều.

- Này Tu-bồ-đề! Tất cả các vi trần ấy, Như Lai nói không phải vi trần, cho nên mới nói là vi trần. Và, cái mà Như Lai nói thế giới, vốn không phải thế giới, cho nên mới nói là thế giới. – Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ thế nào, có thể thấy Như Lai qua ba mươi hai tướng quý của Ngài không? – Bạch Thế Tôn, quả thật không! Không thể thấy Như Lai qua ba mươi hai tướng quý ấy. Vì sao vậy? –Vì Như Lai nói ba mươi hai tướng quý, vốn chúng không phải tướng quý, cho nên mới nói là ba mươi hai tướng quý.

- Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào đem thân mạng mình nhiều như số cát sông Hằng để Bố thí; và, có người khác thọ trì Kinh này chỉ một bài kệ bốn câu và thuyết giảng cho tha nhân, thì Phước đức người này rất lớn so với người trên.

III. Ý kiến:

- Qua văn mạch từ đoạn thứ 10 đến đoạn thứ 13 này *(nói về thọ ký thành Phật, trang nghiêm cõi Phật, Pháp thân, tán thán thực hành Lục độ và học hỏi, hành trì Kim Cang)*, nhất là đoạn này, khi đặt tên Kinh, hình như là những đoạn tóm lược lý-nghĩa của Kinh để kết thúc thời pháp. Qua đây, những gì cần hiển lộ *Thật tại như thật*, đức Phật đã chỉ dạy xong; nếu còn thắc mắc gì thì đó là sự vướng mắc tướng ngã của thính chúng. Với những ai không còn vướng mắc thì đã *trực nhập thật tại* qua những lần đức Phật chỉ bày ở trước.

Đặc biệt, qua những lần chỉ bày như thế, *Kim Cang* đã khẳng định quan điểm của Phật giáo rằng: *Vấn đề chứng nhập quả Phật (Thật tại như thật) không phải là vấn đề thuần lý của khái niệm, của kiến thức; mà là vấn đề của đoạn tận chấp thủ, vô minh*. Những gì đức Phật dạy dù thâm sâu tinh tế đến đâu, cũng chỉ là tác dụng như chiếc bè: *Tác dụng thức tỉnh Tuệ giác trong mọi hành động của cuộc sống*. Học *Kim Cang* chúng ta cần phải có Chánh kiến như thế.

- Thông thường, mọi thời pháp khi đặt tên Kinh là báo hiệu thời pháp sắp kết thúc; nhưng nơi đây tên Kinh đã được đặt mà thời pháp còn hơn một nửa. Có lẽ đây là trường hợp đặc biệt của *Kim Cang*!

Theo Edward Conze, sự kiện này có hai trường hợp:

a. Có lẽ bản kinh *Kim Cang* đầu tiên kết thúc ngang đây, các phần sau có thể là do các Luận sư thêm vào.

b. Có lẽ do sắp xếp nhầm lẫn thứ tự các lá bối ghi kinh *Kim Cang* trong thời gian lưu hành.

Cũng theo Edward Conze, từ đoạn thứ 13 này (sau đoạn xác định tên Kinh) đến đoạn thứ 29, chỉ là nói lại những gì đã nói và thiếu tính liên tục, mạch lạc. Ý kiến này, có lẽ ai cũng bắt gặp khi học hỏi, nghiên cứu *Kim Cang*. Chính đây là điểm rất khó cho chúng ta khi giải thích để được ổn thoả! Tuy thế, chúng ta hãy nỗ lực giải thích nhắm đến tính liên tục mạch lạc của mỗi đoạn, trên tinh thần hết sức cẩn trọng.

+ Cần nghĩ rằng, từ đoạn này trở về sau có

những vấn đề được lặp lại, nhưng không phải dư thừa đối với thính chúng; bởi lẽ, trong thính chúng có sự sai biệt về căn cơ. Sự thật, có những vị có thể chứng ngộ *Trí tuệ Bát-nhã* ngay từ lời giảng đầu tiên của đức Phật, có những vị đến đoạn thứ 3, 4, 5, … hoặc đến đoạn 12 mới chứng ngộ; và cũng có những vị đến đây vẫn chưa chứng nhập được. Vì thế, đức Phật đã phương tiện tùy theo tâm lý đang vướng mắc của thính chúng để chỉ bày. Có hiểu như thế chúng ta mới thoát khỏi băn khoăn: Kinh *Kim Cang phải được kết thúc ở đoạn 13 mới hợp lý và các đoạn sau là dư thừa!*

Qua ý nghĩa này cho ta một nhận định: *Thời pháp Kim Cang dài ngắn thế nào, đó chính là diễn tiến tâm lý của thính chúng vậy.*

+ Ở phần12, khi đức Phật ca ngợi người học hỏi, thọ trì kinh *Kim Cang*, một số thính chúng muốn biết tên Kinh để thọ trì. Khi biết tên Kinh, thính chúng lại muốn biết ý nghĩa, nên đức Phật dạy tiếp: *Bát-nhã Ba-la-mật* (Trí độ) *mà Thế Tôn nói vốn không phải Bát-nhã*

Ba-la-mật, nên Thế Tôn mới nói là Bát-nhã Ba-la-mật. Ý của đức Phật muốn dạy rằng, *Bát-nhã Ba-la-mật* mà Ngài vừa nói bằng ngôn ngữ vốn không phải là thật tại *Bát-nhã Ba-la-mật*, thật tại thì nằm ngoài mọi ngôn ngữ, tư duy của ngã. Do thế, cần phải lìa mọi chấp ngã mới bắt gặp *Bát-nhã Ba-la-mật.*

+ Thính chúng lại vướng mắc các vấn đề: Pháp Như Lai thuyết, vi trần, thế giới, ba mươi hai tướng quý; đức Phật lại tuần tự chỉ bày trên tinh thần phủ nhận triệt để mọi ngôn ngữ, khái niệm… được dựng lên bởi chấp thủ ngã, giúp thính chúng đánh thức Tuệ giác của mình (Trí tuệ Bát-nhã) hầu trực nhập *Thật tại như thật* hay *Vô trụ Niết-bàn*.

+ Đoạn cuối *(Tu-bồ-đề, nhược hữu thiện nam tử…kỳ Phước thậm đa)*, lại một lần nữa (lần thứ 4) đức Phật tán thán Phước đức người thọ trì, diễn giảng *Kim Cang* này. Tại đây, ý nghĩa tán thán Phước đức đích thực là tán thán *Trí tuệ Bát-nhã*; chính *Trí tuệ Bát-nhã* tác động trên hạnh nguyện *Lục độ* của Bồ-tát mới đưa *Lục độ* ấy viên mãn thành *Lục độ Ba-la-mật.*

ĐOẠN THỨ MƯỜI BỐN

I. Âm: Ly tướng tịch diệt.

Nhĩ thời Tu-bồ-đề văn thuyết thị Kinh, thâm giải nghĩa thú, thế lệ bi khấp, nhi bạch Phật ngôn: Hy hữu, Thế Tôn! Phật thuyết như thị thậm thâm Kinh điển, Ngã tùng tích lai sở đắc Tuệ nhãn, vị tằng đắc văn như thị chi Kinh. Thế Tôn! Nhược phục hữu nhơn đắc văn thị Kinh, tín tâm thanh tịnh tắc sanh thật tướng, đương tri thị nhơn, thành tựu đệ nhất hy hữu công đức. Thế Tôn! Thị thật tướng giả tắc thị phi tướng, thị cố Như Lai thuyết danh thật tướng. Thế Tôn! Ngã kim đắc văn như thị Kinh điển, tín giải thọ trì, bất túc vi nan. Nhược đương lai thế, hậu ngũ bách tuế, kỳ hữu chúng sanh đắc văn thị Kinh, tín giải thọ trì, thị nhơn tắc vi đệ nhất hy hữu. Hà dĩ cố? Thử nhơn Vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Sở dĩ giả hà? Ngã tướng tức thị phi tướng; nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức thị phi tướng. Hà dĩ cố? Ly nhất thiết chư tướng tắc danh chư Phật.

Phật cáo Tu-bồ-đề: Như thị, như thị! Nhược phục hữu nhơn đắc văn thị Kinh bất kinh, bất bố, bất uý, đương tri thị nhơn, thậm vi hy hữu! Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Như Lai thuyết đệ nhất Ba-la-mật, tức phi đệ nhất Ba-la-mật, thị danh đệ nhất Ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Nhẫn nhục Ba-la-mật, Như Lai thuyết phi Nhẫn nhục Ba-la-mật, thị danh Nhẫn nhục Ba-la-mật. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Như Ngã tích vi Ca-lợi-vương cát tiệt thân thể, Ngã ư nhĩ thời, Vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Hà dĩ cố? Ngã ư vãng tích tiết tiết chi giải thời, nhược hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, ưng sanh sân hận. Tu-bồ-đề! Hựu niệm quá khứ, ư ngũ bách thế, tác Nhẫn nhục Tiên nhân, ư nhĩ sở thế, Vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Thị cố, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ưng ly nhất thiết tướng phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề tâm, bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp

sanh tâm; ưng sanh vô sở trụ tâm, nhược tâm hữu trụ, tắc vi phi trụ. Thị cố Phật thuyết Bồ-tát tâm, bất ưng trụ sắc Bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát vị lợi ích nhất thiết chúng sanh cố, ưng như thị Bố thí. Như Lai thuyết nhất thiết chư tướng, tức thị phi tướng, hựu thuyết nhất thiết chúng sanh tức phi chúng sanh.

Tu-bồ-đề! Như Lai thị Chân ngữ giả, Thật ngữ giả, Như ngữ giả, Bất cuống ngữ giả, Bất dị ngữ giả.

Tu-bồ-đề! Như Lai sở đắc Pháp, thử Pháp vô thật vô hư.

Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát tâm trụ ư pháp nhi hành Bố thí, như nhơn nhập ám tắc vô sở kiến. Nhược Bồ-tát tâm bất trụ pháp nhi hành Bố thí, như nhơn hữu mục, nhật quang minh chiếu, kiến chủng chủng sắc. Tu-bồ-đề! Đương lai chi thế, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, năng ư thử Kinh thọ trì, độc tụng, tắc vi Như Lai dĩ Phật Trí tuệ, tất tri thị nhơn, tất kiến thị nhơn, giai đắc thành tựu vô lượng vô biên công đức.

II. Nghĩa: *Ly tướng là tịch diệt.*

Đến đây, khi nghe đức Phật thuyết giảng kinh *Kim Cang* này, Tu-bồ-đề thấu hiểu nghĩa-lý sâu xa, cảm động rơi lệ, khóc lóc mà bạch đức Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Ngài thật tuyệt diệu! Ngài đã tuyên thuyết kinh *Kim Cang* này thật thâm diệu. Từ khi chứng được Tuệ nhãn đến nay, con chưa lần nào được nghe một Kinh thâm diệu như thế này. Bạch Thế Tôn! Nếu ai được nghe kinh *Kim Cang* này mà tin tưởng tuyệt đối thì thành tựu cái thấy thật tướng *(Tuệ giác chân thật),* phải biết người đó có được công đức hy hữu bậc nhất. Bạch Thế Tôn! Cái thấy thật tướng đó vốn không phải cái thấy thật tướng, nên Như Lai mới nói là cái thấy thật tướng.

Bạch Thế Tôn! Hôm nay con được nghe kinh *Kim Cang* thâm diệu này, tin hiểu, thọ trì chưa gọi là khó lắm; nhưng trong tương lai, vào thời kỳ 500 năm sau, người nào được nghe kinh *Kim Cang* này, tin hiểu, thọ trì mới là hi hữu bậc nhất. Vì sao vậy? – Bởi vì người đó không còn ý tưởng về ngã, nhơn, chúng sanh

và thọ giả. Tại sao như vậy? Vì ý tưởng về ngã chẳng phải là ý tưởng, và ý tưởng về nhơn, chúng sanh và thọ giả cũng chẳng phải ý tưởng. Vì sao vậy? Vì lìa tất cả mọi ý tưởng thì gọi là chư Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Thật đúng như thế! Nếu có người nghe được kinh *Kim Cang* này mà không kinh ngạc, không lo sợ thì biết người đó rất hiếm có. Tại sao vậy? – Này Tu-bồ-đề! Cái mà Như Lai nói là *Bát-nhã Ba-la-mật* vốn chẳng phải *Bát-nhã Ba-la-mật*, nên mới nói là *Bát- nhã Ba-la-mật*. Này Tu-bồ-đề! Cái được gọi là Nhẫn nhục Ba-la-mật, Như Lai nói chẳng phải Nhẫn nhục Ba-la-mật, nên mới nói là Nhẫn nhục Ba-la-mật. Tại sao vậy? Này Tu-bồ-đề! Như kiếp xa xưa, khi bị vua Ca-lợi (Kalinga) chặt đứt thân thể, bấy giờ Như Lai không còn ý tưởng về ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả. Vì sao vậy? Vì nếu khi đó Như Lai còn có ý tưởng về ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả thì đã khởi tâm oán hận vua ấy. Này Tu-bồ-đề! Như Lai nhớ năm trăm đời thời quá khứ, khi đang tu Tiên theo hạnh Nhẫn nhục, bấy giờ Như Lai không còn ý tưởng về

ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả. Vì vậy, này Tu-bồ-đề! Các vị Bồ-tát nên lìa tất cả mọi ý tưởng mà phát tâm Vô thượng Bồ-đề; tức không dựa vào sắc để khởi tâm, cũng không dựa vào thanh, hương, vị, xúc hay pháp để khởi tâm; chỉ nên không dựa vào bất cứ cái gì để khởi tâm; nếu tâm ở đâu thì chính là phi trụ, vì thế Như Lai bảo tâm Bồ-tát thì không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp mà Bố thí (Lục độ). Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thì vì lợi ích cho tất cả chúng sanh mà thực hiện Bố thí như thế. Bởi lẽ Như Lai đã nói, tất cả ý tưởng đều không phải là ý tưởng và tất cả chúng sanh đều không phải là chúng sanh.

Này Tu-bồ-đề! Như Lai là người nói lời Chân xác, nói lời Thật tế, nói lời Như thật, nói lời Không lừa đảo, nói lời Không mâu thuẫn. - Này Tu-bồ-đề! Pháp mà Như Lai chứng đắc, cái Pháp ấy không phải chắc thật cũng không phải hư vô. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát mà còn dựa vào các pháp để thực hiện Bố thí, thì cũng như người đi vào bóng tối chẳng thấy được cái gì; trái lại, nếu Bồ-tát không dựa vào các pháp để thực hiện Bố

thí, thì như người có đôi mắt sáng lại có ánh sáng mặt trời soi chiếu, nên thấy rõ mọi thứ. - Này Tu-bồ-đề! Trong tương lai, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào thọ trì, độc tụng kinh *Kim Cang* này thì sẽ được Như Lai với mắt Trí tuệ biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy và những người ấy sẽ đạt được vô lượng vô biên công đức.

III. Ý kiến:

- Trưởng lão Tu-bồ-đề cảm động rơi lệ chính là thính chúng rơi lệ, vì do hiểu rõ ý Kinh và thấy rõ lòng thương tưởng của đức Phật. Nước mắt dâng trào chính là ý nghĩa *Trí tuệ Bát-nhã* dâng trào hay ý nghĩa chứng nhập *Thật tại Vô tướng*. Từ cảm động hạnh phúc ấy, thính chúng dâng lên đức Phật những lời tán thán sự thâm diệu hy hữu của kinh *Kim Cang này*.

- Theo lời ngài Tu-bồ-đề dạy và đức Phật minh xác, ấy là vào thời gian này (sau 500 năm lần thứ 5) hiếm có những người tin hiểu, thực hành giáo nghĩa *Kim Cang*. Nếu có ai tin hiểu, thực hành thì đó là người đặc biệt bậc nhất, và là người đã gieo căn lành nhiều

đời; đồng thời, người ấy đang và sẽ có nhiều Phước đức lớn lao.

- Người tin hiểu, hành trì *Kim Cang* (Trí tuệ Bát-nhã) chính là người tin hiểu, hành trì với tinh thần tỉnh giác rời mọi ý niệm về ngã. Như thế, kinh *Kim Cang,* kinh *Nikàya* hay kinh *A-hàm* đều nhất quán rằng: *Muốn chứng đạt Trí Phật thì phải đoạn tận mọi chấp thủ ngã* (hay đoạn tận năm thủ uẩn). Nơi đây, đã gợi mở cho chúng ta thấy được chủ trương nhất thống của giáo lý Phật giáo.

- Hạnh căn bản của Bồ-tát là Lục độ. Nơi đây, đức Phật nêu Bố thí và Nhẫn nhục là hai độ liên hệ nhất với chấp ngã (chấp ngã và ngã sở). Qua đây, đức Phật hướng dẫn cụ thể để thính chúng rời chấp thủ cơ bản ấy:

❖ Với hạnh Nhẫn nhục để đạt Ba-la-mật, đức Phật kể lại tiền thân của Ngài đã tu tập nhiều đời với tinh thần tỉnh giác rời hết thảy tưởng ngã, nên hoàn toàn không có sân hận. Tâm lý không sân hận là kết quả của sự tỉnh giác ly tưởng ngã, và chính sự tỉnh giác ly tưởng ngã này là trọng tâm của Nhẫn nhục Ba-la-mật,

chứ không phải là sự nhẫn chịu sự đau đớn của vật lý, oan khuất của tâm lý.

❖ Với hạnh Bố thí để đạt Ba-la-mật, đức Phật dạy, cần phải tỉnh giác để rời ba tưởng ngã: Rời tưởng ngã *mình là người thí* bằng cách rời mọi khái niệm tưởng ngã mà phát tâm *Vô thượng Bồ-đề*; rời tưởng ngã *vật thí* bằng cách không dựa vào Lục trần để thí; và rời tưởng ngã *người nhận* bằng cách tỉnh giác thấy cái phi tướng của đối tượng nhận thí.

Qua đoạn chỉ dạy của đức Phật về Nhẫn nhục và Bố thí để đạt Ba-la-mật đã làm nổi bật vai trò chủ đạo của *Trí độ*. Trí độ cần phải được có mặt thường xuyên mới đưa năm độ trước đạt đích điểm (Ba-la-mật); nếu ngược lại thì kết quả Lục độ chỉ nằm trong phạm vi Nhân quả hữu lậu mà thôi.

- Cuối đoạn này, lại một lần nữa, đức Phật tán thán giáo nghĩa *Kim Cang* và Phước đức của người thọ trì, diễn nói *Kim Cang*.

Ý nghĩa tán thán tại đây, chúng ta cần phải hiểu là tán thán *Trí tuệ Bát-nhã* hay *Trí tuệ Vô ngã.*

ĐOẠN THỨ MƯỜI LĂM

I. Âm: Trì Kinh công đức.

Tu-bồ-đề! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, sơ nhật phần dĩ Hằng hà sa đẳng thân Bố thí, trung nhật phần phục dĩ Hằng hà sa đẳng thân Bố thí, hậu nhật phần diệc dĩ Hằng hà sa đẳng thân Bố thí. Như thị vô lượng bách thiên vạn ức kiếp dĩ thân Bố thí. Nhược phục hữu nhơn văn thử Kinh điển, tín tâm bất nghịch, kỳ Phước thắng bỉ, hà huống thư tả, thọ trì, độc tụng, vị nhơn giải thuyết.

- Tu-bồ-đề! Dĩ yếu ngôn chi, thị Kinh hữu bất khả tư nghị, bất khả xưng lượng, vô biên công đức; Như Lai vị phát Đại thừa giả thuyết, vị phát Tối thượng thừa giả thuyết. Nhược hữu nhơn năng thọ trì, độc tụng, quảng vị nhơn thuyết, Như Lai tất tri thị nhơn, tất kiến thị nhơn, giai đắc thành tựu bất khả lượng, bất khả xưng, vô hữu biên, bất khả tư nghị công đức. Như thị nhơn đẳng, tắc vi hà đảm Như Lai A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Nhược nhạo Tiểu pháp giả, trước

ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tắc ư thử Kinh bất năng thính thọ độc tụng, vị nhơn giải thuyết. Tu-bồ-đề! Tại tại xứ xứ, nhược hữu thử Kinh, nhất thiết thế gian Thiên, Nhơn, A-tu-la sở ưng cúng dường. Đương tri thử xứ tắc vi thị tháp, giai ưng cung kính tác lễ vi nhiễu, dĩ chư hoa hương nhi tán kỳ xứ.

II. Nghĩa: *Công đức trì Kinh (Kim Cang).*

Trưởng lão Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào, buổi sáng đem thân mạng mình nhiều như cát sông Hằng để Bố thí, buổi trưa lại đem thân mạng nhiều như thế để Bố thí; và buổi chiều cũng đem thân mạng nhiều như thế để Bố thí nữa. Sự Bố thí như thế trải qua vô lượng trăm ngàn ức kiếp; đồng thời, có người khác khi nghe kinh *Kim Cang* này đem lòng tin tưởng, không phản kháng thì Phước đức người này nhiều hơn Phước đức người trên. Đó là chưa nói đến Phước đức của sự sao chép, ấn hành, thọ trì, độc tụng hay thuyết giảng cho người khác.

Này Tu-bồ-đề! Tóm tắt để nói, kinh *Kim Cang*

này có vô biên công đức không thể suy diễn hay ước lượng được. Như Lai nói vì những người tu theo giáo pháp Đại thừa, vì những người tu theo giáo pháp Đại thừa Tối thượng. Nếu người nào có khả năng thọ trì, độc tụng hay phổ biến cho người khác hiểu, thì Như Lai biết rõ, thấy rõ người ấy; và người ấy đạt được Phước đức không thể ước lượng, không thể so sánh, không có giới hạn và không thể suy diễn được. Những người như thế có thể gánh vác sự nghiệp Vô thượng Bồ-đề của Như Lai. Tại sao vậy? Này Tu-bồ-đề! Bởi vì, nếu ai ưa thích pháp nhỏ (Tiểu thừa), tức còn vướng mắc ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả, nên với Kinh này họ không có khả năng lắng nghe, tiếp thu độc tụng và nói cho người khác. - Này Tu-bồ-đề! Bất cứ nơi nào mà có bản kinh *Kim Cang* này thì tất cả hàng Trời, Người, A-tu-la trong thế giới đều nên cúng dường; nên biết chỗ ấy chính là tháp Phật, cần được tôn kính, đảnh lễ, đi nhiễu và tung rải các loại hoa hương để cúng dường.

III. Ý kiến:

Bố thí tài vật (ngoại tài) tương đối dễ thực hiện,

nhưng Bố thí thân mạng (nội tài) thì thật khó trong mọi thứ khó làm. Thực hiện Bố thí như thế phải là những vị đã ra ngoài mọi sự *chấp thủ tưởng ngã*, hay những vị đã chứng đạt *Thật tại Vô tướng*; đây là nhận định trên sự thật. Tuy nhiên, tại đoạn này nêu lên sự kiện Bố thí thân mạng với mục đích muốn đề cao Pháp thí hay đề cao *Trí tuệ Bát-nhã*. Bởi lẽ, trọng tâm để chứng nhập *Thật tại Vô tướng* phải là thứ Trí tuệ rời tất cả tưởng ngã, chứ không phải là nội dung việc làm hay sự kiện khó làm.

- Đề cao *Trí tuệ Bát-nhã (Kim Cang)* là đề cao ý nghĩa xả bỏ tham ái, chấp thủ mọi tưởng ngã để đi vào *Vô trụ Niết-bàn* và tán thán Phước đức người thọ trì kinh *Kim Cang* là tán thán Phước đức giải thoát các lậu hoặc, an trú *Thật tại Vô tướng*.

- Kinh *Kim Cang* (*Bát-nhã*) là giáo lý trình bày rốt ráo về *Tuệ-uẩn*, vì thế, chỉ có thể giới thiệu với ai có quá trình tu tập Giới-Định-Tuệ căn bản. Đây là những vị thượng căn thượng trí, với những vị này mới có thể tin hiểu, thọ trì, phát triển và thành tựu *Trí tuệ Bát-nhã*.

Với những người ngoại đạo hay những người mới bước vào đạo Phật thì hẳn nhiên thiếu Nhân duyên để nghe kinh *Kim Cang* này. Đây cũng là tinh thần tùy duyên hóa độ (khế cơ) nhất quán giữa Nam tạng và Bắc tạng.

- Nơi nào có kinh *Kim Cang* thì nơi đó được xem là thờ đức Phật, cho nên hàng Trời, Người, A-tu-la cần nên cung kính cúng dường… Đây là ý nghĩa nơi nào có *Trí tuệ Bát-nhã* thì nơi đó hiện hữu đức Phật; vì thế, cần phải cung kính cúng dường… *Trí tuệ Bát-nhã* ấy. Tại đây, cung kính cúng dường *Trí tuệ Bát-nhã* không phải là những hình thức biểu hiện tín ngưỡng, mà thiết thực là sự học hiểu, hành trì *Trí tuệ Vô ngã* ấy.

ĐOẠN THỨ MƯỜI SÁU

I. Âm: Năng tịnh Nghiệp chướng.

Phục thứ, Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn, thọ trì, độc tụng thử Kinh, nhược vi nhơn khinh tiện, thị nhơn tiên thế tội Nghiệp, ưng đọa ác đạo, dĩ kim thế nhơn khinh tiện cố, tiên thế tội nghiệp tắc vi tiêu diệt, đương đắc A-nậu-đa-la

Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Tu-bồ-đề! Ngã niệm quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, ư Nhiên Đăng Phật tiền, đắc trị bát bách tứ thiên vạn ức na-do-tha chư Phật, tất giai cúng dường thừa sự vô không quá giả. Nhược phục hữu nhơn, ư hậu mạt thế năng thọ trì, độc tụng thử Kinh, sở đắc công đức, ư Ngã sở cúng dường chư Phật công đức, bách phần bất cập nhất, thiên vạn ức phần nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập.

Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn, ư hậu mạt thế, hữu thọ trì, độc tụng thử Kinh, sở đắc công đức, ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nhơn văn, tâm tức cuồng loạn, hồ nghi bất tín. Tu-bồ-đề! Đương tri thị Kinh nghĩa bất khả tư nghị, Quả báo diệc bất khả tư nghị.

II. Nghĩa: *Làm sạch Nghiệp chướng.*

Này nữa, Tu-bồ-đề! Bất cứ thiện nam hay thiện nữ nào thọ trì, độc tụng kinh *Kim Cang* này, nếu bị người khác khinh chê thì những tội ác đời trước của người ấy đáng phải đọa vào đường dữ, nhưng nhờ hiện

tại bị người khinh chê, nên những tội ấy được tiêu diệt hết và sẽ được quả vị *Vô thượng Chánh-đẳng Chánh-giác*. Này Tu-bồ-đề! Như Lai nhớ lại vô lượng vô số kiếp về trước, trước khi gặp đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai đã từng gặp tám trăm bốn ngàn vạn ức vô số chư Phật. Đối với vị nào Như Lai cũng cúng dường hầu hạ chẳng hề thiếu sót. Nhưng vào thời mạt pháp sau này, nếu có người nào có khả năng thọ trì, độc tụng kinh *Kim Cang* này, công đức của người đó lớn hơn hàng trăm hàng ngàn vạn ức lần công đức của Như Lai đã phụng sự chư Phật; cho dù dùng toán học hay ví dụ cũng không thể diễn tả trọn được.

Này Tu-bồ-đề! Vào thời mạt pháp sau này, nếu có người nào có khả năng thọ trì, độc tụng kinh *Kim Cang* này, công đức của họ nếu Như Lai nói đủ, ắt sẽ có người nổi khùng hay nghi ngờ không tin. – Này Tu-bồ-đề! Phải nhận thức rằng, nghĩa-lý kinh *Kim Cang* này không thể suy diễn cho hết, kết quả thọ trì kinh *Kim Cang* này cũng như thế, không thể nói nghĩ cho cùng.

III.Ý kiến:

- Thọ trì, độc tụng *Kim Cang* mà ác báo (Định nghiệp) tiêu diệt chính là ý nghĩa trực nhập hay an trú *Thật tại Vô ngã*. Chỉ khi an trú *Thật tại Vô ngã*, khi đó mới đoạn tận Nhân quả Nghiệp báo hữu lậu. Đây là hiệu năng độc đáo của kinh *Kim Cang* vậy.

- Đức Phật so sánh Phước đức của mình đã hầu hạ cúng dường tám mươi bốn tỉ đức Phật không bằng một phần trong vô lượng phần Phước đức của người thọ trì, độc tụng *Kim Cang*. Ý nghĩa này muốn nhấn mạnh rằng, con đường chứng đắc quả Phật phải là con đường *Trí tuệ Bát-nhã*, con đường của sự đoạn tận tất cả mọi sự tham ái, chấp thủ; sự hầu hạ cúng dường dù được thực hiện nhiều bao nhiêu cũng chỉ là Phước đức hữu lậu càng dễ chìm sâu vào sanh tử. Cũng qua sự nhấn mạnh này còn mang ý nghĩa khuyến khích thính chúng hãy quay về nương tựa chính mình, nương tựa Pháp. Đây cũng là sự nhất quán trong giáo lý Phật giáo và cũng là tinh thần thiết thực rất nhân bản đầy Trí tuệ. Đồng thời, cũng là *Bảo chứng* để thức tỉnh những ai

cho rằng, giáo lý *Kim Cang* là hý luận, xa rời giáo lý truyền thống.

- Đức Phật dạy rằng, nếu tán thán Phước đức của người học hiểu, hành trì… *Kim Cang*, ắt sẽ có những người nghi ngờ, điên loạn, đây là sự thật đã được ghi nhận ở *Nikàya*.

Nikàya ghi rằng: "*Trong thời pháp đức Phật giảng về Vô ngã, có một số Tỳ-kheo hoàn tục, một số khác bực tức đến độ xuất huyết*". Do dữ kiện này nên các kinh *Nikàya* thường lặp lại: *" ...Pháp mà Thế Tôn chứng ngộ thì tế nhị, khó hiểu, khó thấy, chỉ có người trí mới trực nhận được..."* các kinh Bắc truyền thì gọi: *"...Nan tín chi Pháp"*. Đây cũng là lý do tại sao đức Phật phân vân trước khi chuyển bánh xe Pháp vậy.

ĐOẠN THỨ MƯỜI BẢY

I. Âm: Cứu cánh Vô ngã.

Nhĩ thời, Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề tâm vân hà ưng trụ? Vân

hà hàng phục kỳ tâm? Phật cáo Tu-bồ-đề: Thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề tâm giả, đương sanh như thị tâm, ngã ưng diệt độ nhất thiết chúng sanh, diệt độ nhất thiết chúng sanh dĩ, nhi vô hữu nhất chúng sanh thật diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tắc phi Bồ-tát. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Thật vô hữu Pháp phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề tâm giả. Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai ư Nhiên Đăng Phật sở, hữu Pháp đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề phủ? – Phất dã, Thế Tôn! Như Ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật ư Nhiên Đăng Phật sở, vô hữu Pháp đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề.

Phật ngôn: Như thị, như thị! Tu-bồ-đề, thật vô hữu Pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Tu-bồ-đề! Nhược hữu Pháp Như lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề giả, Nhiên Đăng Phật tắc bất dữ ngã thọ ký: *"Nhữ ư lai thế đương đắc tác Phật, hiệu Thích-ca Mâu-ni"*. Dĩ thật vô hữu

Pháp đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề, thị cố Nhiên Đăng Phật dữ ngã thọ ký, tác thị ngôn: *"Nhữ ư lai thế đương đắc tác Phật, hiệu Thích-ca Mâu-ni"*. Hà dĩ cố? Như Lai giả, tức chư pháp như nghĩa. Nhược hữu nhơn ngôn Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Tu-bồ-đề! Thật vô hữu Pháp Phật đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Tu-bồ-đề! Như Lai sở đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề, ư thị trung vô thật vô hư, thị cố Như lai thuyết: *Nhất thiết pháp giai thị Phật Pháp*. Tu-bồ-đề! Sở ngôn nhất thiết pháp giả, tức phi nhất thiết pháp, thị cố danh nhất thiết pháp. Tu-bồ-đề! Thí như nhơn thân Trường đại. Tu-bồ-đề ngôn: Thế Tôn! Như Lai thuyết nhơn thân Trường đại, tức vi phi đại thân, thị danh Đại thân.

- Tu-bồ-đề! Bồ-tát diệc như thị. Nhược tác thị ngôn: Ngã đương diệt độ vô lượng chúng sanh, tắc bất danh Bồ-tát. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Thật vô hữu Pháp danh vi Bồ-tát; thị cố Phật thuyết nhất thiết pháp Vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả.

Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát tác thị ngôn: Ngã đương trang nghiêm Phật độ, thị bất danh Bồ-tát. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm. Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát thông đạt Vô ngã pháp giả, Như Lai thuyết danh chân thị Bồ-tát.

II. Nghĩa: *Vô ngã là cứu cánh (Niết-bàn).*

Lúc bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề bạch đức Phật: Bạch Thế Tôn! Những thiện nam hay thiện nữ muốn phát tâm *Vô thượng Bồ-đề* thì nên trú tâm vào đâu? Nên điều phục tâm như thế nào? - Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: Những thiện nam hay thiện nữ nào muốn phát tâm *Vô thượng Bồ-đề* thì nên phát tâm như thế này: *Ta phải đưa tất cả chúng sanh vào Niết-bàn, nhưng khi tất cả chúng sanh đã vào Niết-bàn vẫn không thấy có một chúng sanh nào đạt Niết-bàn cả.* Tại sao vậy? - Này Tu-bồ-đề! Vì một vị Bồ-tát mà còn ý tưởng về ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả, thì không phải một vị Bồ-tát đích thực. Tại sao vậy? Tu-bồ-đề: Bởi vì thật sự không có một Pháp gì được gọi là phát tâm *Vô thượng*

Bồ-đề cả. - Thầy nghĩ sao! Tu-bồ-đề? Khi xưa, tu với đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đắc cái Pháp gọi là *Vô thượng Bồ-đề* phải không? - Bạch Thế Tôn, quả thật không! Theo con hiểu lời Thế Tôn dạy, khi Ngài tu với đức Phật Nhiên Đăng, không có Pháp gì gọi là chứng đắc *Vô thượng Bồ-đề*.

Đức Phật bảo: Đúng thế, này Tu-bồ-đề! Thật sự không có Pháp gì Như Lai chứng đắc *Vô thượng Bồ-đề*. Nếu như có Pháp gì gọi là Như Lai chứng đắc *Vô thượng Bồ-đề* thì đức Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký cho Như Lai rằng: *"Sau này Ông sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni"*. Chính vì không có Pháp gì gọi là chứng đắc *Vô thượng Bồ-đề*; vì thế, đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho Như Lai rằng: *"Sau này Ông sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni"*. Vì sao vậy? - Vì Như Lai đích nghĩa là *Chân như* của các pháp. Nếu có ai nói Như Lai đắc Pháp *Vô thượng Bồ-đề* thì người đó lầm. Bởi vì, này Tu-bồ-đề! Thật không có Pháp gì gọi là Như Lai chứng đắc *Vô thượng Bồ-đề*. Tu-bồ-đề! Như Lai đắc *Vô thượng Bồ-đề*, sự chứng đắc ấy không

phải là thật có *(thật)*, không phải là rỗng không *(hư)*. Chính ý nghĩa này nên Như Lai tuyên bố rằng: *Tất cả pháp đều là Phật Pháp*. Tu-bồ-đề! Cái được gọi tất cả Pháp thật sự không phải tất cả pháp, nên mới được gọi là tất cả Pháp. Trưởng lão Tu-bồ-đề! Giả như có người thân thể Cao lớn…; Tu-bồ-đề liền thưa: Bạch Thế Tôn, Như Lai nói thân thể Cao lớn chẳng phải thân thể Cao lớn, nên mới nói là thân thể Cao lớn.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát thì phải như vậy. Bồ-tát mà nói, Ta phải làm cho vô lượng chúng sanh chứng đắc Niết-bàn, thì không phải là một vị Bồ-tát. Tại sao như vậy? Này Tu-bồ-đề! Vì sự thật không có cái Pháp gọi là Bồ-tát. Chính vì thế, nên Như Lai nói tất cả pháp là Vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh vô thọ giả. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói rằng: Ta phải trang nghiêm cõi Phật thì không phải là một vị Bồ-tát. Vì sao vậy? Vì Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật, chẳng phải trang nghiêm, nên mới nói là trang nghiêm. Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thấu triệt về sự Vô ngã như thế, Như Lai mới nói vị ấy là một Bồ-tát đích thực.

III. Ý kiến:

- Qua đoạn 15, 16 trên, đức Phật dạy rằng, Thật tánh, Thật tướng của các pháp, của hữu tình và của chư Phật chỉ là *Một* (vô sanh diệt). Thính chúng đang vướng mắc tướng ngã nghe như thế liền băn khoăn, bất an; do vậy, Ngài Tu-bồ-đề đặt lại vấn đề hàng phục tâm, để đức Phật dạy cách hàng phục tâm cho thính chúng. Tại đây khi trả lời, đức Phật trả lời khác với đoạn thứ ba ở trước; đức Phật dạy, Bồ-tát phát tâm cầu quả vị Phật-đà cần phải tỉnh thức để thấy rõ rằng, sự phát tâm đó không phải là *Một pháp* (hữu vi) trong vạn pháp, để thấy mình là một pháp đang cứu độ và chúng sanh là một pháp khác được cứu độ (thật thể phát tâm đó là Vô tánh, Vô tướng).

- Qua trên, một số thính chúng lại chấp thủ sâu hơn, nghĩ rằng pháp vốn *không pháp* thì đức Phật dựa vào đâu để chứng quả Phật? Dựa vào đâu để đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ngài? Đức Phật dạy rằng, sự kiện chứng đắc quả Phật là sự kiện đoạn tận chấp thủ ngã kiến (vô minh), cho nên kết quả chứng đắc quả vị

này không có mặt năng đắc và sở đắc - là bóng dáng do vô minh, ngã kiến dựng lên. Và cũng do đạt được kết quả Vô trú, Vô tướng đó, nên mới được đức Phật Nhiên Đăng thọ ký sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.

- Đức Phật lại tiếp tục gỡ rối cho thính chúng về Như Lai và sự chứng ngộ của Như Lai. Đức Phật dạy, Như Lai là *như tánh* của các pháp. Sở dĩ các pháp được mệnh danh là *thật*, là *hư* là do cặp kính màu *tưởng ngã* gắn vào, nếu lấy cặp kính màu tưởng ngã đó ra khỏi các pháp, thì các pháp sẽ trở về với chính nó (như tánh Vô tánh). Các pháp ở ngoài vòng *thật-hư* của tưởng ngã, đây là Pháp mà Như Lai chứng ngộ và là thật thể Như Lai vậy. (Pháp Như Lai chứng ngộ và thật thể Như Lai không hẳn là hai và cũng không hẳn là một).

- Với cái nhìn không chấp thủ thì Thật tướng Vô tướng các pháp sẽ xuất hiện, và với cái nhìn này thì tất cả các pháp là Pháp Phật. Đây là ý nghĩa mà các kinh (Nam tạng, Bắc tạng) thường dạy: *"Khi tâm thanh tịnh thì thế giới thanh tịnh..."*. Chính ý nghĩa này đã nói lên thái độ sống của những thành viên Phật giáo, thái độ

tích cực dấn thân vào cuộc đời để chuyển hóa thế gian thành cõi thanh tịnh. Đây cũng là cơ sở để thức tỉnh những ai ngộ nhận cho rằng Phật giáo là bi quan yếm thế, xa lánh cuộc đời, thế gian.

- Thân khổng lồ (Trường đại) tại đây, là chỉ Pháp thân Bồ-tát. Pháp thân Bồ-tát vốn là *như tánh* của các pháp (Thật tại Vô tánh, Vô tướng), và chính vì thế mới đích thị là Pháp thân Bồ-tát. Bởi vậy, Bồ-tát cứu độ chúng sanh hay trang nghiêm cõi Phật (hành Lục độ) cần được tỉnh giác an trú Thật tại Vô ngã mới chân thật là một vị Bồ-tát.

ĐOẠN THỨ MƯỜI TÁM

I. Âm: Nhất thể đồng quán.

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Nhục nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu Nhục nhãn.

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Thiên nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu Thiên nhãn.

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Tuệ nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu Tuệ nhãn.

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Pháp nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu Pháp nhãn.

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Phật nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu Phật nhãn.

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Hằng hà trung sở hữu sa, Phật thuyết thị sa phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai thuyết thị sa. Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như nhất Hằng hà trung sở hữu sa, hữu như thị sa đẳng Hằng hà, thị chư Hằng hà sở hữu sa số Phật thế giới, như thị ninh vi đa phủ?

- Thậm đa, Thế Tôn!

Phật cáo Tu-bồ-đề: Nhĩ sở quốc độ trung; sở hữu chúng sanh, nhược can chủng tâm, Như Lai tất tri. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tâm giai vi phi

tâm, thị danh vi tâm. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.

II. Nghĩa: *Cái nhìn nhất thể (thật thể).*

Trưởng lão Tu-bồ-đề, Thầy nghĩ thế nào? Như Lai có mắt thịt phải không?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Như Lai có mắt thịt (Nhục nhãn).

Tu-bồ-đề, Thầy nghĩ thế nào? Như Lai có mắt trời phải không?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Như Lai có mắt trời (Thiên nhãn).

Tu-bồ-đề, Thầy nghĩ sao? Như Lai có mắt tuệ phải không?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Như Lai có mắt tuệ (Tuệ nhãn).

Tu-bồ-đề, Thầy nghĩ sao? Như Lai có mắt pháp phải không?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Như Lai có mắt pháp (Pháp nhãn).

Tu-bồ-đề, Thầy nghĩ thế nào? Như Lai có mắt Phật phải không?

- Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có mắt Phật (Phật nhãn).

Tu-bồ-đề, Thầy nghĩ thế nào? Cát trong sông Hằng, Như Lai cũng nói là cát phải không?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Như Lai nói là cát.

Tu-bồ-đề, Thầy nghĩ thế nào? Giả sử có bao nhiêu cát trong sông Hằng thì có bấy nhiêu sông Hằng, vậy cõi Phật bằng số cát của tất cả những sông Hằng ấy có nhiều hay không?

- Bạch Thế Tôn, quả rất nhiều!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: Có bao nhiêu tâm tưởng của tất cả chúng sanh trong các cõi Phật nói trên, Như Lai đều biết rõ. Tại sao như vậy? Vì Như Lai nói tất cả tâm tưởng ấy không phải tâm tưởng, thế nên Như Lai nói là tâm tưởng. Vì sao vậy? - Này Tu-bồ-đề! Bởi vì tâm tưởng quá khứ không thể nắm bắt được, tâm tưởng hiện tại không thể nắm bắt được và tâm tưởng vị lai cũng không thể nắm bắt được.

III. Ý kiến:

- Nghĩa của năm thứ mắt:

1. Nhục nhãn: Mắt của loài người, với cái thấy có giới hạn và bị ngăn ngại bởi các vật thể, và bóng tối.

2. Thiên nhãn: Mắt của chư Thiên, với cái thấy ngược lại với con người. Nhục nhãn và Thiên nhãn, tựu trung là hai cái thấy hình sắc các đối tượng.

3. Tuệ nhãn: Tức *Nhất thiết trí*, là Trí tuệ thấy thật thể các pháp (thấy Vô ngã của các pháp).

4. Pháp nhãn: Tức *Đạo chủng trí*, là Trí tuệ thấy con đường tu tập giải thoát.

5. Phật nhãn: Tức *Nhất thiết chủng trí*, là Trí tuệ thấy Thể - Tướng - Dụng các pháp và thấy con đường giải thoát.

- Thính chúng lại băn khoăn, không hiểu đức Phật dùng mắt gì mà thấy được *như tánh* của các pháp?
- Đức Phật dạy, đức Phật là vị có đủ năm thứ mắt, nên cái thấy của Ngài là cái thấy dung nhiếp toàn diện, cái thấy *như tánh* các pháp từ cõi sanh tử đến cõi Phật là Vô ngã.

- Đức Phật có đủ năm thứ mắt là ý nghĩa đức Phật có đủ hết thảy cái thấy. Nói khác hơn, đức Phật không có một cái thấy chấp thủ tướng ngã nào cả, hay chỉ có một cái thấy mà nội dung thấy ấy là Vô ngã (Trí tuệ Bát-nhã).

- Đức Phật biết rõ tâm tưởng của chúng sanh trong pháp giới là biết rõ tất cả đều do Duyên sinh, tất cả đều Vô ngã; biết rõ tất cả tâm tưởng quá khứ, hiện tại và vị lai đều do Duyên sinh, đều Vô ngã. Đây là sự thật muôn thuở của pháp giới, không thể khác hơn. Trí tuệ đức Phật chính là Trí tuệ thể nhập *Thật tại Vô ngã* này đây.

ĐOẠN THỨ MƯỜI CHÍN

I. Âm: Pháp giới thông hoá.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Nhược hữu nhơn mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, dĩ dụng Bố thí, thị nhơn dĩ thị Nhân duyên đắc Phước đa phủ?

- Như thị Thế Tôn! Thử nhơn dĩ thị Nhân duyên đắc Phước thậm đa.

- Tu-bồ-đề! Nhược Phước đức hữu thật, Như Lai bất thuyết đắc Phước đức đa, dĩ Phước đức vô cố, Như Lai thuyết đắc Phước đức đa.

II. Nghĩa: *Pháp giới thông suốt.*

- Trưởng lão Tu-bồ-đề, Thầy nghĩ thế nào? Giả sử có người đem bảy thứ châu báu chất đầy thế giới tam thiên đại thiên này để Bố thí, do Nhân duyên này, người đó có Phước đức nhiều không?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy; do Nhân duyên này người đó được Phước đức rất nhiều.

- Này Tu-bồ-đề! Nếu Phước đức đó có thật thì Như Lai sẽ không nói được Phước đức nhiều, do vì Phước đức ấy vốn không phải Phước đức, nên Như Lai mới nói được Phước đức nhiều.

III. Ý kiến:

- Đến đây, đức Phật lại khuyến khích thính chúng hãy dấn thân thực hiện Lục độ với tinh thần mà Ngài đã dạy (Vô trụ, Vô tướng) thì *Thật tại như thật* sẽ hiển lộ.

- Phước đức nhiều là ý nghĩa Phước đức vô hạn lượng. Nếu Phước đức có thật (hữu ngã) thì có hạn lượng, không thể gọi là *nhiều*. Chính vì Phước đức không thật có (Vô ngã), nên đức Phật mới gọi Phước đức nhiều là vậy.

Như thế, nếu *tác tâm hữu ngã* trên Lục độ thì sẽ rơi vào Nhân quả hữu lậu, rơi vào sanh tử. Trái lại, nếu *tác tâm Vô ngã* thì Lục độ sẽ là Lục Ba-la-mật và Phước đức sẽ là vô lượng vô biên. Đây chính là Phước đức của sự giải thoát, Phước đức của quả vị Phật hay Phước đức của một đức Phật.

ĐOẠN THỨ HAI MƯƠI

I. Âm: Ly sắc, ly tướng.

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Phật khả dĩ cụ túc sắc thân kiến phủ?

- Phất dã, Thế Tôn! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc sắc thân kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết cụ túc sắc thân, tức phi cụ túc sắc thân, thị danh cụ túc sắc thân.

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai khả dĩ cụ túc chư tướng kiến phủ?

- Phất dã, Thế Tôn! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc chư tướng kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tướng cụ túc, tức phi cụ túc, thị danh chư tướng cụ túc.

II. Nghĩa: *Lìa sắc, lìa tướng.*

Trưởng lão Tu-bồ-đề, Thầy nghĩ thế nào? Có thể thấy Như Lai căn cứ vào sự thành tựu sắc thân của Ngài không?

- Bạch Thế Tôn, quả thật không! Không thể thấy Như Lai qua sự thành tựu sắc thân của Ngài. Tại sao vậy? Vì rằng, Như Lai nói thành tựu sắc thân vốn không phải thành tựu sắc thân; chính thế, Ngài mới nói là thành tựu sắc thân.

Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ thế nào? Có thể thấy Như Lai căn cứ vào các đặc tướng của Ngài?

- Bạch Thế Tôn, quả thật không! Không thể thấy Như Lai qua tất cả các đặc tướng của Ngài. Tại sao vậy? Bởi vì, Như Lai nói tất cả các đặc tướng vốn

không phải tất cả các đặc tướng; chính thế, Ngài mới nói là tất cả các đặc tướng.

III. Ý kiến:

- Một số thính chúng lại tư duy rằng, thành tựu Phước đức Lục độ Ba-la-mật là thành tựu quả Phật, nghĩa là thành tựu *chủ thể* có sắc thân Phật và thành tựu *tất cả tướng* của sắc thân đó. Đây là lần thứ 3 trong 5 lần thính chúng băn khoăn về thân Phật. Để đưa thính chúng ra khỏi hai chấp thủ trên, đức Phật dạy: *Trải qua tiến trình vô lượng kiếp tu tập lìa mọi chấp thủ, đến thời điểm trực nhập Thật tại Vô ngã, mới đủ Phước đức thành tựu quả Phật. Tức thành tựu sắc thân Phật (Báo thân Phật)*. Nói cách khác, do khế hợp *như tánh các pháp* mới hiện hữu sắc thân Phật. Chính do vậy, không thể thấy Như Lai bởi sắc thân đó. *Chủ thể thân Phật* và *thân Phật* chẳng phải một cũng chẳng phải khác, nếu thấy được tánh Vô ngã của sắc thân tức là thấy Phật.

Nói rõ hơn, với Báo thân ba mươi hai tướng quý của đức Phật, những ai còn chấp thủ thì không thấy

được *Vô tướng* của ba mươi hai tướng đó, nên nhìn Báo thân Phật là một tướng ngã và cho đó là Như Lai. Trái lại, những ai không còn chấp thủ thì thấy rõ *Vô tướng* của Báo thân ba mươi hai tướng đó, chính do thế mới thấy thật tướng Như Lai.

- Phương pháp giảng dạy của đức Phật là nhằm đánh thức thính chúng còn chấp thủ, cần phải rời chấp thủ sắc tướng các đối tượng, để nhìn đối tượng bởi tánh Duyên sinh của nó. Với cái nhìn này thì tướng thật, tánh thật các pháp sẽ hiển lộ, khi thấy *tướng thật, tánh thật* các pháp là thấy các pháp đúng như thật, thấy pháp đúng như thật là thấy Phật vậy.

ĐOẠN THỨ HAI MƯƠI MỐT

I. Âm: Phi thuyết, sở thuyết.

Tu-bồ-đề! Nhữ vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương hữu sở thuyết Pháp, mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Nhược nhơn ngôn: Như Lai hữu sở thuyết Pháp, tức vi báng Phật, bất năng giải Ngã sở thuyết cố. Tu-bồ-đề! Thuyết Pháp giả, vô Pháp khả thuyết,

thị danh thuyết Pháp.

Nhĩ thời Tuệ Mạng Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh ư vị lai thế, văn thuyết thị Pháp, sanh tín tâm phủ?

Phật ngôn: Tu-bồ-đề! Bỉ phi chúng sanh, phi bất chúng sanh. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Chúng sanh, chúng sanh giả, Như Lai thuyết phi chúng sanh, thị danh chúng sanh.

II. Nghĩa: *Không năng thuyết, sở thuyết.*

Trưởng lão Tu-bồ-đề! Thầy đừng nói rằng, Như Lai có ý nghĩ mình thuyết Pháp. Không nên nói như thế. Tại sao vậy? Vì nói Như Lai có sự thuyết Pháp chính là phỉ báng Như Lai; và, không lãnh hội được ý nghĩa mà Như Lai đã tuyên thuyết. Tu-bồ-đề! Gọi là thuyết Pháp nhưng thật không có một Pháp gì để thuyết, nên mới gọi là thuyết Pháp.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề, vị lấy Tuệ giác làm sanh mạng (Tuệ mạng) bạch đức Phật: Bạch Thế Tôn! Trong tương lai nếu người nào nghe được kinh *Kim Cang* này có khởi tâm tin tưởng không?

Đức Phật bảo: Tu-bồ-đề! Những người đó chẳng phải chúng sanh và chẳng phải không chúng sanh. Tại sao vậy? Này Tu-bồ-đề! Vì cái được gọi là chúng sanh, Như Lai nói chẳng phải chúng sanh nên mới được gọi là chúng sanh vậy.

III. Ý kiến:

- Thính chúng lại tư duy rằng, hiện tại được may mắn nghe đức Phật dạy kinh *Kim Cang* thâm diệu này. Nhưng vào thời mạt pháp, nếu ai nghe được kinh *Kim Cang* này, không hiểu họ có tin hiểu không? Theo vướng mắc này, đức Phật lại dạy tiếp:

+ Thật sự, không có *đức Phật* thuyết Pháp và *Pháp* được đức Phật thuyết. Đức Phật và Pháp là *Thật tại Vô ngã* nằm ngoài mọi ý tưởng khái niệm về ngã.

+ Trả lời cho thắc mắc rằng, thời mạt pháp có chúng sanh nào tin hiểu *Kim Cang Bát-nhã* này không; đức Phật không xác định như lần trước, mà Ngài phủ nhận ngay ý tưởng chấp có chúng sanh của thính chúng. Đức Phật dạy, cái được gọi là chúng sanh, thật sự không phải là chúng sanh, mà cũng không phải là

không chúng sanh. Lần phủ định lần thứ nhất, giúp thính chúng ra khỏi *chấp có*, phủ định lần thứ hai này là đưa thính chúng ra khỏi *chấp không*. Bởi vì còn chấp thủ là còn vướng kẹt ý tưởng về ngã, vướng kẹt ý tưởng ngã là còn sanh tử khổ đau. Vô dư Niết-bàn vốn không có cửa, nên ai muốn vào thì phải đi vào cửa Vô ngã, chứ không thể khác hơn.

- Với kỹ thuật giảng dạy này, đức Phật sẽ giúp thính chúng ổn định tâm ý hay định hướng lại nhận thức của mình theo tinh thần rời tất cả mọi ý tưởng về ngã. Khi tất cả ý tưởng ngã bặt dứt, chính là thời điểm trực nhập *Thật tại như thật* hay *Vô dư Niết-bàn* vậy.

ĐOẠN THỨ HAI MƯƠI HAI

I. Âm: Vô Pháp khả đắc.

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phật đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề, vi vô sở đắc da? Phật ngôn: Như thị, như thị! Tu-bồ-đề! Ngã ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề, nãi chí vô hữu

thiểu Pháp khả đắc, thị danh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề.

II. Nghĩa: *Không có Pháp để chứng đắc.*

Trưởng lão Tu-bồ-đề bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, Như Lai chứng đắc *Vô thượng Bồ-đề,* thật sự không có gì để chứng đắc phải không? Đức Phật dạy: Đúng, đúng như thế! Này Tu-bồ-đề, đối với *Vô thượng Bồ-đề* Như Lai không có chứng đắc chút gì cả, vì thế mới gọi là *Vô thượng Bồ-đề.*

III. Ý kiến:

- Tiếp thu các lời dạy của đức Phật ở các đoạn trước, đến đây thính chúng lại suy tư: Phải chăng đức Phật chứng đắc quả vị *Vô thượng Bồ-đề* là không có gì để chứng đắc? Đức Phật khẳng định rằng, trong sự chứng đắc ấy hoàn toàn bặt dứt mọi ý tưởng chấp thủ tướng ngã.

Với lời dạy này, những ai căn cơ tinh tế thì sẽ rời khỏi những ý tưởng luẩn quẩn bởi chấp ngã về Như Lai, về Phật Pháp…

ĐOẠN THỨ HAI MƯƠI BA

I. Âm: Tịnh tâm hành thiện.

Phục thứ Tu-bồ-đề! Thị Pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, thị danh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Dĩ Vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả, tu nhất thiết thiện pháp tức đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Tu-bồ-đề! Sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp.

II. Nghĩa: *Hành thiện bằng tâm thanh tịnh.*

Hơn nữa, Tu-bồ-đề! Pháp đó là bình đẳng không có sai khác, nên gọi là *Vô thượng Bồ-đề*. Do không chấp ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả khi thực hành các pháp lành, nên chứng *Vô thượng Bồ-đề*. Tu-bồ-đề! Cái gọi là pháp lành, Như Lai nói chẳng phải pháp lành, vì thế nên mới nói là pháp lành.

III. Ý kiến:

- Đoạn này tiếp ý nghĩa đoạn trên, đức Phật dạy: *Vô thượng Bồ-đề* là thật tại bình đẳng. Tại đây, hoàn

toàn không có bóng dáng ý niệm tướng ngã mà là thật tại Vô niệm, Vô ngã. Chính *Thật tại Vô ngã* bình đẳng, mới hiện hữu miên viễn…

- Để đạt *Vô thượng Bồ-đề,* đức Phật dạy, cần phải thực hiện tất cả các thiện pháp với sự tỉnh giác rời khỏi mọi khái niệm tướng ngã. Nội dung tỉnh giác là thấy rõ tánh Duyên sinh của các thiện pháp trong khi thực hiện cứu độ chúng sanh (lợi tha) để vừa hoàn tất Đại bi tâm, vừa hoàn tất Đại trí nhằm chứng *Vô thượng Bồ-đề* (tự lợi).

ĐOẠN THỨ HAI MƯƠI BỐN

I. Âm: Phước-Trí vô tỉ.

Tu-bồ-đề! Nhược tam thiên đại thiên thế giới trung, sở hữu Tu-di sơn vương, như thị đẳng thất bảo tụ, hữu nhơn trì dụng Bố thí; nhược nhơn dĩ thử Bát-nhã Ba-la-mật kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì, độc tụng, vị tha nhơn thuyết, ư tiền Phước đức bách phần bất cập nhất, bách thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ, sở bất năng cập.

II. Nghĩa: *Phước - Trí vô song.*

Trưởng lão Tu-bồ-đề! Giả sử có người đem bảy thứ châu báu chồng chất bằng tất cả núi chúa Tu-di trong cõi đại thiên để Bố thí, và có người khác thọ trì, độc tụng, giảng thuyết cho người khác về kinh *Bát-nhã Ba-la-mật* này, dù chỉ một bài kệ bốn câu, thì Phước đức của người trước không bằng một phần trăm, một phần ngàn vạn ức Phước đức của người này, dù dùng pháp toán để thí dụ thì cũng không bằng một phần nào cả.

III. Ý kiến:

- Một lần nữa, đức Phật tán thán, đề cao Pháp thí. Đề cao Pháp thí là ý nghĩa đề cao *Trí tuệ Bát-nhã.* Muốn thực chứng *Trí tuệ Bát-nhã,* đức Phật lại khẳng định rằng, không phải là vấn đề của tư duy, suy tưởng, mà phải thực hiện Lục độ với sự soi chiếu của Trí độ. *Thật tướng Vô tướng* không phải là một đối tượng của tư duy, mà là *Thật tại sống thật* nằm ngoài tất cả khái niệm tướng ngã.

- Lời tán thán Pháp thí được lặp lại nhiều lần

như thế, là kỹ thuật thức tỉnh, dẫn dắt thính chúng hãy chấm dứt mọi tư duy mà đi vào thực tiễn; trực giác chứng nghiệm sẽ trả lời sự thật cho mọi tư duy đó.

ĐOẠN THỨ HAI MƯƠI LĂM

I. Âm: Hóa vô sở hóa.

Tu-bồ-đề, Ư ý vân hà? Nhữ đẳng vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương độ chúng sanh. Tu-bồ-đề! Mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Thật vô hữu chúng sanh Như Lai độ giả. Nhược hữu chúng sanh Như Lai độ giả, Như Lai tắc hữu ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Tu-bồ-đề! Như Lai thuyết hữu ngã giả, tắc phi hữu ngã, nhi phàm phu chi nhơn, dĩ vi hữu ngã. Tu-bồ-đề! Phàm phu giả, Như Lai thuyết tắc phi phàm phu, thị danh phàm phu.

II. Nghĩa: *Hóa độ không đối tượng.*

Trưởng lão Tu-bồ-đề, Thầy nghĩ thế nào? Các Thầy đừng nói Như Lai nghĩ rằng, Như Lai cứu độ chúng sanh. Tu-bồ-đề, Thầy đừng nghĩ như thế! Tại sao vậy?

Vì thật sự không có một chúng sanh nào Như Lai cứu độ cả. Nếu có chúng sanh Như Lai cứu độ, thế là Như Lai còn ý tưởng ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả. Tu-bồ-đề! Ý tưởng ngã, Như Lai nói chẳng phải ý tưởng ngã, nhưng kẻ phàm phu thì bảo là ngã. Tu-bồ-đề! Cái gọi là phàm phu, Như Lai nói chẳng phải phàm phu, vì thế mới gọi là phàm phu.

III. Ý kiến:

- Đức Phật phủ nhận các ý tưởng về cứu độ, về chúng sanh và về phàm phu, là phủ nhận mọi ý tưởng ngã. Còn ý tưởng là còn vọng tưởng, còn chấp ngã.

Kỹ thuật phủ nhận dây chuyền này, đức Phật sẽ giúp thính chúng dập tắt mọi vọng tưởng để đi vào *Thật tại giải thoát*; đồng thời, thức tỉnh thính chúng rằng *Thật tại như thật* hoàn toàn không có mặt bất cứ một ý tưởng ngã nào.

ĐOẠN THỨ HAI MƯƠI SÁU

I. Âm: Pháp thân phi tướng.

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị

tướng quán Như Lai phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Như thị, như thị! Dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai. Phật ngôn: Tu-bồ-đề! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai giả, Chuyển luân Thánh vương tắc thị Như Lai! Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Ngã giải Phật sở thuyết nghĩa: Bất ưng dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai.

Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn:

Nhược dĩ sắc kiến Ngã,
Dĩ âm thanh cầu Ngã,
Thị nhơn hành tà đạo,
Bất năng kiến Như Lai.

II. Nghĩa: *Pháp thân chẳng có hình tướng.*

Trưởng lão Tu-bồ-đề, Thầy nghĩ thế nào? Phải chăng thấy Như Lai qua ba mươi hai tướng quý của Ngài? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, quả đúng như vậy! Nhìn thấy Như Lai qua ba mươi hai tướng quý của Ngài. Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Nếu thấy Như Lai qua ba mươi hai tướng quý của Ngài thì Chuyển luân Thánh vương là Như Lai sao? – Tu-bồ-đề bạch đức

Phật: Bạch Thế Tôn, theo con hiểu ý nghĩa Thế Tôn đã dạy, thì không thể thấy Như Lai qua ba mươi hai tướng quý của Ngài.

Đến đây, Thế Tôn nói kệ:

Nếu nhìn Như Lai qua sắc thân,
Nhận thức Như Lai qua âm thanh,
Là nhận thức tà kiến,
Không thể thấy Như Lai.

III. Ý kiến:

- Đây là lần thứ 4 đề cập đến ba mươi hai tướng quý của Như Lai. Lần này đức Phật lại dạy cách khác. Lần trước đức Phật dạy, nếu thấy Vô tướng của ba mươi hai tướng ấy là thấy Như Lai. Cũng chính nghĩa này, ngài Tu-bồ-đề mới trả lời rằng, *thấy Như Lai qua ba mươi hai tướng quý của Ngài*. Nhưng tại đây đức Phật thấy rõ, nếu dạy như thế, những thính chúng còn chấp thủ sẽ dễ lầm chấp sắc thân ba mươi hai tướng quý của Ngài là Như Lai (chấp thường). Do thế, đức Phật phủ nhận sự thấy Như Lai qua sắc thân hay ngôn ngữ của Ngài, phủ nhận như vậy là

đức Phật dẫn dắt thính chúng trở về với chính mình, hầu nhận diện rõ nguồn cội vọng tưởng để lìa mọi chấp thủ. Khi cội nguồn chấp ngã rơi rụng thì nhìn pháp nào cũng thấy Như Lai.

- Không thể nhận thức Như Lai qua Thân giáo (sắc thân) và Khẩu giáo (âm thanh) được. Bởi lẽ, đức Phật đã dạy, giáo pháp Ngài dạy cần được xem như *chiếc bè để qua sông hay ngón tay chỉ mặt trăng*. Chiếc bè, ngón tay chỉ là phương tiện có tác dụng chuyên chở, định hướng cho sự trực nhận *Thật tại như thật*, chứ không phải là bản thân *Thật tại như thật*. Do thật nghĩa ấy, nên đức Phật dạy, ai nhận thức Như Lai qua sắc thân, qua âm thanh là tà kiến và không thể thấy được Như Lai đích thực.

- Ý nghĩa đức Phật dạy ở đoạn 25 & 26 này là nhằm đánh đổ mọi ý tưởng chấp thường (chấp có) của thính chúng (Thính chúng chấp rằng: *Như Lai nghĩ mình cứu độ chúng sanh, Như Lai có sắc thân trang nghiêm*...).

ĐOẠN THỨ HAI MƯƠI BẢY

I. Âm: Vô đoạn, vô diệt.

Tu-bồ-đề! Nhữ nhược tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Tu-bồ-đề! Mạc tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Tu-bồ-đề! Nhữ nhược tác thị niệm: Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề tâm giả, thuyết chư pháp đoạn diệt, mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề tâm giả, ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng.

II. Nghĩa: *Không có đoạn diệt.*

Trưởng lão Tu-bồ-đề! Nếu Thầy nghĩ rằng Như Lai không do các đặc tướng sắc thân mà chứng đắc *Vô thượng Bồ-đề*. Tu-bồ-đề! Thầy đừng nghĩ như thế! Rằng Như Lai không do các đặc tướng sắc thân mà chứng đắc *Vô thượng Bồ-đề*. – Tu-bồ-đề! Nếu Thầy nghĩ rằng những người phát tâm *Vô thượng Bồ-đề* nói rằng các pháp đều tiêu diệt hẳn; đừng nghĩ như thế!

Tại sao vậy? Bởi vì những người phát tâm *Vô thượng Bồ-đề* đối với các pháp không tuyên bố là đoạn diệt.

III. Ý kiến:

- Ở đoạn 25 & 26 trên, đức Phật phủ nhận chấp thường, một số thính chúng còn chấp thủ lại nghĩ rằng: Thế thì quả giác ngộ không liên hệ gì với sắc thân Như Lai? (chấp đoạn, chấp không). Đức Phật xác định rằng Bồ-tát cầu quả vị Phật-đà không bao giờ đoạn diệt.

- Chấp thường hay chấp đoạn là tà kiến, tà đạo, không thể chứng đắc quả Phật. Con đường thể nhập *Phật-đà* phải là con đường thoát khỏi mọi vướng mắc *thường-đoạn* hay *có-không…;* con đường của đoạn trừ mọi tham ái, chấp thủ (Trung đạo).

ĐOẠN THỨ HAI MƯƠI TÁM

I. Âm: Bất thọ, bất tham.

Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát dĩ mãn Hằng hà sa đẳng thế giới thất bảo trì dụng Bố thí; nhược phục hữu nhơn tri nhất thiết pháp Vô ngã, đắc thành ư Nhẫn, thử Bồ-tát thắng tiền Bồ-tát, sở đắc công đức.

Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Dĩ chư Bồ-tát bất thọ Phước đức cố. Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà Bồ-tát bất thọ Phước đức? - Tu-bồ-đề! Bồ-tát sở tác Phước đức, bất ưng tham trước, thị cố thuyết bất thọ Phước đức.

II. Nghĩa: *Không thọ nhận, không tham trước.*

Trưởng lão Tu-bồ-đề! Giả sử có vị Bồ-tát đem bảy thứ châu báu chất đầy thế giới như cát sông Hằng để Bố thí. Lại có Bồ-tát khác biết tất cả pháp là Vô ngã, được thành tựu đức Nhẫn, thì công đức vị Bồ-tát này hơn hẳn vị Bồ-tát trước. Vì sao vậy? Này Tu-bồ-đề! Vì các Bồ-tát thì không thọ nhận Phước đức. Tu-bồ-đề bạch Phật: Vì sao Bồ-tát không thọ nhận Phước đức? - Này Tu-bồ-đề! Vì Bồ-tát làm mọi Phước đức nhưng không tham trước, do thế mà Như Lai nói là không thọ nhận Phước đức.

III. Ý kiến:

- Bồ-tát thấy biết rõ *Thật tại Vô ngã* của các pháp, nên chứng đắc *Vô sanh Pháp nhẫn*, Phước đức này hẳn nhiên là siêu việt các Phước đức của các sự Bố thí còn vướng mắc tướng ngã.

- Nội dung tâm lý một vị Bồ-tát chứng đắc *Vô sanh Pháp nhẫn* là hoàn toàn vô niệm, vô trước đối với bất cứ cái gì. Bởi sự thật đó, trên sự thật đó, vị Bồ-tát ấy mới có sự chứng đắc và có Phước đức vô lượng.

- Ý nghĩa đoạn này, đức Phật chỉ dạy thính chúng cần phải *Tri kiến như thật* về Nhân tố hội nhập quả Phật.

ĐOẠN THỨ HAI MƯƠI CHÍN

I. Âm: Uy-nghi tịch tĩnh.

Tu-bồ-đề! Nhược hữu nhơn ngôn: Như Lai nhược lai, nhược khứ, nhược tọa, nhược ngọa, thị nhơn bất giải Ngã sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? Như Lai giả, vô sở tùng lai diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai.

II. Nghĩa: *Oai-nghi tịch tịnh.*

Trưởng lão Tu-bồ-đề! Nếu ai nói rằng Như Lai có đến, có đi, có ngồi và có nằm thì người đó không hiểu ý nghĩa Như Lai đã dạy. Tại sao vậy? Bởi vì, Như

Lai vốn không đến từ đâu và cũng không đi về đâu. Do thế, mới gọi là Như Lai.

III. Ý kiến:

- Đến đây, đức Phật dạy thính chúng cần phải *Tri kiến như thật* về kết quả thành tựu Phật-đà. Thật thể Phật-đà (Như Lai) là tịch diệt (bặt dứt) tất cả mọi tưởng ngã (*vô sở tùng lai diệc vô sở khứ*). Do thế, không thể thấy, hiểu Như Lai qua bốn oai nghi đi, đứng, nằm và ngồi của Ngài.

- Điểm cần ghi nhận tế nhị ở đây, đó là, chẳng phải Như Lai không đi, đứng, nằm và ngồi, mà thực tế Ngài vẫn sanh hoạt nhưng không chấp thủ một tướng ngã nào của đi, đứng, nằm và ngồi ấy.

ĐOẠN THỨ BA MƯƠI

I. Âm: Nhất hiệp lý tướng.

Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn, dĩ tam thiên đại thiên thế giới toái vị vi trần, ư ý vân hà, thị vi trần chúng, ninh vi đa phủ? - Tu-bồ-đề ngôn: Thậm đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Nhược

thị vi trần chúng thật hữu giả, Phật tắc bất thuyết thị vi trần chúng. Sở dĩ giả hà? - Phật thuyết vi trần chúng, tắc phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng. Thế Tôn! Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới, tắc phi thế giới, thị danh thế giới. Hà dĩ cố? - Nhược thế giới thật hữu giả, tắc thị nhất hiệp tướng. Như Lai thuyết nhất hiệp tướng, tức phi nhất hiệp tướng, thị danh nhất hiệp tướng.

Tu-bồ-đề! Nhất hiệp tướng giả, tắc thị bất khả thuyết, đản phàm phu chi nhơn, tham trước kỳ sự.

II. Nghĩa: *Lý của tướng hợp nhất (thế giới).*

Trưởng lão Tu-bồ-đề! Nếu có ai nghiền thế giới tam thiên đại thiên này thành vi trần, Thầy nghĩ thế nào, những vi trần ấy nhiều hay ít? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, quả rất nhiều. Tại sao vậy? – Bởi vì, những vi trần ấy nếu thật có, Ngài đã không nói là những vi trần. Tại sao như thế? - Bởi vì, những vi trần Ngài nói chẳng phải những vi trần, nên mới nói là những vi trần. Bạch Thế Tôn! Thế giới tam thiên đại thiên mà Ngài nói, tức chẳng phải thế giới, nên

mới nói là thế giới. Tại sao vậy? Vì nếu thế giới thật có, đó chỉ là cái tướng hợp nhất. Như Lai nói tướng hợp nhất không phải tướng hợp nhất, nên mới nói là tướng hợp nhất.

- Này Tu-bồ-đề! Tướng hợp nhất thì không là gì cả để nói, chỉ có kẻ phàm phu mới đắm chấp sự kiện ấy.

III. Ý kiến:

- Đức Phật lại dẫn dắt thính chúng giúp họ có *Tri kiến như thật* về thế giới, vũ trụ. Tại đây, đức Phật dẫn giải vũ trụ với hai khía cạnh:

1. Những nhân tố của vũ trụ, đó là những vi trần (nguyên tử, điện tử, năng lượng), nó là rỗng không, không phải vật chất, không có cá thể (Vô ngã).

2. Cái danh xưng vũ trụ chỉ là sự tập hợp của tất cả những gì không phải vật chất, không có cá thể.

Qua chỉ dạy này, sẽ đánh thức thính chúng còn chấp thủ hãy định hướng cái nhìn của mình về vũ trụ, bằng cách buông bỏ mọi ý tưởng, để thấy được thật tướng các pháp, thật tướng vũ trụ.

ĐOẠN THỨ BA MƯƠI MỐT

I. Âm: Tri kiến bất sanh.

Tu-bồ-đề! Nhược nhơn ngôn: Phật thuyết ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Thị nhơn giải Ngã sở thuyết nghĩa phủ?

- Phất dã, Thế Tôn! Thị nhơn bất giải Như Lai sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? - Thế Tôn thuyết ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức phi ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, thị danh ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Tu-bồ-đề! Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề tâm giả, ư nhất thiết pháp, ưng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sanh pháp tướng. Tu-bồ-đề! Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng.

II. Nghĩa: *Tà tri kiến không sanh khởi (Tứ kiến).*

Trưởng lão Tu-bồ-đề! Nếu có ai nói rằng Như Lai đề cập đến cái thấy ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả; này Tu-bồ-đề, Thầy nghĩ thế nào, người đó có hiểu

ý nghĩa đã được Như Lai nói không?

- Bạch Thế Tôn, quả thật không. Người đó không hiểu ý nghĩa mà Như Lai đã nói. Tại sao vậy? Vì rằng Như Lai nói cái thấy ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả, tức chẳng phải cái thấy ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả, nên mới gọi là cái thấy ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả. Trưởng lão Tu-bồ-đề! Những người phát tâm *Vô thượng Bồ-đề* đối với các pháp cần biết như vậy, cần thấy như vậy, cần tin tưởng và lãnh hội như vậy, không nên trú nơi ý tưởng pháp. Cái gọi là ý tưởng pháp, Như Lai nói chẳng phải ý tưởng pháp, vì thế mới gọi là ý tưởng pháp.

III. Ý kiến:

- Ở trước, đức Phật dạy thính chúng hãy thức tỉnh trở về với chính mình để đoạn trừ mọi chấp thủ phát xuất từ chấp thủ tự ngã; tại đây, thính chúng lại chấp *Có cái thấy ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.* Do vậy, đức Phật lại dẫn dắt thính chúng cần *Tri kiến như thật* về bản thân. Bởi lẽ, cái được gọi là ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả, vốn không thật có. Vì thế, cái

thấy ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả cũng không thật có, cái thấy đó chỉ là giả tướng được dựng lên bởi chấp ngã; và cái thấy biết ấy cũng chỉ là tà tri kiến mà thôi.

- Phương pháp phủ định triệt để như thế là kỹ thuật thiện xảo, nhằm giúp thính chúng bặt dứt mọi tư duy, vọng tưởng, để sống thực với hạnh nguyện của mình trong tỉnh giác Vô trụ; tại đây tất cả mọi sự thật sẽ được hiện bày.

- Kết thúc đoạn này cũng là mở đầu phần kết thúc Kinh và cũng là kết thúc trả lời cho hai câu hỏi đầu Kinh. Đức Phật dạy, Bồ-tát phát tâm cầu quả vị Phật, cần phải hiểu, phải thấy, phải tin tưởng và lãnh hội ý nghĩa Ngài đã diễn bày. Tựu trung, Bồ-tát muốn chứng quả Phật, thì đối với tất cả pháp (tâm - vật, chủ thể - đối tượng) không nên trú vào bất cứ thứ gì để khởi tâm.

ĐOẠN THỨ BA MƯƠI HAI

I. Âm: Ứng hóa phi chân.

Tu-bồ-đề! Nhược hữu nhơn dĩ mãn vô lượng

A-tăng-kỳ thế giới thất bảo trì dụng Bố thí; nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát Bồ-đề tâm, trì ư thử Kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì độc tụng, vị nhơn diễn thuyết, kỳ Phước thắng bỉ. Vân hà vị nhơn diễn thuyết? Bất thủ ư tướng, như như bất động. Hà dĩ cố?

Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn, bào, ảnh.
Như lộ diệc như điện,
Ưng tác như thị quán.

Phật thuyết thị Kinh dĩ, trưởng lão Tu-bồ-đề cập chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nhất thiết thế gian: Thiên, Nhơn, A-tu-la văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

II. Nghĩa: *Ưng hóa không phải chân thật.*

Trưởng lão Tu-bồ-đề! Giả sử có người đem bảy thứ châu báu chất đầy vô lượng vô số thế giới để Bố thí; lại có người khác phát tâm Bồ-đề đối với kinh *Kim Cang* này mà thọ trì, độc tụng hay giảng thuyết cho người khác, dù chỉ một bài kệ bốn câu, thì Phước

đức người này hơn hẳn người trước. Giảng thuyết cho người khác bằng cách nào? – Bằng cách không nắm bắt ý tưởng Pháp, như như chẳng dao động. Tại sao vậy? Bởi vì:

Tất cả pháp hữu vi:
Như chiêm bao, huyễn thuật,
Như bọt nước, ảnh tượng,
Như sương mai, điện chớp,
Cần được nhìn như thế.

Khi đức Phật giảng xong kinh *Kim Cang Bát-nhã* này, Trưởng lão Tu-bồ-đề, các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các vị Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế giới, được nghe những điều đức Phật tuyên thuyết, ai cũng hoan hỷ tin nhận và phụng hành.

III. Ý kiến:

Tiếp phần kết thúc, đức Phật khuyến khích thính chúng hãy nỗ lực tu học, diễn giảng *Kim Cang*, bằng cách tự thức tỉnh phát khởi và nuôi dưỡng tinh thần Vô trụ đối với tất cả các pháp. Muốn vậy, cần phải có cái

nhìn: *Các pháp hữu vi như chiêm bao, huyễn thuật, như bọt nước, ảnh tượng, như sương mai, điện chớp... Thực hiện như thế là thực hiện Vô trụ Bát-nhã. Nội dung thực hiện này vừa là đoạn tận chấp ngã, vừa là phát tâm Bồ-đề, vừa là hàng tâm và cũng là trụ tâm.* Cũng chính nghĩa này, nên hành trì kinh *Kim Cang* thì Phước đức tối thượng vậy.

- Bài kệ cuối Kinh, hướng dẫn thính chúng nên nhìn các pháp với *tinh thần Duyên sinh,* để thấy được tánh Vô ngã, Vô thường của các pháp. Nhìn các pháp với cái nhìn Duyên sinh là nội dung của Thiền quán. Như thế, khi mở đầu cũng như kết thúc Kinh, *Kim Cang* đã giới thiệu con đường trực nhập *Trí tuệ Bát-nhã* là con đường Thiền định. Con đường Thiền định này được xuyên qua hạnh nguyện Lục độ, vừa cứu độ chúng sanh để hoàn tất Đại bi tâm, vừa chứng ngộ. Thật tướng các pháp để thành tựu *Trí tuệ Bát-nhã.* Vậy lộ trình tu tập theo giáo lý *Kim Cang* là tiến trình của Thiền chỉ và Thiền quán vậy.

Đây là điểm thống nhất trong giáo điển Nam

tạng cũng như Bắc tạng. Đồng thời, chính điểm này đã minh xác mạng mạch Phật giáo:

Phật giáo là Thiền định, không Thiền định thì không có Phật giáo.

Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật.

LỜI NÓI ĐẦU

Từ lâu, ở các nước thuộc hệ phái Bắc tông nói chung, Việt Nam nói riêng, kinh *Pháp Hoa* đã được phổ cập rộng sâu trong hàng ngũ Phật tử xuất gia cũng như tại gia. Đặc biệt, phẩm *Phổ Môn*, phẩm thứ 25 trong 28 phẩm của kinh *Pháp Hoa*, lại càng ảnh hưởng sâu rộng hơn trong đời sống tu tập của mọi người con Phật.

Được duyên lành, bút giả đảm nhận giảng dạy phẩm *Phổ Môn* này cho lớp *Tu học Phật pháp* dành cho quý vị Phật tử tại gia đang học tại Học Viện Huế. Để giúp người học nắm bắt được yếu nghĩa của *Phổ Môn*, bút giả cố gắng dịch và giải từ bản Hán văn do ngài Cưu-ma-la-thập dịch, qua Việt văn với nội dung gồm các chương:

CHƯƠNG I: NHẬN THỨC KHÁI QUÁT.

CHƯƠNG II: Ý NGHĨA TÊN KINH.

CHƯƠNG III: DỊCH - GIẢI PHẦN CHÁNH VĂN. Gồm có:

III-1. *Bạch hỏi Nhân duyên.* (Phần Tựa)

III-2. *Giải trừ bảy nạn.* (Phần Chánh tông)

III-3. *Giải trừ ba độc.*

III-4. *Đáp ứng hai nhu cầu.*

III-5. *Công đức trì niệm, lễ bái, cúng dường.*

III-6. *Ứng hóa 32 thân, thuyết pháp 19 cách.*

III-7. *Cúng dường.*

III-8. *Lập lại câu hỏi và đáp (bằng kệ).*

III-9. *Công đức nghe phẩm Phổ Môn của hội chúng hiện tại và tương lai* (Phần Lưu thông).

CHƯƠNG IV. KẾT LUẬN

● *Hy vọng với phần dịch-giải giới hạn và khiêm tốn này sẽ giúp quý vị Phật tử nắm được điểm căn bản về cả hai mặt sự và lý của phẩm Kinh.*

Hồng Đức, ngày 19 tháng 2 năm 2003

TK. Thích Giác Quả

Kính đề

CHƯƠNG I:
NHẬN THỨC KHÁI QUÁT

Phổ Môn là phẩm thứ 25 trong 28 phẩm của kinh *Pháp Hoa*. Theo tông Thiên Thai, nội dung của *Pháp Hoa* gồm có 2 phần:

1. Phần Tích môn: Gồm 14 phẩm đầu. *Là phần trình bày sự hóa độ của đức Phật Thích-ca biểu hiện qua lịch sử, như tu tập, thành đạo và giáo hóa (Khai-Thị Tri kiến Phật).*

2. Phần Bản môn: *Gồm 14 phẩm sau. Là phần trình bày về tánh Phật - tánh Phật vốn thường hằng không sinh, không diệt; Và giới thiệu con đường đi vào tánh Phật ấy (Ngộ-Nhập Tri kiến Phật) qua hạnh nguyện Bồ-tát.*

Nội dung phẩm *Phổ Môn* xác minh: *Tất cả chúng sinh đều có tánh Phật và giới thiệu con đường ngộ nhập tánh Phật ấy. Con đường đó được biểu thị bởi hạnh nguyện Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí của Bồ-tát Quán Thế Âm qua ba mươi hai hóa thân, mười chín cách thuyết pháp, cứu khổ bảy nạn, giải trừ ba độc,*

đáp ứng hai mong cầu v.v… cho chúng sinh. Đây chính là con đường của Lục độ Ba-la-mật (Giới-Định-Tuệ), con đường để phát triển, phát huy và thành tựu Đại Từ bi và Đại Trí tuệ của Bồ-tát đạo vậy.

CHƯƠNG II: Ý NGHĨA TÊN KINH

- Âm: Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn phẩm.

- Nghĩa: *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Phổ Môn trình bày về Bồ-tát Quán Thế Âm.*

- Giải:

Kinh (Sutra): Dịch âm là Tu-đa-la. Kinh có nghĩa là quán xuyến các pháp, trải suốt cổ kim mãi mãi không mất. Nghĩa rộng của kinh là gồm tất cả giáo pháp được Thế Tôn dạy. Nghĩa hẹp là tạng kinh trong Tam tạng Kinh-Luật-Luận.

Diệu Pháp (Saddharma): Pháp thù thắng đệ nhất không thể nghĩ bàn thì gọi là Diệu Pháp.

Liên Hoa (Padma): Hoa sen. Hoa sen biểu tượng tánh vô nhiễm, đó là Tánh Phật.

Phẩm (varga): Phẩm loại. Tức tập hợp các loại giống nhau thành một tập, gọi là phẩm.

Phổ Môn (Samanta-mukuha): Một môn thống nhiếp tất cả các pháp gọi là Phổ Môn, cũng gọi là Phổ Pháp. Phổ Môn còn chỉ ý nghĩa uy lực của Bồ-tát Quán Thế Âm mở toang cửa vô lượng, thị hiện vô số thân, viên thông hết thảy chúng sinh.

Bồ-tát (Bodhisattva): Nói đủ là Bồ-đề-tát-đỏa. Bồ-đề (Bodhi): Giác ngộ. Tát đỏa (Sattva): Hữu tình. Bồ-tát nghĩa là *Giác hữu tình* – vị đem sự giác ngộ của mình để giác ngộ cho tất cả chúng sinh.

Quán Thế Âm (Avalokitesvara): Tên của một vị Đại Bồ-tát. Còn có tên Quán Tự Tại, Quán Thế Tự Tại, gọi tắt là Quán Âm.

Quán Thế Âm: Quán sát hết thảy âm thanh trong pháp giới mà tùy duyên hóa độ.

Quán Thế Tự Tại: Quán sát thế giới mà tự tại ban vui, cứu khổ.

Tóm lại, tên Kinh (*Diệu Pháp Liên Hoa*) đã gói trọn nội dung của Kinh, là chỉ bày (*Khai-Thị*) thật tướng của thế giới là thường trụ, vô nhiễm (Hoa sen-tánh Phật), nằm ngoài mọi tham ái, chấp thủ. Và, chúng sinh có thể *Ngộ-Nhập* thật tướng ấy, giải thoát khỏi dòng đời ngũ trược ác thế này qua hạnh nguyện mà Bồ-tát Quán Thế Âm đã biểu hiện.

CHƯƠNG III:
DỊCH GIẢI PHẦN CHÁNH VĂN

- Âm: Nhĩ thời, Vô Tận Ý Bồ-tát tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hiệp chưởng hướng Phật, nhi tác thị ngôn: Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ-tát, dĩ hà Nhân duyên, danh Quán Thế Âm?

- Nghĩa: ***Bạch hỏi Nhân duyên*[3].**

Vào thời điểm bấy giờ,
Bồ-tát Vô Tận Ý,
Từ chỗ ngồi đứng dậy,

3. Người soạn phương tiện tạm đặt.

Kéo y bày vai phải,
Hướng về đức Thế Tôn,
Chấp tay cung kính thưa :
Kính bạch đức Thế Tôn,
Do bởi Nhân duyên gì,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Tên là Quán Thế Âm?

- Giải:

Đoạn trên là Nhân duyên trực tiếp để Thế Tôn thuyết giảng phẩm *Phổ Môn*.

Đại ý: Trong thời *Pháp Hoa*, Thế Tôn đã giảng từ phẩm Tựa thứ nhất đến phẩm Bồ-tát Diệu Âm thứ 24; bấy giờ Bồ-tát Vô Tận Ý đại diện thính chúng, trình lên Thế Tôn sự thắc mắc, xin Ngài chỉ dạy. Thính chúng thắc mắc rằng, do Nhân duyên gì mà Bồ-tát ấy có tên là Quán Thế Âm.

- Bồ-tát Vô Tận Ý vừa là một vị Bồ-tát đích thực, vừa là ngôn ngữ biểu tượng.

Vô tận: Vô lượng, vô biên, không có giới hạn.

Vô Tận Ý: Ý niệm không bị đóng khung trong

bất cứ phạm vi nào. Do vậy, *Vô Tận Ý* tại đây mang ý nghĩa giác tỉnh thính chúng rằng, muốn hiểu đúng ý nghĩa và hạnh nguyện (sự tu chứng và giáo hóa) của Bồ-tát Quán Thế Âm, thì hành giả phải có cái nhìn vô niệm, vô chấp. Ngược lại, với cái nhìn tham ái, chấp thủ thì không bao giờ hiểu đúng Quán Thế Âm.

Qua ý nghĩa của *Vô Tận Ý*, Phật tử chúng ta muốn hiểu phẩm *Phổ Môn* nói riêng, kinh *Pháp Hoa* nói chung, thì cần phải vận dụng tâm niệm thật thành khẩn, thật trong sáng không chấp trước bất cứ điều gì để đón nhận, mới có lợi ích thiết thực trong sự học và tu.

- Âm: Phật cáo Vô Tận Ý Bồ-tát: Thiện nam tử! Nhược hữu vô lượng bá thiên vạn ức chúng sinh thọ chư khổ não, văn thị Quán Thế Âm Bồ-tát, nhất tâm xưng danh, Quán Thế Âm Bồ-tát tức thời quán kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát.

Nhược hữu trì thị Quán Thế Âm Bồ-tát danh giả, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu. Do thị

Bồ-tát uy thần lực cố.

Nhược vị đại thủy sở phiêu, xưng kỳ danh hiệu, tức đắc thiển xứ.

Nhược hữu bá thiên vạn ức chúng sinh, vị cầu kim ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, chân châu đẳng bảo... nhập ư đại hải. Giả sử hắc phong xuy kỳ thuyền phưởng, phiêu đọa La-sát quỷ quốc, kỳ trung nhược hữu nãi chí nhất nhân xưng Quán Thế Âm Bồ-tát danh giả, thị chư nhân đẳng giai đắc giải thoát La-sát chi nạn. Dĩ thị Nhân duyên, danh Quán Thế Âm.

Nhược phục hữu nhân lâm đương bị hại, xưng Quán Thế Âm Bồ-tát danh giả, bỉ sở chấp đao trượng tầm đoạn đoạn hoại, nhi đắc giải thoát.

Nhược tam thiên đại thiên quốc độ mãn trung Dạ-xoa, La-sát, dục lai não nhân, văn kỳ xưng Quán Thế Âm Bồ-tát danh giả, thị chư ác quỷ, thượng bất năng dĩ ác nhãn thị chi, huống phục gia hại?

Thiết phục hữu nhân, nhược hữu tội, nhược vô tội, nữu giới già tỏa, kiểm hệ kỳ thân, xưng Quán

Thế Âm Bồ-tát danh giả, giai tất đoạn hoại, tức đắc giải thoát.

Nhược tam thiên đại thiên quốc độ, mãn trung oán tặc, hữu nhất thương chủ, tương chư thương nhân, tê trì trọng bảo, kinh quá hiểm lộ, kỳ trung nhất nhân tác thị xướng ngôn: Chư thiện nam tử, vật đắc khủng bố! Nhữ đẳng ưng đương nhất tâm xưng Quán Thế Âm Bồ-tát danh hiệu. Thị Bồ-tát năng dĩ vô uý thí ư chúng sinh. Nhữ đẳng nhược xưng danh giả, ư thử oán tặc, đương đắc giải thoát.

Chúng thương nhân văn, câu phát thanh ngôn: Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát. Xưng kỳ danh cố, tức đắc giải thoát.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát uy thần chi lực, nguy nguy như thị.

- Nghĩa: ***Giải trừ bảy nạn[4].***

Đức Thế Tôn đáp lời,
Bồ-tát Vô Tận Ý:
Thiện nam tử lắng nghe!

4. Người soạn phương tiện tạm đặt.

Giả như có chúng sinh,
Nhiều vô lượng, vô số,
Đang bị các khổ não,
Mà được nghe danh hiệu,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Rồi nhất tâm xưng niệm,
Danh hiệu của Bồ-tát,
Tức thời Quán Thế Âm,
Nghe rõ tiếng niệm ấy,
Đến cứu hết thảy họ,
Giải thoát mọi tai nạn.

Nếu người nào trì niệm[5]*,*
Danh hiệu Quán Thế Âm,
Dù vào trong lửa lớn,
Lửa không thể đốt cháy,
Đó là nhờ uy lực,
Bồ-tát Quán Thế Âm.

---

5. *Trì niệm*: Nắm giữ ý niệm liên tục. Tại đây có nghĩa: Phải liên tục xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm.

Hoặc bị nước cuốn trôi,
Niệm danh hiệu Bồ-tát,
Liền trôi vào chỗ cạn.

Hoặc có vô số người,
Đi khắp các đại dương,
Để tìm kiếm vật báu,
Như vàng, bạc, lưu ly,
Xa cừ hay mã não,
San hô hoặc hổ phách,
Chân châu và báu khác...
Giả sử ghe thuyền họ,
Bị gió dữ thổi trôi,
Đến nước quỷ La-sát,
Dù một người trong họ,
Niệm hiệu Quán Thế Âm,
Thì tất cả mọi người,
Được thoát nạn La-sát,
Do những Nhân duyên này,
Gọi là Quán Thế Âm.

Hoặc lại có những người,
Sắp bị hại đến thân,
Mà xưng niệm danh hiệu,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Thì dao gậy đối phương,
Gãy lìa thành từng đoạn,
Nhờ vậy mà thoát nạn.

Hoặc Dạ-xa, La-sát,
Đầy thế giới tam thiên[6]*,*
Muốn tìm người làm hại,
Nghe người ấy niệm hiệu,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Thì những ác quỷ đó,

---

6. *Thế giới tam thiên:* Nguyên văn trong Kinh là *Tam thiên đại thiên quốc độ*, tương đương với *Tam thiên đại thiên thế giới*. (ba lần ngàn thế giới đại thiên). Một *Tam thiên đại thiên quốc độ* gồm có:

- Một Thái dương hệ là một Tiểu thế giới.
- 1.000 Tiểu thế giới là một Tiểu thiên thế giới.
- 1.000 Tiểu thiên thế giới là một Trung thiên thế giới.
- 1.000 Trung thiên thế giới là một Đại thiên thế giới.
- Như vậy, một Tam thiên đại thiên thế giới = 1.000.000.000 Thái Dương hệ.

Không còn nhìn người ấy,
Bằng đôi mắt ác dữ,
Huống gì là làm hại.

Hoặc như có những người,
Phạm tội hay vô tội,
Thân thể bị trói buộc,
Bởi xiềng xích, gông cùm,
Mà xưng niệm danh hiệu,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Thì gông, xiềng tự mở,
Liền được thoát tai nạn.

Hoặc những kẻ trộm cướp,
Đầy thế giới tam thiên,
Có một đại thương gia,
Dẫn đoàn buôn của mình,
Mang theo nhiều báu vật,
Đi qua đường hiểm nguy,
Trong đoàn có một người,

Cất tiếng nói lớn rằng:
Hỡi tất cả các bạn,
Chớ nên quá lo sợ!
Chúng ta hãy nhất tâm,
Cùng xưng niệm danh hiệu,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Bởi vị Bồ-tát này,
Thường ban cho chúng sinh,
Pháp không còn sợ hãi,
Nếu chúng ta xưng niệm,
Sẽ thoát khỏi nạn này.
Đoàn buôn tin tưởng nghe,
Đồng thanh cất tiếng niệm:
Nam mô Quán Thế Âm,
Nhờ niệm danh hiệu ấy,
Tất cả đều thoát nạn.

Này ông Vô Tận Ý,
Đại Bồ-tát Quán Âm,
Với năng lực uy thần,
Cao diệu như thế ấy!

- Giải:

Đoạn này là lời giải thích đầu tiên của đức Thế Tôn cho câu hỏi của Ngài Vô Tận Ý về ý nghĩa của danh xưng Quán Thế Âm. Gồm có hai ý chính:

1. Ý tổng quát (đoạn thứ nhất): Bất cứ chúng sinh nào đang bị khổ nạn gì, được nghe danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm mà nhất tâm xưng niệm thì đều được Ngài cứu thoát.

2. Ý chi tiết (bảy đoạn còn lại): Trình bày Bồ-tát cứu bảy tai nạn cụ thể cho chúng sinh. Đó là các nạn: Lửa đốt; Nước trôi; Quỷ La-sát; Đánh đập; Chém giết (dao gậy); Quỷ Dạ-xoa và La-sát; Xiềng xích, tù tội và giặc cướp. Đây chỉ là một số tiêu biểu trong những năng lực cứu độ của Bồ-tát Quán Thế Âm. Chính do những năng lực cứu độ như vậy mà Ngài có danh hiệu Quán Thế Âm.

Qua nội dung cứu độ của Bồ-tát Quán Thế Âm ở đoạn này nói riêng và cả phẩm nói chung, chúng ta cần phải hiểu cả mặt *Sự* lẫn mặt *Lý* mới gọi là hiểu ý Kinh.

- Mặt Sự (Hiểu theo nghĩa hẹp):

Bồ-tát Quán Thế Âm cứu bảy tai nạn nói ở trên là có thật. Tuy vậy, kết quả để được Bồ-tát cứu độ là do người bị nạn *nhất tâm thành ý* khi niệm danh hiệu Ngài. Chính sự nhất tâm-ý ấy, tạo một năng lực bắt gặp (cảm) năng lực Đại từ bi của Bồ-tát (ứng). Nếu không như vậy thì không có hiệu quả.

Mặt khác, để khi hoạn nạn được *nhất tâm thành ý* niệm danh hiệu Ngài, thì trong cuộc sống đời thường người Phật tử phải có tâm cung kính và có thời khóa trì niệm danh hiệu Ngài hằng ngày liên tục (*Nhược hữu trì thị Quán Thế Âm Bồ-tát danh giả*...). Trường hợp, một người không có sự trì niệm liên tục hay chưa bao giờ niệm, chỉ niệm khi hoạn nạn mà được Bồ-tát cứu độ là do công đức đã trì niệm danh hiệu Ngài ở các đời trước cảm ứng. Đây chính là dòng vận hành Nhân quả nhiều đời, có Nhân hẳn nhiên có Quả và ngược lại.

- Mặt Lý (hiểu theo nghĩa rốt ráo):

Ngôn ngữ của kinh điển Phật giáo, nhất là kinh điển Bắc tông là những ngôn ngữ biểu tượng. Chính

thế, những ngôn ngữ diễn tả bảy tai nạn trên là biểu tượng cho các tâm lý ô nhiễm, bất thiện của con người (chúng sinh): *Lửa* biểu tượng cho tâm sân; *Nước* biểu tượng cho tâm tham; *Dao-gậy, gông-xiềng, các quỷ dữ và giặc cướp* biểu tượng cho tâm hại. Còn *Bồ-tát Quán Thế Âm* là biểu tượng cho *Thật tại Vô ngã* (Theo *Bát-nhã tâm kinh*). Do vậy, niệm danh hiệu Quán Thế Âm chính là quán niệm *Thật tại Vô ngã* ấy.

Khi một người quán niệm thấy rõ tự thân (năm uẩn-chủ) là Vô ngã, thấy rõ tất cả đối tượng (sáu trần-khách) là Vô ngã, thì tất cả tâm bất thiện Tham-Sân-Hại-Si sẽ rơi rụng. Thời điểm Tam độc rơi rụng hay được đoạn tận, chính là lúc hành giả giải thoát tất cả mọi ách nạn.

Mục đích chư Phật, chư Bồ-tát ra đời là trợ duyên cho chúng sinh để tự họ tu tập nhằm an trú *Thật tại Vô ngã* này đây (tức chứng đạt Niết-bàn, Niết-bàn là Vô ngã).

• Qua ý nghĩa về *Sự* và *Lý* trong sự cứu độ của Bồ-tát Quán Thế Âm vừa nói trên, chúng ta có thể rút ra hai nhận xét:

+ Theo *Sự*, để được Bồ-tát Quán Thế Âm cứu độ khi gặp hoạn nạn, thì trong cuộc sống hằng ngày, người Phật tử cần có tâm tin tưởng và cung kính Ngài; đồng thời, phải có thời khóa trì niệm danh hiệu của Ngài.

+ Theo *Lý*, tất cả mọi khổ nạn đều phát xuất từ tâm niệm Tham-Sân-Si (hữu ngã) của chúng ta. Vì vậy, để giảm thiểu và đoạn tận khổ nạn, không gì thiết thực hơn là chúng ta phải hành trì Giới Định Tuệ hằng ngày, để chế ngự và đoạn dần Tam độc[7]. Tu tập Tam học[8] nghiêm túc bao nhiêu thì Tam độc giảm thiểu bấy nhiêu (cũng có nghĩa khổ nạn được giảm thiểu bấy nhiêu). Đến thời điểm Tam độc được đoạn tận, chính là thời điểm chúng ta chứng đạt Niết-bàn, đây là mục đích cao nhất của mọi người Phật tử chúng ta.

Thế nên, trách nhiệm cấp thiết và chủ yếu của người Phật tử là đoạn tận hết thảy khổ đau (Tam độc) để đạt cứu cánh Niết-bàn.

---

7. Tam độc: Tham, Sân, Si.
8. Tam học: Giới, Định, Tuệ.

- Âm: Nhược hữu chúng sinh đa ư dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát, tiện đắc ly dục.

Nhược đa sân nhuế, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát, tiện đắc ly sân.

Nhược đa ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát, tiện đắc ly si.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát hữu như thị đẳng đại uy thần lực, đa sở nhiêu ích. Thị cố chúng sinh thường ưng tâm niệm.

- Nghĩa: *Giải trừ ba độc*[9].

Hoặc như chúng sinh nào,
Tâm ý đầy dâm dục[10],
Thường cung kính trì niệm,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Dâm dục được đoạn trừ.

9. Người soạn phương tiện tạm đặt.
10. Dâm dục là yếu tố *tham* trong nội dung của tham dục hay tham ái. Tham dục là yếu tố rất nặng đối với chúng sinh ở Dục giới.

Hoặc người đầy sân hận,
Thường cung kính trì niệm,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Sân hận được đoạn trừ.

Hoặc người đầy ngu si,
Thường cung kính trì niệm,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Ngu si được đoạn trừ.

Này ông Vô Tận Ý,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Có năng lực uy thần,
Vĩ đại và lợi ích,
Vô biên như thế đấy!
Do vậy, mọi chúng sinh,
Hãy nhất tâm chuyên niệm.

- Giải:

Đoạn này là đoạn thứ hai, Thế Tôn tiếp tục nói về hạnh nguyện của Bồ-tát Quán Thế Âm, hạnh nguyện

ấy là một trong những hạnh nguyện biểu tượng ý nghĩa Quán Thế Âm.

- Ý chính của đoạn này là nói về năng lực giải trừ ba độc Tham-Sân-Si cho chúng sinh của Bồ-tát.

Sự cứu độ chúng sinh thoát khỏi Tham-Sân-Si cũng phải hiểu theo hai mặt *sự* và *lý*, tương tự như đã trình bày ở đoạn trước.

Tham-Sân-Si chính là nguyên nhân chủ yếu gây ra hết thảy khổ nạn cho chúng sinh, mà cái khổ sâu nhất là bị trôi lăn trong sinh tử luân hồi. Chính thế, cứu độ chúng sinh thoát khỏi Tam độc là trọng tâm trong sự cứu độ của Bồ-tát Quán Thế Âm và hết thảy chư Bồ-tát, chư Phật.

Trong Tam độc, Si là nguyên nhân cốt lõi, do Si nên Tham dục, Sân hận có mặt. Si đồng nghĩa với Vô minh. Vô minh hay Si chính là sự thấy biết các pháp không đúng sự thật, tức thấy biết rằng con người (năm uẩn) có một tự ngã độc lập và những đối tượng của con người (các pháp) cũng đều có một tự ngã riêng biệt. Trong khi, trên sự thật tất cả các pháp là Duyên sinh Vô ngã.

Thấy biết các pháp là Duyên sinh Vô ngã, đó là Minh, là Vô si; khi ấy Tham-Sân hay tất cả khổ đau đều rơi rụng, đoạn diệt, và đạt giải thoát hoàn toàn. Điểm này Thế Tôn đã nhiều lần tuyên bố: "*Ai thấy Duyên khởi là thấy Pháp. Ai thấy Pháp là thấy Ta.*"[11] Thấy Phật ở đây tức có Trí tuệ như Phật hay thành tựu quả vị Phật.

- Âm: Nhược hữu nữ nhân thiết dục cầu nam, lễ bái cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát, tiện sinh Phước đức Trí tuệ chi nam.

Thiết dục cầu nữ, tiện sinh đoan chánh hữu tướng chi nữ, túc thực đức bổn, chúng nhân ái kính.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát hữu như thị lực.

- Nghĩa: *Đáp ứng hai nhu cầu*[12].

Hoặc như phụ nữ nào,

11. *Tương Ưng Bộ* kinh III, trang 144.
12. Người soạn phương tiện tạm đặt.

Ước vọng sinh con trai,
Thường lễ bái[13], cúng dường[14],
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Thì sinh được con trai,
Đủ Phước đức, Trí tuệ.

Hoặc ước vọng con gái,
Thì được sinh con gái,
Tướng xinh đẹp, đoan trang.
Dù trai hay là gái,
Được mọi người thương kính,
Vì đã trồng gốc lành,
Trong các đời quá khứ.

Này ông Vô Tận Ý,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Năng lực như thế đấy!

---

13. *Lễ bái:* Ý nghĩa đoạn trừ chấp ngã.
14. *Cúng dường:* Ý nghĩa đoạn trừ tham ái.

- Giải:

Ý đoạn này giới thiệu năng lực của Bồ-tát Quán Thế Âm đáp ứng hai nhu cầu muốn sinh con trai hay con gái của các phụ nữ.

Vấn đề đáp ứng trên cũng có hai mặt. Mặt *Sự* như nghĩa cụ thể đã nói ở Kinh. Còn mặt *Lý* thì sao? Thế Tôn dạy, hết thảy các pháp là Duyên sinh Vô ngã; nên con trai hay con gái cũng là các pháp Duyên sinh Vô ngã. Mặt khác, như trước đã nói, lễ lạy, trì niệm Quán Thế Âm là lễ lạy, trì niệm *Thật tại Vô ngã.* Khi an trú *Thật tại Vô ngã* thì tự tại tùy duyên hóa hiện bất cứ hình tướng nào, chủng loại nào. Bồ-tát Quán Thế Âm hóa hiện ba mươi hai thân tướng để hóa độ trong phẩm *Phổ Môn* này là một bảo chứng cho sự thật này.

- Âm: Nhược hữu chúng sinh cung kính lễ bái Quán Thế Âm Bồ-tát, Phước bất đường quyên. Thị cố chúng sinh giai ưng thọ trì Quán Thế Âm Bồ-tát danh hiệu.

Vô Tận Ý, nhược hữu nhân thọ trì lục thập nhị

ức Hằng hà sa Bồ-tát danh tự, phục tận hình cúng dường ẩm thực, y phục, ngọa cụ, y dược. Ư nhữ ý vân hà? Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân công đức đa phủ? Vô Tận Ý ngôn: Thậm đa, Thế Tôn.

Phật ngôn: Nhược phục hữu nhân thọ trì Quán Thế Âm Bồ-tát danh hiệu, nãi chí nhất thời lễ bái cúng dường, thị nhị nhân Phước, chánh đẳng vô dị, ư bá thiên vạn ức kiếp, bất khả cùng tận.

Vô Tận Ý, thọ trì Quán Thế Âm Bồ-tát danh hiệu, đắc như thị vô lượng vô biên Phước đức chi lợi.

- Nghĩa: *Công đức trì niệm, lễ bái, cúng dường*[15].

Hoặc như chúng sinh nào,
Thường cung kính lễ bái,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Phước đức không thể mất.
Vì vậy mọi chúng sinh,
Hãy phát tâm thọ trì[16]*,*

---

15. Người soạn phương tiện tạm đặt.
16. *Thọ trì:* Thọ: Tiếp nhận, lãnh nạp. Trì: Ức trì, duy trì. Tức là dùng sức mạnh của đức tin để tiếp nhận và dùng sức niệm để duy trì.

Danh hiệu Quán Thế Âm.

Này ông Vô Tận Ý,
Giả như có người nào,
Thường thọ trì danh hiệu,
Của vô số Bồ-tát,
Nhiều như cát sông Hằng[17]*,*
Lại suốt đời cúng dường,
Thực phẩm và y phục,
Ngọa cụ cùng thuốc thang[18]*.*
Vậy ông nghĩ thế nào,
Thiện nam, thiện nữ ấy,
Được công đức nhiều không?
Vô Tận Ý thưa rằng:
Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

---

17. Số cát sông Hằng (Hằng hà sa số): Hai bờ của sông Hằng (Gangà-Ấn Độ) toàn là cát, không thể tính đếm số lượng được. Thế Tôn sử dụng hình ảnh này để ví dụ cho những gì không thể nghĩ bàn.
18. Thực phẩm, y phục, đồ nằm, thuốc thang: Thuật ngữ gọi là *Tứ sự*. Đây là nhu cầu thiết yếu mà người xuất gia phải sử dụng, để thân khỏi bịnh nhằm trợ duyên cho sự tu tập.

Dù thế, nhưng có người,
Chỉ thọ trì danh hiệu,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Cho đến chỉ một lần,
Lễ bái hay cúng dường,
Phước đức hai người này,
Hệt như nhau không khác,
Và trong vô lượng kiếp,
Thọ hưởng mãi bất tận.

Này ông Vô Tận Ý!
Sự thọ trì danh hiệu,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Được vô lượng, vô biên,
Lợi ích về Phước đức,
Không thể nghĩ như vậy.

- Giải:

Ý chính đoạn này xác minh rằng, Phước đức của sự trì niệm, lễ bái, cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm không thể nghĩ bàn và không bao giờ mất.

- Một người suốt đời cúng dường vật dụng và thọ trì danh hiệu của Bồ-tát là có ý nghĩa *Tu tập hạnh Bồ-tát trải qua vô số đời kiếp, chứ không phải trì niệm, cúng dường... theo mặt sự tướng, tín ngưỡng.* Chính nhờ tu hạnh Bồ-tát liên tục nhiều kiếp như thế, mới chứng đạt Niết-bàn, an trú *Thật tại Vô ngã*. Do sự thật này, nên Kinh dạy: *"Phước đức của người này giống hệt Phước đức của người trì niệm Quán Thế Âm."*

Vì sao Phước đức thọ trì Quán Thế Âm là vô lượng, vô biên và không mất, không hết? –Phước đức thọ trì Quán Thế Âm chính là Phước đức chứng đạt *Thật tại Vô ngã* (Niết-bàn). Vô ngã thì không có hạn lượng, siêu việt hạn lượng; chỉ có Hữu ngã mới có hạn lượng mà thôi. Mặt khác, *Thật tại Vô ngã* là pháp Vô lậu, Vô vi; là *Thật tướng* thường tại của thế gian, nằm ngoài vòng đối đãi của sinh-diệt, đoạn-thường... Đây là ý nghĩa *Không mất, Không hết* vậy.

- Âm: Vô Tận Ý Bồ-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ-tát vân hà du thử Ta-bà thế giới? Vân hà nhi vị chúng sinh thuyết pháp? Phương tiện chi lực, kỳ sự vân hà?

Phật cáo Vô Tận Ý Bồ-tát:

Thiện nam tử! Nhược hữu quốc độ chúng sinh, ưng dĩ Phật thân đắc độ giả, Quán Thế Âm Bồ-tát tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Bích-chi Phật thân đắc độ giả, tức hiện Bích-chi Phật thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Thanh Văn thân đắc độ giả, tức hiện Thanh Văn thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Phạm vương thân đắc độ giả, tức hiện Phạm vương thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Đế Thích thân đắc độ giả, tức hiện Đế Thích thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Tự Tại thiên thân đắc độ giả, tức hiện Tự Tại thiên thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Đại Tự Tại thiên thân đắc độ giả, tức hiện Đại Tự Tại thiên thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Thiên Đại tướng quân thân đắc độ giả, tức hiện Thiên Đại tướng quân thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Tỳ-sa-môn thân đắc độ giả, tức hiện Tỳ-sa-môn thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Tiểu vương thân đắc độ giả, tức hiện Tiểu vương thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Trưởng giả thân đắc độ giả, tức hiện Trưởng giả thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Cư sĩ thân đắc độ giả, tức hiện Cư sĩ thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Tể quan thân đắc độ giả, tức hiện Tể quan thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Bà-la-môn thân đắc độ giả, tức hiện Bà-la-môn thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thân đắc độ giả, tức hiện Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Trưởng giả, Cư sĩ, Tể quan, Bà-la-môn Phụ nữ thân đắc độ giả, tức hiện Phụ nữ thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Đồng nam, Đồng nữ thân đắc độ giả, tức hiện Đồng nam, Đồng nữ thân nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, phi Nhân đẳng thân đắc độ giả, tức giai hiện chi nhi vị thuyết pháp.

Ưng dĩ Chấp Kim Cang thần đắc độ giả, tức hiện Chấp Kim Cang thần nhi vị thuyết pháp.

Vô Tận Ý! Thị Quán Thế Âm Bồ-tát thành tựu như thị công đức, dĩ chủng chủng hình du chư quốc độ, độ thoát chúng sinh. Thị cố nhữ đẳng ưng đương nhất tâm cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát.

Thị Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát, ư bố úy cấp nạn chi trung, năng thí vô úy. Thị cố thử Ta-bà thế giới giai hiệu chi vi Thí Vô Úy giả.

- Nghĩa: ***Ứng hóa 32 thân, thuyết pháp 19 cách***[19]**.**

Bồ-tát Vô Tận Ý,

Thưa hỏi Thế Tôn rằng:

---

19. Người soạn phương tiện tạm đặt.

Kính bạch đức Thế Tôn,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Đi lại như thế nào,
Trong cõi Ta-bà này?
Thuyết pháp như thế,
Cho mọi loại chúng sinh?
Tức dùng phương tiện gì
Thực hiện các việc trên?
Đức Thế Tôn đáp lời,
Bồ-tát Vô Tận Ý:

Thiện nam tử lắng nghe!
Giả như những chúng sinh,
Ở trong thế giới nào,
Phải dùng thân tướng Phật,
Mới hóa độ được họ,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Liền hiện thân tướng Phật,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc phải dùng thân tướng,
Của bậc Bích-chi Phật,
Mới hóa độ được họ,
Quán Âm liền hóa hiện,
Thân tướng Bích-chi Phật,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc dùng thân Thanh Văn,
Mới hóa độ được họ,
Quán Âm liền hóa hiện,
Thân tướng bậc Thanh Văn,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc dùng thân Phạm vương,
Mới hóa độ được họ,
Quán Âm liền hóa hiện,
Thân tướng vị Phạm vương,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc dùng thân Đế Thích,
Mới hóa độ được họ,

Quán Âm liền hóa hiện,
Thân tướng vị Đế Thích,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc phải dùng thân tướng,
Vua Tha Hóa Tự Tại,
Mới hóa độ được họ,
Quán Âm liền hóa hiện,
Vua Tha Hóa Tự Tại,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc phải dùng thân tướng,
Vua trời Đại Tự Tại,
Mới hóa độ được họ,
Quán Âm liền hóa hiện,
Vua trời Đại Tự Tại,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc phải dùng thân tướng,
Các Đại tướng cõi trời,
Mới hóa độ được họ,
Quán Âm liền hóa hiện
Các Đại tướng cõi trời,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc phải dùng thân tướng,
Vua trời Tỳ-sa-môn,
Mới hóa độ được họ,
Quán Âm liền hóa hiện,
Vua trời Tỳ-sa-môn,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc dùng thân Tiểu vương,
Mới hóa độ được họ,
Quán Âm liền hóa hiện,
Thân tướng vị Tiểu vương,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc dùng thân Trưởng giả,
Mới hóa độ được họ,
Quán Âm liền hóa hiện,
Thân tướng vị Trưởng giả,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc dùng thân Cư sĩ,
Mới hóa độ được họ,
Quán Âm liền hóa hiện,
Thân tướng vị Cư sĩ,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc dùng thân Tể quan,
Mới hóa độ được họ,
Quán Âm liền hóa hiện,
Thân tướng vị Tể quan,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc phải dùng thân tướng,
Các vị Bà-la-môn,
Mới hóa độ được họ,

Quán Âm liền hóa hiện,
Thân tướng Bà-la-môn,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc phải dùng thân tướng,
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Hay là Ưu-bà-tắc,
Hoặc là Ưu-bà-di,
Mới hóa độ được họ,
Quán Âm liền hóa hiện,
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Hay là Ưu-bà-tắc,
Hoặc là Ưu-bà-di,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc dùng thân tướng nữ,
Thuộc dòng dõi Trưởng giả,
Hay Cư sĩ, Tể quan,
Hoặc là Bà-la-môn,
Mới hóa độ được họ,

Quán Âm liền hóa hiện,
Thân nữ dòng Trưởng giả,
Cư sĩ hay Tể quan,
Hoặc là Bà-la-môn,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc phải dùng thân tướng,
Trời, Rồng hay Dạ-xoa,
Càn-thát-bà, Tu-la,
Ca-lầu, Khẩn-na-la,
Hay Ma-hầu-la-già,
Người hoặc chẳng phải người,
Mới hóa độ được họ,
Quán Âm liền hóa hiện,
Các thân tướng như vậy,
Vì họ mà thuyết pháp.

Hoặc phải dùng thân tướng,
Thần Hộ pháp Kim Cang,
Mới hóa độ được họ,

Quán Âm liền hóa hiện,
Thần Hộ pháp Kim Cang,
Vì họ mà thuyết pháp.

Này ông Vô Tận Ý,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Thành tựu mọi công đức,
Hóa hiện vô số thân,
Đi khắp các thế giới,
Cứu độ cho chúng sinh,
Viên mãn như thế đấy!

Do vậy, này các ông,
Hãy nhất tâm cúng dường,
Bồ-tát Quán Thế Âm!
Vị Đại Bồ-tát này,
Bất cứ ở chỗ nào,
Có hiểm nạn sợ hãi,
Thường ban sự không sợ,

Nên cõi Ta-bà này,
Còn gọi Quán Âm là:
Bồ-tát Thí Vô Úy.[20]

- Giải:

Nội dung đoạn này là lời giải thích của Thế Tôn cho hai câu hỏi mà Bồ-tát Vô Tận Ý đã thưa thỉnh; đó là:

- Bồ-tát Quán Thế Âm dùng phương tiện gì để đi khắp cõi Ta-bà hóa độ chúng sinh?

- Cách thức thuyết pháp của Bồ-tát Quán Thế Âm như thế nào?

Đáp án cho câu hỏi thứ nhất, Thế Tôn dạy rằng, Bồ-tát Quán Thế Âm đã hóa hiện 32 loại thân tướng để hóa độ các loài chúng sinh khắp cõi Ta-bà này.

Đáp án cho câu hỏi thứ hai, Thế Tôn dạy rằng, Bồ-tát Quán Thế Âm xếp chúng sinh trong thế giới thành 19 loại căn cơ để thuyết pháp; thích ứng với trình độ, Nghiệp lực của họ.

---

20. *Thí Vô Úy*: Ban bố sự không sợ hãi, hay ban bố sự an lạc.

✵ Ba mươi hai ứng hóa thân là:

1. *Thân Phật*.

2. *Thân Bích-chi Phật*: Bích-chi Phật còn gọi là Duyên Giác hay Độc Giác Phật.

3. *Thân Thanh Văn*: Thanh Văn gồm có bốn quả vị, đó là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

4. *Thân Phạm vương*: Phạm vương nói đủ là Phạm Thiên vương hay Đại Phạm Thiên vương. Vị vua cõi trời Sơ thiền thuộc trời Sắc giới, cũng là vị thường đến hầu đức Phật khi Ngài còn tại thế, và là vị ủng hộ Phật pháp rất tích cực.

5. *Thân Đế Thích*: Đế Thích còn gọi là Thích-đề-hoàn-nhơn - vua cõi trời Đao Lợi, cõi thứ hai trong sáu cõi trời Dục giới.

6. *Thân Tự Tại thiên*: Tự Tại thiên nói đủ là Tha Hóa Tự Tại thiên. Vị vua cõi Tha Hóa Tự Tại, cõi thứ sáu, cõi cao nhất trong sáu cõi trời Dục giới.

7. *Thân Đại Tự Tại thiên*: Đại Tự Tại thiên còn gọi là Ma-hê-thủ-la thiên. Vị vua cõi Đại Tự Tại, cõi cao nhất của trời Sắc giới. Đây chính là vị Thiên ma

làm chủ cả Tam thiên thế giới, cùng cộng tác với Thiên ma Tha Hóa Tự Tại.

8. *Thân Thiên Đại tướng quân*: Có hai cách giải thích: thứ nhất, chỉ các Nguyên soái ở cõi trời; thứ hai, chỉ các vị Thần trời.

9. *Thân Tỳ-sa-môn*: Tỳ-sa-môn nói đủ là Tỳ-sa-môn Thiên vương - vị vua châu Bắc-câu-lô, một trong bốn châu; bốn châu này là cõi trời thấp nhất trong sáu cõi trời Dục giới. Tỳ-sa-môn là một trong những vị được gọi là *Thiện thần hộ trì Phật pháp.*

10. *Thân Tiểu vương*: Tiểu vương là các vị Vua-Chúa cai trị một lãnh thổ, một quốc gia.

11. *Thân Trưởng giả*: Trưởng giả là những vị có Trí-Đức hoàn thiện, được mọi người kính ngưỡng.

12. *Thân Cư sĩ*: Cư sĩ là những vị tại gia tin Phật, thọ trì năm giới, thực hành mười điều thiện và hộ trì Tam bảo, ủng hộ Phật pháp.

13. *Thân Tể quan*: Tể quan là chỉ chung các người có địa vị cao trong guồng máy nhà nước, như Tể tướng, Thái sư… Thủ tướng, Bộ trưởng.v.v…

14. *Thân Bà-la-môn*: Bà-la-môn là chỉ chung các Tu sĩ ngoại đạo.

15. *Thân Tỷ-kheo*: Những người nam xuất gia đã thọ giới cụ túc.

16. *Thân Tỷ-kheo-ni*: Những người nữ xuất gia đã thọ giới cụ túc.

17. *Thân Ưu-bà-tắc*: Ưu-bà-tắc còn gọi là Cận sự nam hay Thiện nam. Đây là những người nam đã thọ Tam quy, Ngũ giới.

18. *Thân Ưu-bà-di*: Ưu-bà-di còn gọi là Cận sự nữ hay Thiện nữ. Đây là những người nữ đã thọ Tam quy, Ngũ giới.

19. *Thân nữ dòng Trưởng giả, Cư sĩ, Tể quan hay Bà-la-môn*: Vừa có nghĩa là người nữ thuộc quyến thuộc của bốn thành phần trên, vừa có nghĩa nữ Trưởng giả… nữ Bà-la-môn.

20. *Thân Đồng nam*: Đồng nam còn gọi là Đồng tử, là những bé trai thân thể còn trong trắng.

21. *Thân Đồng nữ*: Nghĩa tương tự như Đồng nam.

22. *Thân Trời* (Thiên thân): Trời đây là *Thiên*

chúng, tức những con dân cõi trời.

23. *Thân Rồng* (Long thân): Rồng có ba loại, đó là rồng trời, rồng biển, rồng đất. Nơi đây chỉ chung cho cả ba loại.

24. *Thân Dạ-xoa*: Dạ-xoa còn gọi là Dược-xoa, Duyệt-xoa. Một loài quỷ có hình tướng xấu xí, đi lại rất nhanh.

25. *Thân Càn-thát-bà*: Càn-thát-bà dịch nghĩa là *Thần hương*. Đó là các thần nhạc cõi trời, thường hầu hạ trời Đế Thích; chỉ hưởng mùi hương để sống.

26. *Thân A-tu-la*: A-tu-la là một loại thần có hình tướng rất xấu xí, nhưng chỉ có nam giới, còn nữ giới thì rất đẹp. Loại thần này có uy lực và cung điện gần giống trời Dục giới, nhưng kém xa và thường đánh nhau với trời Đế Thích.

27. *Thân Ca-lầu-la*: Ca-lầu-la dịch nghĩa là *Kim-xí-điểu* (chim cánh vàng). Một loại chim thần, thường ăn thịt rồng. Còn gọi là thần Đại bàng.

28. *Thân Khẩn-na-la*: Khẩn-na-la là một loại thần nhạc khác của cõi trời, cũng thường hầu hạ trời Đế Thích. Nam thì thân người đầu ngựa, giọng hát rất hay; nữ thì rất xinh đẹp, giỏi múa.

29. *Thân Ma-hầu-la-già*: Ma-hầu-la-già dịch nghĩa là *Đại mãng thần* hay *Đại xà vương,* tức các thần rắn, vua rắn.

- Từ số 22 đến số 29 (*Thiên, Long… Ma-hầu-la-già*) thường gọi là Tám Bộ chúng (Bát Bộ chúng), là những vị có uy lực và có tâm thiện, thường ủng hộ Phật pháp. Trong các kinh thường gọi là *Thiên Long Bát bộ.*

30. *Thân Người* (Nhân): Chỉ cho mọi người, trừ những hạng người đã nói ở trên.

31. *Thân phi Nhân* (chẳng phải người): Có hai cách giải thích: thứ nhất , chỉ các loài mà mắt con người không thấy được; thứ hai, chỉ các loài có những điểm giống người mà không phải người, như súc sinh.v.v…

32. *Thân Thần Chấp Kim Cang*: Thần Chấp Kim Cang là chỉ chung các vị thần thiện thường mang vũ khí để bảo vệ Phật pháp.

Ba mươi hai ứng hóa thân của Bồ-tát Quán Thế Âm vừa nói trên là phương tiện để Ngài có mặt khắp cõi Ta-bà (*du ư Ta-bà thế giới*), hóa độ cho tất cả các loài chúng sinh.

● Về cách thức thuyết giáo, Bồ-tát Quán Thế Âm đã hóa hiện mười chín mẫu người thích ứng với kiến thức, tâm lý, ý chí… của từng loại chúng sinh, để dẫn dắt họ đi vào Phật pháp.

✵ **Mười chín mẫu người để thuyết pháp:**

1. *Phật*.
2. *Bích-chi Phật*.
3. *Thanh Văn*.
4. *Vua Phạm Thiên*.
5. *Đế Thích*.
6. *Vua Tha Hóa Tự Tại.*
7. *Vua Đại Tự Tại.*
8. *Đại tướng cõi trời*.
9. *Vua Tỳ-sa-môn*.
10. *Vua, Chúa* (cõi người).
11. *Tứ chúng đệ tử Phật* (Tỷ-kheo,… Ưu-bà-di).
12. *Người có Phước đức* (Trưởng giả).
13. *Phật tử thuần thành.*
14. *Thần Hộ pháp.*
15. *Quan chức*.

16. *Tiểu Đồng nam, Đồng nữ.*

17. *Tám Bộ chúng, người và chẳng phải người.*

18. *Tu sĩ ngoại đạo.*

19. *Người nữ thuộc dòng Trưởng giả, Cư sĩ, Quan chức, Tu sĩ ngoại đạo.*

Như vậy, những ai thích ứng với thân tướng, uy đức, ngôn ngữ… của Phật, thì Bồ-tát Quán Thế Âm liền hiện thân Phật để hóa độ. Đây là những người có phước báo sâu dày và căn cơ lớn lao. Mười tám cách thuyết pháp còn lại, Bồ-tát Quán Thế Âm cũng hóa hiện tương tự như thế, nhưng phước báo và căn cơ của mười tám đối tượng này thì yếu dần (theo vị trí đã sắp xếp).

● Hiểu Bồ-tát Quán Thế Âm qua 32 ứng hóa thân và 19 cách thuyết pháp như Kinh dạy là hiểu theo mặt *sự tướng* và *diệu dụng*. Còn mặt *lý tánh* thì như thế nào?

- Thứ nhất, như đã nói ở phần giới thiệu, hạnh nguyện của Bồ-tát Quán Thế Âm chính là gợi mở thực hiện con đường Bồ-tát, để hướng dẫn Phật tử chúng ta

tu tập cụ thể nhằm *Ngộ-Nhập Tri kiến Phật,* nội dung con đường ấy là hành Lục độ để phát triển và thành tựu Đại bi và Đại trí. *Bi-Trí viên mãn* đồng nghĩa *Ngộ-Nhập viên mãn* hay an trú *Thật tại Vô ngã.*

Mặt khác, 32 loại chúng sinh ở đây (đối tượng của 32 ứng hóa thân của Bồ-tát) là biểu tượng những tâm niệm chúng sinh (tâm ô nhiễm) đang tồn tại trong tâm thức của chúng ta. Muốn *Ngộ-Nhập Tri kiến Phật,* hẳn nhiên phải loại trừ và đoạn tận tất cả tâm niệm chúng sinh ấy, phương tiện đoạn trừ chính là hành Lục độ với tâm tỉnh giác để viễn ly chấp thủ ngã-pháp – không thấy có người độ, pháp dùng để độ và đối tượng được độ (Tam luân không tịch).

- Thứ hai, thật thân của Bồ-tát Quán Thế Âm là Pháp thân (Vô tướng, Vô tánh). Vì đã thành tựu Pháp thân (Thể đại) nên tùy hạnh nguyện (Tùy duyên) tự tại hóa hiện vô lượng thân hình (Tướng đại), để thuyết pháp hóa độ cho chúng sinh theo căn cơ của họ (Dụng đại). Như thế, sự biểu hiện 32 hình tướng để thuyết pháp bằng 19 cách của Bồ-tát Quán Thế Âm là biểu

tượng cho *Thật tại Pháp thân* (hay *Thật tại Vô ngã, Thật tại Chân như*).

Nội dung Pháp thân gồm Thể đại, Tướng đại và Dụng đại. Do vậy, bất cứ ai chứng Pháp thân cũng có khả năng thể hiện hạnh nguyện cứu độ vĩ đại như Bồ-tát Quán Thế Âm.

Mặt khác, Bồ-tát Quán Thế Âm hóa hiện 32 thân là biểu tượng *Quán Thế Âm là Vô ngã*. Mười chín cách thuyết pháp là biểu tượng *Pháp được thuyết là Vô ngã* (Phật pháp). Nhiều loại chúng sinh nghe pháp là biểu tượng *Chúng sinh là Vô ngã.*

Tiêu chí của người Phật tử khi tụng *Phổ Môn* hay *Pháp Hoa* là nhằm nắm bắt được tôn chỉ của Kinh để tu tập, hầu đạt *Thật tại Vô ngã* tối hậu này đây.

● Kết thúc đoạn Kinh trên, Thế Tôn dạy thêm hai điểm:

1. Thế Tôn khích lệ Bồ-tát Vô Tận Ý và thính chúng hãy thành tâm cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm.

Nơi đây, Thế Tôn khích lệ hàng đệ tử cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm là khích lệ hàng đệ tử hãy tinh tấn

tu tập Trí tuệ Bát-nhã để *Ngộ-Nhập Tri kiến Phật.*

2. Thế Tôn giới thiệu với thính chúng rằng, Bồ-tát Quán Thế Âm còn có một tên khác, đó là *Thí Vô Úy.*

● *Thí Vô Úy* (Ban bố sự không sợ hãi) có ý nghĩa rằng, sự giáo hóa của Bồ-tát Quán Thế Âm là giúp cho chúng sinh nỗ lực tu tập để thành tựu Trí tuệ Bát-nhã, an trú *Thật tại Vô ngã.* Chứng đạt Vô ngã thì đoạn tận hết thảy sự sợ hãi. Vì rằng sợ hãi chỉ có mặt khi có mặt của Tham-Sân-Si hay có mặt cái nhìn tham ái, chấp thủ (Hữu ngã).

- Âm: Vô Tận Ý Bồ-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn, Ngã kim đương cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát. Tức giải cảnh chúng bảo châu Anh lạc, giá trị bá thiên lượng kim, nhi dĩ dữ chi, tác thị ngôn: Nhân giả! Thọ thử pháp thí trân bảo Anh lạc. Thời Quán Thế Âm Bồ-tát bất khẳng thọ chi. Vô Tận Ý phục bạch Quán Thế Âm Bồ-tát ngôn: Nhân giả! Mẫn ngã đẳng cố thọ thử Anh lạc.

Nhĩ thời, Phật cáo Quán Thế Âm Bồ-tát: Đương mẫn thử Vô Tận Ý Bồ-tát cập Tứ chúng, Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-

la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, phi Nhân đẳng cố, thọ thị Anh lạc. Tức thời, Quán Thế Âm Bồ-tát mẫn chư Tứ chúng, cập ư Thiên, Long, Nhân, phi Nhân đẳng, thọ kỳ Anh lạc, phân tác nhị phần: Nhất phần phụng Thích-ca Mâu-ni Phật, nhất phần phụng Đa Bảo Phật tháp.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát hữu như thị tự tại thần lực, du ư Ta-bà thế giới.

- Nghĩa: *Cúng dường*[21].

Bồ-tát Vô Tận Ý,
Trình thưa Thế Tôn rằng:
Kính bạch đức Thế Tôn,
Nay con nguyện cúng dường,
Bồ-tát Quán Thế Âm.
Bạch xong Vô Tận Ý,
Cởi chuỗi ngọc Anh lạc,
Giá trăm ngàn lượng vàng[22]*,*

---

21. Người soạn phương tiện tạm đặt.
22. Trăm ngàn lượng vàng: Có nghĩa là vô số lượng vàng, tức có giá trị rất cao, rất quý hiếm.

Từ cổ mình dâng cúng,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Và lên tiếng thưa rằng:
Xin Nhân giả[23] *thọ nhận,*
Chuỗi ngọc quý Anh lạc,
Của sự Pháp thí này.
Bấy giờ Quán Thế Âm,
Chẳng chịu nhận chuỗi ngọc.
Bồ-tát Vô Tận Ý,
Lại thưa Quán Âm rằng:
Xin Nhân giả lân mẫn,
Vì chúng tôi nhận chuỗi.

Khi ấy đức Thế Tôn,
Khuyên Bồ-tát Quán Âm:
Hãy thương Vô Tận Ý,
Và thương hàng Tứ chúng,
Cùng Thiên, Long, Bát bộ,

---

23. *Nhân giả*: Danh từ các vị Bồ-tát tôn xưng nhau. (Nhân: Biểu thị tâm Đại từ, tâm Đại bi.)

Người và chẳng phải người,
Mà nhận chuỗi Anh lạc.

Được nghe Thế Tôn dạy,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Lân mẫn hàng Tứ chúng,
Cùng Thiên, Long, Bát bộ,
Người và chẳng phải người,
Thọ nhận chuỗi Anh lạc,
Rồi chia thành hai phần:
Một phần dâng cúng dường,
Đức Thích-ca Mâu-ni;
Phần còn lại dâng cúng,
Tháp đức Phật Đa Bảo[24].

Này ông Vô Tận Ý,

---

24. *Tháp đức Phật Đa Bảo*: Đức Phật Đa Bảo là một vị Phật trong quá khứ. Khi Niết-bàn, Ngài nguyện hiện thân xá-lợi Phật trong Bảo tháp. Chỗ nào có thuyết kinh *Pháp Hoa* thì Bảo tháp xuất hiện và thân xá-lợi Phật Đa Bảo lên tiếng tán thán vị Phật đang thuyết pháp và pháp được thuyết.

Bồ-tát Quán Thế Âm,
Có năng lực uy thần,
Đi khắp cõi Ta-bà,
Tự tại như thế đấy!

- Giải:

● Ý chính của đoạn này nói về Bồ-tát Vô Tận Ý cúng dường chuỗi ngọc Anh lạc cho Bồ-tát Quán Thế Âm.

● Hiểu theo mặt *Sự tướng* thì như nghĩa đã được dịch. Tuy vậy, với nghĩa của *Sự tướng* này đã giới thiệu cho chúng ta một nguyên tắc sống có Trí tuệ và Đạo đức cả mặt Đời lẫn mặt Đạo. Nguyên tắc ấy là *bất cứ làm việc gì, chúng ta cũng phải y chỉ vào những vị lớn hơn ta* (Bồ-tát Vô Tận Ý vâng lời Thế Tôn để cúng dường). Khi thực hiện cần nghiêm túc, rõ ràng (Bồ-tát Vô Tận Ý cởi chuỗi ngọc đem đến thưa trình với Bồ-tát Quán Thế Âm); bên cạnh, khi chúng ta tiếp nhận một sự kiện gì của ai, cũng phải có ý kiến của người lớn (Bồ-tát Quán Thế Âm vâng lời Thế Tôn mà nhận chuỗi). Tóm lại, theo mặt Đời, chúng ta cần nương tựa

vào ông bà, cha mẹ… để xuất xử; Về mặt Đạo, chúng ta phải nương tựa vào Tam bảo để tu tập vậy.

● Theo mặt *Lý tánh,* sự cúng dường (Bố thí) này là biểu thị tâm tỉnh giác hành Lục độ để *Ngộ-Nhập Tri kiến Phật (Thật tại Vô ngã):*

- Bồ-tát Vô Tận Ý vâng lời Thế Tôn để cúng dường là ý nghĩa hành Bố thí (Lục độ - hạnh Bồ-tát) với tâm tỉnh giác Vô ngã, tức không thấy có người Bố thí.

- Bồ-tát Quán Âm vâng lời Thế Tôn mà nhận chuỗi ngọc là ý nghĩa không thấy có người nhận thí.

- Bồ-tát Quán Âm cúng dường chuỗi ngọc lên đức Phật Thích-ca (Hiện tại) và tháp đức Phật Đa Bảo (Quá khứ) là ý nghĩa không thấy có vật để thí.

Tóm lại, nội dung tu tập của hàng Bồ-tát là thực hành Lục độ để đạt mục đích cuối cùng, đó là hoàn thành quả vị Phật. Tức chuyển Lục độ thành Lục độ Ba-la-mật, cũng đồng nghĩa thành tựu mục đích tối hậu là *Ngộ-Nhập Tri kiến Phật* hay an trú *Thật tại Vô ngã* (Niết-bàn).

● Năm câu cuối của đoạn này (phần dịch nghĩa) là lời kết luận thứ hai của Thế Tôn cho hai câu hỏi của Bồ-tát Vô Tận Ý; đồng thời, cũng là phần kết luận của văn trường hàng (văn xuôi).

- Âm: Nhĩ thời, Vô Tận Ý Bồ-tát dĩ kệ vấn viết:
Thế Tôn Diệu tướng cụ,
Ngã kim trùng vấn bỉ,
Phật tử hà Nhân duyên,
Danh vi Quán Thế Âm?
Cụ túc Diệu tướng Tôn,
Kệ đáp Vô Tận Ý:
Nhữ thính Quán Âm hạnh,
Thiện ứng chư phương sở,
Hoằng thệ thâm như hải,
Lịch kiếp bất tư nghị,
Thị đa thiên ức Phật,
Phát đại thanh tịnh nguyện.
Ngã vị nhữ lược thuyết:

Văn danh cập kiến thân,
Tâm niệm bất không quá,
Năng diệt chư hữu khổ.

Giả sử hưng hại ý,
Thôi lạc đại hỏa khanh,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Hỏa khanh biến thành trì.

Hoặc phiêu lưu cự hải,
Long, ngư, chư quỷ nạn,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Ba lãng bất năng một.

Hoặc tại Tu-di phong,
Vi nhân sở thôi đọa,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Như nhật hư không trụ.

Hoặc bị ác nhân trục,
Đọa lạc Kim Cang sơn,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Bất năng tổn nhất mao.

Hoặc trị oán tặc nhiễu,
Các chấp đao gia hại,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Hàm tức khởi từ tâm.

Hoặc tao vương nạn khổ,
Lâm hình dục thọ chung,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Đao tầm đoạn đoạn hoại.

Hoặc tù cấm già tỏa,
Thủ túc bị nữu giới,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Thích nhiên đắc giải thoát.

Chú, trớ, chư độc dược,
Sở dục hại thân giả,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Hoàn trước ư bổn nhân.

Hoặc ngộ ác La-sát,
Độc long chư quỷ đẳng.
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Thời tất bất cảm hại.

Nhược ác thú vi nhiễu,
Lợi nha, trảo khả bố,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Tật tẩu vô biên phương.

Ngoan, xà cập phúc yết,
Khí độc yên hỏa nhiên,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Tầm thanh tự hồi khứ.

Vân, lôi, cổ, xiết điện,
Giáng bạc chú đại vũ,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Ứng thời đắc tiêu tán.

Chúng sinh bị khổn ách,
Vô lượng khổ bức thân.
Quán Âm diệu trí lực,
Năng cứu thế gian khổ.

Cụ túc thần thông lực,
Quảng tu trí phương tiện,
Thập phương chư quốc độ,
Vô sát bất hiện thân.

Chủng chủng chư ác thú,
Địa ngục, quỷ, súc sinh,
Sinh, lão, bệnh, tử khổ,
Dĩ tiệm tất linh diệt.

Chơn quán, Thanh tịnh quán,
Quảng đại Trí tuệ quán,
Bi quán cập Từ quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng,
Vô cấu thanh tịnh quang,
Tuệ nhật phá chư ám,
Năng phục tai phong hỏa,
Phổ minh chiếu thế gian.

Bi thể giới lôi chấn,
Từ ý diệu đại vân,
Chú cam lộ pháp vũ,
Diệt trừ phiền não diệm.

Tránh tụng kinh quan xứ,
Bố úy quân trận trung,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Chúng oán tất thối tán.

Diệu âm, quán thế âm,
Phạm âm, hải triều âm,
Thắng bỉ thế gian âm,
Thị cố tu thường niệm.

Niệm niệm vật sinh nghi,
Quán Thế Âm tịnh Thánh,
Ư khổ não, tử ách,
Năng vị tác y hỗ.

Cụ nhất thiết công đức,
Từ nhãn thị chúng sinh;
Phước tụ hải vô lượng,
Thị cố ưng đảnh lễ.

- Nghĩa: ***Lập lại câu hỏi và đáp (bằng kệ)*[25].**

Vào thời điểm bấy giờ,
Bồ-tát Vô Tận Ý,
Dùng kệ thưa Thế Tôn:

---

25. Người soạn phương tiện tạm đặt.

Kính bạch đức Thế Tôn,
Đấng Phước tướng hoàn hảo[26]*!*
Cho con được hỏi lại:
Do bởi Nhân duyên gì,
Vị đệ tử Phật ấy,
Tên là Quán Thế Âm?

Đấng Phước tướng hoàn hảo,
Cũng dùng kệ đáp lời,
Ngài Vô Tận Ý rằng:

Ông hãy chú tâm nghe,
Hạnh nguyện Quán Thế Âm,
Khéo thích ứng mọi người,
Khắp mọi chốn, mọi nơi,
Với thệ nguyện vĩ đại,
Rộng-sâu như biển cả;

---

26. *Phước tướng hoàn hảo (Diệu tướng cụ):* Tức chỉ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của đức Phật.

Một thệ nguyện cực kỳ,
Cao thâm và trong sáng,
Được Quán Âm phát ra,
Trải qua vô số kiếp,
Không thể nghĩ bàn được,
Phụng sự vô số Phật.

Dù vậy, nhưng hôm nay,
Như Lai chỉ nói gọn:
Ai nghe được danh hiệu,
Hay thấy được hình tướng,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Rồi nhất tâm trì niệm,
Không giải đãi bỏ qua,
Thì hết mọi đau khổ.

Giả sử bị kẻ ác,
Xô vào hầm lửa lớn,
Lực trì niệm Quán Âm,
Làm cho lửa hầm ấy,

Tự tắt được mát mẻ.
Hoặc đang trôi biển cả,
Gặp nạn rồng, cá, quỷ,
Lực trì niệm Quán Âm,
Làm cho sức sóng, gió,
Không thể nhận chìm được.

Hoặc trên đỉnh Tu-di,[27]
Bị người ác xô xuống,
Lực trì niệm Quán Âm,
Làm đứng giữa hư không,
Tương tự như mặt trời.

Hoặc bị kẻ ác rượt,
Rơi xuống núi Kim Cang,[28]
Lực trì niệm Quán Âm,
Làm cho không thương tổn,

---

27. *Tu-di*: Núi Tu-di, dịch nghĩa là Diệu cao. Là trung tâm của một Tiểu thế giới. Trên đỉnh núi là nơi ở của vua trời Đế Thích, lừng chừng núi Tu-di là nơi ở của Tứ Thiên Vương.
28. *Kim Cang sơn*: Nói đủ là Kim Cang vi sơn, tức núi Thiết Vi, rất cứng chắc nên gọi là Kim Cang.

Dù nhỏ như mảy lông.
Hoặc bị kẻ thù vây,
Cầm dao muốn làm hại,
Lực trì niệm Quán Âm,
Làm cho kẻ thù ấy,
Trở thành người hiền lành.

Hoặc bị họa vua, chúa,
Sắp sửa bị hành hình,
Lực trì niệm Quán Âm,
Làm vũ khí đao phủ,
Gãy lìa thành từng đoạn.

Hoặc tù tội, gông xiềng,
Tay chân bị trói buộc,
Lực trì niệm Quán Âm,
Làm gông xiềng tự mở,
Liền thoát khỏi tai nạn.

Hoặc có người muốn hại,

Bằng trù, yếm, thuốc độc,
Lực trì niệm Quán Âm,
Làm cho các thứ ấy,
Trở về với chủ nhân.

Hoặc gặp La-sát dữ,
Rồng dữ hay quỷ dữ,
Lực trì niệm Quán Âm,
Làm cho các loài dữ,
Tức thời không dám hại.

Hoặc bị thú dữ vây,
Trương nanh, vuốt ghê sợ,
Lực trì niệm Quán Âm,
Làm chúng vội trốn chạy,
Tứ tán không tông tích.

Hoặc rắn, rết, bò cạp,
Phun hơi độc mù mịt,
Lực trì niệm Quán Âm,
Làm chúng tự bỏ đi,

Liền theo tiếng trì niệm.
Hoặc giông tố, sấm sét,
Mưa lớn hay mưa đá,
Lực trì niệm Quán Âm,
Làm cho tiêu tan cả,
Liền theo tiếng trì niệm.

Chúng sinh bị khốn đốn,
Vì vô lượng khổ đau,
Với năng lực Tuệ giác,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Thường cứu khổ cho đời.

Bồ-tát Quán Thế Âm,
Đầy năng lực Thần thông,
Đầy năng lực Tuệ giác,
Đầy năng lực Phương tiện,
Cho nên mọi thế giới,
Hết thảy trong mười phương,

Không chỗ nào không hiện.
Các con đường ác dữ,
Địa ngục, quỷ, súc sinh,
Cho đến các khổ lớn,
Sinh, già, bệnh và chết,
Quán Âm thường làm cho,
Dần dần tận diệt sạch.

Quán sát đúng như thật,
Quán sát thật trong sáng,
Quán sát bằng Trí tuệ,
Cực kỳ sâu, rộng, lớn,
Quán sát bằng Đại bi,
Và bằng với Đại từ,
Nên hãy thường nguyện cầu,
Và hãy thường chiêm ngưỡng.

Là bản thể trong suốt,

Sáng soi không tỳ vết,
Là năng lượng mặt trời,
Xóa tan mọi hắc ám,
Là ngọn lửa sáng rực,
Xua tan mọi tai họa,
Quán Âm tỏa hào quang,
Chiếu khắp cả thế gian.

Bản thể của Đại bi,
Như sấm sét thức tỉnh;
Ý niệm của Đại từ,
Như vầng mây lành lớn,
Quán Âm mưa nước pháp,
Vị cam lồ diệt trừ,
Lửa dữ mọi phiền não.

Kiện cáo nơi cửa quan,
Kinh hoàng nơi chiến trận,
Lực trì niệm Quán Âm,
Làm cho kẻ đối địch,

Hết thảy tự rút lui.
Âm thanh cực vi diệu,
Âm thanh nhìn vào đời,
Âm thanh như Phạm Thiên,
Âm thanh như hải triều,
Là âm thanh siêu việt,
Mọi âm thanh thế gian,
Vì vậy hãy thường xuyên,
Nhất tâm chuyên trì niệm.

Hãy chuyên niệm liên tục,
Chớ khởi tâm nghi nan,
Trong những cơn khổ não,
Chết chóc hay nguy khốn,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Vị Thánh nhân thanh tịnh,
Là chỗ dựa an ổn,
Cho tất cả chúng sinh.

Là bậc đã trọn vẹn,

Hết thảy mọi công đức,
Là đôi mắt Từ bi,
Nhìn xuống mọi chúng sinh,
Là biển cả dồn chứa,
Vô lượng mọi Phước đức,
Cho nên Bồ-tát ấy,
Thật đáng kính, đáng lạy.

- Giải:

● Đoạn kệ này vừa tóm lược, vừa lập lại một lần nữa ý nghĩa được trình bày từ đầu Kinh cho đến hết phần văn xuôi (văn trường hàng). Nội dung gồm ba ý chính sau:

1. *Ý thứ nhất:* Bồ-tát Vô Tận Ý thưa hỏi Thế Tôn một lần nữa: *Vì sao Bồ-tát Quán Thế Âm có tên gọi như thế?* – Trước hết, Thế Tôn trả lời tổng quát rằng, thệ nguyện của Bồ-tát Quán Thế Âm cực kỳ cao thâm, không thể nghĩ bàn, khéo thích ứng hết thảy chúng sinh khắp mọi nơi chốn, và với lời thệ nguyện ấy, Bồ-tát Quán Thế Âm đã phụng sự vô số chư Phật.

- Qua nghĩa đoạn trên, có hai điểm cần ghi nhận (hiểu theo mặt *lý tánh*, còn mặt *sự tướng* thì như Kinh đã dạy):

Thứ nhất, thệ nguyện hóa độ chủ yếu của Bồ-tát Quán Thế Âm là hướng dẫn chúng sinh tự nỗ lực để thành tựu Đại bi, Đại trí, chứng đạt Niết-bàn.

Thứ hai, Bồ-tát Quán Thế Âm đã phụng sự vô số chư Phật, có nghĩa Bồ-tát đã ứng hóa vô lượng thân hình để cứu độ mọi chúng sinh đang gặp khổ nạn (*Phụng sự chúng sinh tức phụng sự Phật*). Đấy là thể hiện tinh thần Đại từ, Đại bi của một vị đã thành Phật trong quá khứ lâu xa (*Danh hiệu Ngài là Như Lai Chánh Pháp Minh*).

Do thế, trì niệm hay cúng dường Bồ-tát, chính là ý nghĩa nuôi dưỡng tỉnh giác trong tu tập để *Ngộ-Nhập Thật tại Vô ngã* hay thành tựu quả vị Phật-đà vậy.

2. *Ý thứ hai:* Đức Thế Tôn dạy rằng, hạnh nguyện hóa độ của Bồ-tát Quán Thế Âm thì vô lượng, vô số; bây giờ, Ngài chỉ nói gọn một số điểm tiêu biểu mà thôi.

- Trong phần này, đức Thế Tôn giới thiệu mười hai sự cứu độ của Bồ-tát Quán Thế Âm, trong mười hai nạn này, chỉ có một số ít là mới, như bị rơi từ núi Tu-di, bị rơi xuống núi Kim Cang, bị nạn phù chú.v.v…; còn đa số đã nói ở trước.

Nơi đây, nên nhận thức sự cứu độ của Bồ-tát Quán Thế Âm theo hai mặt *Sự-tướng* và *Lý-tánh,* tương tự như đã trình bày ở đoạn *cứu khổ bảy nạn.*

3. *Ý thứ ba:* Gồm mười bài kệ (một bài bốn câu) cuối cùng của đoạn này. Ý khái quát, Thế Tôn xác minh và tán thán năng lực Đại bi, Đại trí không thể nghĩ bàn của Bồ-tát Quán Thế Âm; đồng thời, Ngài khích lệ hàng đệ tử hãy thành tâm lễ bái, cúng dường và trì niệm Bồ-tát Quán Thế Âm.

- Với phần này, chúng ta hãy tìm hiểu từng bài kệ để hiểu sâu sát hơn (hiểu theo mặt *lý tánh*):

"Chúng sinh bị khổ ách,
Vô lượng khổ bức thân,
Quán Âm Diệu trí lực,
Năng cứu thế gian khổ."

Năng lực Trí tuệ Quán Thế Âm chính là *Thật tại Vô ngã,* Vô ngã chính là chân lý của các pháp (pháp giới); cho nên, chúng sinh trì niệm và thành tựu *Thật tại Vô ngã* này là giải thoát hết thảy mọi khốn khổ. Nói khác đi, chính *Thật tại Vô ngã* cứu chúng sinh ra khỏi mọi khổ đau.

"Cụ túc Thần thông lực,
Quảng tu Trí Phương tiện,
Thập phương chư quốc độ,
Vô sát bất hiện thân."

Khi đã thể nhập *Thật tại Vô ngã* là thành tựu hết thảy mọi công đức, uy lực, chẳng hạn như Lục thông, Đại bi, Đại trí, Đại phương tiện.v.v… Chính thế, thứ nhất, không chỗ nào mà Bồ-tát Quán Thế Âm không tùy duyên ứng hiện hóa độ; thứ hai *Thật tại Vô ngã* thì thường tại khắp nơi.

"Chủng chủng chư ác thú,
Địa ngục, quỷ , súc sinh,
Sinh, lão, bệnh, tử, khổ,
Dĩ tiệm tất linh diệt".

Năng lực Quán Thế Âm hay nói cách khác, chính năng lực Vô ngã, không những cứu chúng sinh thoát khỏi ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, mà còn giúp chúng sinh đoạn tận sinh tử, chứng đạt Niết-bàn.

"Chơn quán, thanh tịnh quán,
Quảng đại Trí tuệ quán,
Bi quán cập Từ quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng".

Cái nhìn của Bồ-tát Quán Thế Âm (cái nhìn của Vô ngã) là cái nhìn như thật, trong suốt của năng lực Đại từ, Đại bi, Đại trí vĩ đại. Do vậy, Thế Tôn khích lệ hàng đệ tử cần phải thường xuyên tu quán về *Thật tại Vô ngã* này.

"Vô cấu thanh tịnh quang,
Tuệ nhật phá chư ám,
Năng phục tai phong hỏa,
Phổ minh chiếu thế gian".

Quán Thế Âm là bản thể trong suốt, là ánh sáng phá tan mọi hắc ám, tối tăm (Đại Trí tuệ). Chính thế, trì niệm Quán Thế Âm là trì niệm bản thể Đại Trí tuệ; khi

thành tựu Trí tuệ thì mọi hắc ám, vô minh được đoạn tận.

"Bi thể giới lôi chấn,
Từ ý diệu đại vân,
Chú cam lồ pháp vũ,
Diệt trừ phiền não diệm".

Quán Thế Âm là bản thể Đại bi, như sấm sét thức tỉnh chúng sinh. Thế nên, trì niệm Quán Thế Âm chính là trì niệm bản thể Đại Từ bi; khi thành tựu tâm Đại Từ bi, đồng nghĩa với phiền não được đoạn tận.

"Tránh tụng kinh quan xứ,
Bố úy quân trận trung,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Chúng oán tất thối tán".

Theo người soạn, bài kệ này nằm ở đây xem ra không được nhất quán trong ý nghĩa, mà phải nằm trong phần nói về mười hai tai nạn ở trên. Điều này có thể do sơ suất trong các lần kết tập.

"Diệu âm, quán thế âm,
Phạm âm, hải triều âm,
Thắng bỉ thế gian âm,

Thị cố tu thường niệm".

Âm thanh trì niệm Quán Thế Âm (*Thật tại Vô ngã)* là âm thanh tinh hoa, là âm thanh nhìn vào cuộc đời đúng sự thật cuộc đời (các pháp Vô ngã), là âm thanh của sự thấy biết trong Thiền định (Phạm âm), là âm thanh khế lý, khế cơ, lan tỏa mười phương không hạn lượng (Hải triều âm), là âm thanh siêu việt các âm thanh của thế gian. Vì thế, hàng Phật tử hãy thường xuyên nhất tâm trì niệm.

"Niệm niệm vật sinh nghi,
Quán Thế Âm tịnh Thánh,
Ư khổ, não, tử ách,
Năng vị tác y hỗ".

Thế Tôn khích lệ đại chúng hãy tin tưởng tuyệt đối vào bậc Thánh thanh tịnh Quán Thế Âm (*Thật tại Vô ngã* hay *năng lực của Đại Trí tuệ, Đại Từ bi)* mà chuyên tâm trì niệm, vì Ngài là chỗ nương tựa an ổn cho tất cả chúng sinh khi đang còn trong thế giới sinh tử khổ đau.

"Cụ nhất thiết công đức,

Từ nhãn thị chúng sinh,
Phước tụ hải vô lượng,
Thị cố ưng đảnh lễ".

Đây là bài kệ kết thúc. Có hai ý:

Thứ nhất, Thế Tôn tán thán Bồ-tát Quán Thế Âm *(Thật tại Vô ngã)* là vị hoàn hảo mọi phẩm chất, là ánh mắt Từ bi (ban vui, cứu khổ) nhìn vào đời, là đại dương tích chứa vô lượng Phước đức.v.v…

Thứ hai, một lần nữa Thế Tôn khích lệ hàng đệ tử hãy tin tưởng, thành kính đảnh lễ, trì niệm Bồ-tát Quán Thế Âm để đạt cứu cánh giải thoát.

Tóm lại, đoạn này là phần kết thúc của phẩm *Phổ Môn.* Qua đây, một lần nữa, Thế Tôn giới thiệu con đường để hàng đệ tử tu tập, hầu *Ngộ-Nhập Tri kiến Phật.* Con đường tu tập ấy được biểu thị qua hạnh nguyện cứu độ của Bồ-tát Quán Thế Âm bằng Tài thí Ba-la-mật, Pháp thí Ba-la-mật và Vô úy thí Ba-la-mật. Do vậy, trong Kinh dạy, cần chuyên tâm lễ bái, cúng dường, trì niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, là ý nghĩa cần chuyên tâm thực hành Lục độ, để thành tựu

Lục độ Ba-la-mật. Thời điểm viên mãn Lục độ Ba-la-mật chính là thời điểm *Ngộ-Nhập Tri kiến Phật* hay an trú *Thật tại Vô ngã*. Như vậy, công phu trì niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm hay tu tập theo giáo nghĩa kinh *Pháp Hoa* đã đạt cứu cánh tối hậu vậy.

- Âm: Nhĩ thời, Trì Địa Bồ-tát tức tùng tòa khởi, tiền bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược hữu chúng sinh văn thị Quán Thế Âm Bồ-tát phẩm, tự tại chi nghiệp, Phổ Môn thị hiện, thần thông lực giả, đương tri thị nhân, công đức bất thiểu.

Phật thuyết thị Phổ Môn phẩm thời, chúng trung bát vạn tứ thiên chúng sinh, giai phát Vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề tâm.

- Nghĩa: ***Công đức được nghe phẩm Phổ Môn của hội chúng hiện tại và tương lai.***[29]

Đến thời điểm bấy giờ,
Vị Bồ-tát Trì Địa,

---

29. Người soạn phương tiện tạm đặt.

Từ chỗ ngồi đứng dậy,
Đến trước Thế Tôn thưa:
Kính bạch đức Thế Tôn,
Chúng sinh nào có duyên,
Được nghe phẩm nói về,
Bồ-tát Quán Thế Âm,
Với diệu dụng tự tại,
Với năng lực biến hiện,
Khắp mọi chốn, mọi nơi,
Thì nên biết người ấy,
Được công đức không nhỏ.

Khi Thế Tôn tuyên thuyết,
Về phẩm Phổ Môn này,
Trong hội chúng có đến,
Tám vạn bốn ngàn người,
Phát tâm Vô thượng Giác.[30]

---

30. *Vô thượng Giác*: Còn gọi là Vô thượng Chánh giác, Vô thượng Bồ-đề đó là nói gọn của Vô thượng Chánh - đẳng Chánh - giác. Gốc của các thuật ngữ ấy là: Anuttara-samyak-Sambodhi, dịch âm là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. *Pháp Hoa huyền nghĩa* giải thích rằng:

- Giải:

Đoạn cuối này là phần kết luận của phẩm *Phổ Môn.* Có 2 ý:

1. Bồ-tát Trì Địa khẳng định dưới sự chứng minh của Thế Tôn rằng, bất cứ người nào được nghe phẩm nói về hạnh nguyện vi diệu của Bồ-tát Quán Thế Âm, chính người ấy có công đức không phải là nhỏ.

2. Nghe xong phẩm *Phổ Môn,* trong hội chúng này có đến tám vạn bốn ngàn người phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

● Bồ-tát Trì Địa được nói ở đây, vừa là một vị Bồ-tát đích thực, vừa là ngôn ngữ biểu tượng. *Địa* là đất, là môi sinh dinh dưỡng và dung chứa mọi loài, mọi vật hoàn toàn Bình đẳng, Vô phân biệt. Cho nên, *Trì-Địa* có ý nghĩa là *nắm giữ Tâm Bình đẳng, nắm giữ Tâm Vô phân biệt*, tức biểu tượng cho *Thật tại Vô ngã.* Như thế, đoạn văn kết luận phẩm *Phổ Môn* qua hình ảnh Bồ-tát Trì Địa, Thế Tôn và Bồ-tát Quán Thế Âm

---

A là Vô, Nậu-đa-la là Thượng, Tam-miệu là Chánh đẳng, Tam-bồ-đề là Chánh giác.

là biểu tượng sự *Ngộ-Nhập tánh Phật* hay *Thật tại Vô ngã* qua quá trình tu tập Lục độ (tu tập hạnh nguyện Quán Thế Âm). Chính vì phẩm *Phổ Môn* nói riêng và kinh *Pháp Hoa* nói chung, chuyên chở giáo nghĩa rốt ráo như thế (*Đệ nhất nghĩa đế-Liễu nghĩa*) nên Kinh dạy, ai có duyên nghe được phẩm *Phổ Môn* này, thì công đức của họ *không nhỏ,* là vậy.

● Tám vạn bốn ngàn (*Bát vạn tứ thiên*) người phát tâm Vô thượng Bồ-đề ở đây, cũng mang nghĩa biểu tượng. Trước hết, theo nghĩa phổ thông, các kinh thường dạy chúng sinh có tám vạn bốn ngàn căn bệnh *(bát vạn tứ thiên bệnh)* thì giáo pháp của Thế Tôn cũng có tám vạn bốn ngàn pháp môn để đối trị các căn bệnh đó. Tuy vậy, ý nghĩa của *Tám vạn bốn ngàn* là tương tự như *Hằng hà sa số,* tức có nghĩa vô lượng, vô số. Cho nên, nghĩa biểu tượng ở đây là có vô lượng, vô số người phát tâm. Nói cách khác, sự phát tâm ở đây là phát khởi, phát triển, phát huy, phát hiện *Tâm Vô ngã.* Đây chính là ý nghĩa được nghe phẩm *Phổ Môn,* được trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm để *Phát tâm Vô*

thượng Bồ-đề nhằm Ngộ-Nhập Tri kiến Phật, chứng Vô dư Niết-bàn.

Tóm lại, ngôn ngữ diễn tả ở đoạn kết luận của phẩm *Phổ Môn* này khẳng định rằng, bản thể của các pháp là Vô ngã, Quán Thế Âm cũng là *Thật tại Vô ngã;* Vì vậy, hành giả tu tập *Pháp Hoa* muốn *Ngộ-Nhập Tri kiến Phật* (thấy biết và thể chứng *Thật tại Vô ngã*) thì cần phải tỉnh giác để phát khởi cái nhìn hết thảy các pháp là Vô ngã, trong khi hành Lục độ. Cho đến khi nào thành tựu Lục độ Ba-la-mật, thì chính khi ấy hành giả đã *Ngộ-Nhập Tri kiến Phật* hay hành giả chính là *Bồ-tát Quán Thế Âm* vậy.

CHƯƠNG IV: KẾT LUẬN

Chủ điểm của kinh *Pháp Hoa* là xác minh: *"Tất cả chúng sinh đều có tánh Phật"* (Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh). Nội dung của *Pháp Hoa* là *Khai-Thị tánh Phật* cho chúng sinh và hướng dẫn họ *Ngộ-Nhập Thật tại tánh Phật* ấy (Khai-Thị-Ngộ-Nhập Phật Tri-Kiến).

Phổ Môn là một trong các phẩm giới thiệu con đường *Ngộ-Nhập* ấy. Con đường này được biểu tượng qua hạnh nguyện hóa độ bằng Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí (Lục độ Ba-la-mật) của Bồ-tát Quán Thế Âm. Hạnh nguyện này, chính là diệu dụng của Đại Trí tuệ, Đại từ bi, là phẩm chất của tánh Phật.

Tụng *Phổ Môn* hay xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm chính là để củng cố niềm tin đối với *Pháp Hoa* và phát triển Chánh kiến đối với Bồ-tát Quán Thế Âm, để rồi tinh tấn thực hiện Lục độ trong

cuộc sống đời thường.

Với niềm tin vững mạnh, với Chánh kiến kiên cố biểu hiện qua sự tinh tấn tu tập như thế, khi gặp hoạn nạn, chắc chắn Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ cứu độ chúng ta. Hơn nữa, mục đích tu tập của chúng ta là nhằm đạt được cứu cánh, đó là viên mãn quả vị Phật đà; thì hạnh nguyện Bồ-tát Quán Thế Âm chính là một trong những mô thức thiết thực để chúng ta tu tập hầu phát triển và thành tựu cứu cánh tối hậu ấy.

MỤC LỤC